

Thiên Cổ Anh Hùng

Vua Nghiêu, Thuấn, Vũ

*Tổ nghiên cứu nhân vật anh hùng thiên cổ của văn
hóa Thần truyền huy hoàng 5000 năm*

*Nguồn: **chanhkien.org** / Dịch từ: **epochtimes.com***

10.2024

MỤC LỤC

Lời nói đầu

Chương 1: Hồng thủy ngập trời, Phục Hy sáng thế

Chương 2: Thánh vương hạ thế, khai mở trời Nghiêu

1. Thánh vương hạ thế	12
2. Đế Chí kế vị	14
3. Bình định họa loạn	16
4. Nghiêu thuận theo mệnh trời kế thừa đế vị	17
5. Hậu Nghệ bắn chín Mặt Trời	19
6. Tạo ra lịch pháp để điều hòa bốn mùa và âm dương	21
7. Sao Cảnh hiển điềm lành	23

Chương 3: Hồng hoang họa kiếp

1. Hồng thủy sơ hiện	25
2. Tháo phạt Tam Miêu	27
3. Truyền thuyết và những ghi chép liên quan đến đại hồng thủy	28
4. Độ cao của trận đại hồng thủy	30
5. Núi Nghiêu thần kỳ	32
6. Nguồn gốc của đại hồng thủy	34

Chương 4: Thuận Thiên ý Đế Nghiêu nhường ngôi cho Thuấn

1. Đế Nghiêu tìm người thừa kế	36
2. Tuổi thơ gian khó	36
3. Hình mẫu về lòng nhân ái hiếu đễ	38
4. Dùng đức cảm hóa lòng người	40
5. Được tiến cử là người thừa kế Đế Nghiêu	42
6. Trải qua khảo nghiệm chính trị	44

7. Công trạng thành lập giáo dục truyền đến vạn đời sau ..	46
8. Ngũ Thuấn nhiếp chính	47
9. Xuất hiện Hà đồ, Ngũ Thuấn nhận ngôi	48
10. Minh tỏ thiên tượng để trị sửa Thất chính	52
11. Thái Sơn phong thệtiện	53
12. Thiết lập hình pháp	54

Chương 5: Đại Vũ trị thủy thổ, định ra Thân Châu (P1)

1. Thần Vũ giáng thế	57
2. Khảo sát lũ lụt, dọc đường hiển Thần tích	61
3. Vũ thụ mệnh trị thủy	64

Chương 5: Đại Vũ trị thủy sông Hoàng Hà (P2)

4. Trị thủy sông Hoàng Hà	68
---------------------------------	----

Chương 5: Đại Vũ trị thủy sông Trường Giang (P3)

5. Trị thủy hệ thống sông miền Nam	80
--	----

Chương 6: Thuấn kế vị nhất thống thiên hạ

1. Tây Vương Mẫu đến châu	99
2. Định ra phương án nhất thống	100
3. Dùng đức giáo hóa tộc Hữu Miêu	101
4. Nhường ngôi cho Đại Vũ	102
5. Mười sáu chữ tâm pháp “Thánh nhân tâm truyền”	107
6. Đế Thuấn thăng thiên	108

Chương 7: Khai sáng kỷ nguyên mới cho Hoa Hạ

1. Hồng phạm cử trừ	112
2. Đúc Cửu đỉnh thống nhất Hoa Hạ	117
3. Mô thức quản lý thống nhất thiên hạ	119
4. Công thành viên mãn, Đại Vũ hồi thiên	125
Kết luận	127

Lời nói đầu

Trung Quốc, thời cổ được gọi là Thần Châu, tức là mảnh đất của những vị Thần.

“Bàn Cổ khai thiên địa”, “Nữ Oa tạo ra loài người”, “Phục Hy vẽ Bát quái”, “Thần Nông nếm trăm loài thảo dược”, “Thương Hiệt tạo chữ”, những truyền thuyết này đã triển hiện ra cho chúng ta một bức tranh lịch sử rõ nét. Sáng Thế Chủ tuần tự từng bước từ sáng thế, tạo ra con người, tạo nên môi trường sinh tồn và sinh sống cho con người, rồi truyền cho con người văn hóa để giáo hóa con người, từ đó quy phạm hành vi đạo đức của con người. Từ cơ sở đó, Sáng Thế Chủ đã an bài các vị Thần Phật hạ thế để truyền Pháp độ nhân, hướng dẫn con người tu luyện, đã tạo nên văn hóa tu luyện cho con người để con người phấn chấn quy chân, quay về với thiên quốc.

Từ những ghi chép cổ xưa cho thấy, Sáng Thế Chủ đã khai sáng ra tam giới nơi con người tồn tại. Từ rất xa xưa, Bàn Cổ đã nhận sứ mệnh của Sáng Thế Chủ để sáng tạo ra tiểu vũ trụ có rất nhiều thiên hà, trong đó có hệ Ngân Hà này của chúng ta.

Tiếp theo đó, một số vị Thần đã dựa theo hình tượng của bản thân để tạo ra con người sinh sống trên Trái Đất này của chúng ta. Có ghi chép nói rằng, Nữ Oa đã dựa trên hình tượng của bản thân Bà rồi dùng bùn đất để tạo nên con người. *Kinh Thánh* cũng có ghi chép rằng, Thượng Đế đã dựa trên hình tượng của Ngài rồi dùng bùn đất tạo ra con người. Trong các nền văn hóa khác nhau đều đề cập đến việc các vị Thần khác nhau

đã tạo nên những chủng người khác nhau, đồng thời họ cũng tạo nên vạn vật trong trời đất để làm cho thế giới nơi con người sinh sống thêm phần vinh, đa dạng.

Thế giới tự nhiên lúc mới được tạo ra rất khắc nghiệt, ở đó toàn là gió gào chớp giạt. Cần phải làm cho mưa rơi như thế nào, tuyết bay ra sao v.v. để phù hợp với con người? Qua biết bao nhiêu niên đại điều chỉnh, các vị Thần mới dần dần thuần phục được giới tự nhiên để tạo ra môi trường sinh tồn và sinh sống phù hợp. Khi bốn mùa xuân hạ thu đông phân định rõ rệt thì con người bắt đầu có thể an cư lạc nghiệp.

Con người lúc mới được tạo ra cũng giống như một đứa trẻ sơ sinh, điều gì cũng không biết, họ không có chút nhận thức nào về môi trường tự nhiên, cũng không có năng lực thích ứng với tự nhiên và xã hội. Lúc này, Thần phải trực tiếp bảo hộ con người, tạo ra môi trường sinh tồn và sinh sống cho con người, bồi dưỡng cho con người năng lực sinh tồn, dần dần làm phong phú nội hàm tư tưởng của con người, khiến cho họ có thể tự lập được.

Tộc Hữu Sào dạy con người lên cây làm tổ, tránh mưa gió, ngăn các tác hại từ môi trường.

Khi tộc Toại Nhân “dùng đá để lấy lửa”, là cột mốc đánh dấu việc con người đã tự biết lấy lửa, từ đó kết thúc thời kỳ lấy lửa từ trời. Trong thần thoại Hy Lạp cổ có câu chuyện Thần Prometheus lấy trộm lửa trao cho con người. Phục Hy có Thần lực rất lớn, ông trông lên quan sát trời, trông xuống quan sát đất, từ đó vẽ ra Bát quái, đã lưu lại cho con người công cụ để câu thông với Thần. Tức là, Bát quái ngay từ đầu vốn đã có những thần thông kỳ diệu để câu thông với trời đất và tự nhiên.

Trong thời kỳ Phục Hy còn phát sinh trận đại hồng thủy hủy diệt. Theo ghi chép của *Sở Bạch Thư* thì trận hồng thủy này rút đi để lại là một mặt đất hỗn độn, thế là Phục Hy tiến hành sáng thế, quy chính bốn mùa trên mặt đất cùng sự vận hành của Mặt Trời, Mặt Trăng và các ngôi sao, điều hòa âm dương.

Đến thời Thần Nông, dần theo sự sinh sôi đông lên của con người thì nhu cầu về lương thực cũng tăng lên,



Tranh Thần Nông hái thuốc của Liêu Dật

khi này Thần Nông đã dạy con người trồng cấy, truyền dạy rộng cách trồng ngũ cốc, chế tạo lưỡi cày, khai sáng ra thời đại con người biết trồng cấy. Thần Nông còn được người đời sau gọi là Thần Ngũ cốc. Ông dùng cây cuốc màu đỏ đào các loài thảo mộc, ném thử trăm loài thảo dược, từ đó bắt đầu có y dược, vì thế ông còn được tôn xưng là Dược Vương. Thần Nông khai sáng ra chợ để trao đổi hàng hóa, khai sáng ra việc thông thương buôn bán.

Tiếp theo là đến thời đại của Hoàng Đế, mở màn cho lịch sử 5000 năm huy hoàng.

Hoàng Đế bình định thiên hạ, thống nhất và dung hợp các bộ lạc Hoa Hạ, trở thành chủ chung của thiên hạ. Đây là lần thống nhất đầu tiên của các dân tộc, bộ lạc và thị tộc của Trung Hoa, mở ra thời đại “văn trị võ công”, thể hiện đạo lý “binh chinh thiên hạ, vương giả trị quốc”. Hoàng Đế đặt ra bách quan, chế ra các điển chương, kiến lập nên rường cột của xã hội con người, tạo ra y phục, tàu xe, chữ viết, can chi, nhạc cụ, y học, lịch pháp và cách trồng dâu nuôi tằm v.v., khai sáng ra nền văn minh nhân loại huy hoàng. Hoàng Đế còn là người tu Đạo, về sau ông đắc Đạo cưỡi rồng bay về trời, từ đó tôn định nên văn hóa tu luyện khiến con người có thể tu luyện đắc Đạo thành Thần.

Ông được con người tôn xưng là thủy tổ của dân tộc Trung Hoa.

“Thương Hiệt tạo chữ” là một sự việc huy hoàng trong lịch sử loài người. Có ghi chép rằng, Thương Hiệt là một sử quan của Hoàng Đế, “sinh ra đã biết chữ, lại thông hiểu Hà đồ Lạc thư, hiểu rõ biến đổi của trời đất, trông lên quan sát hình thế của họa đồ Sao Khuê, trông

xuống quan sát vấy cá lông chim, hình dạng núi sông và quan sát bàn tay ngón tay người mà tạo ra chữ”. *Hoài Nam Tử – Bản kinh* có ghi chép: “Xưa Thương Hiệt tạo chữ, mà trời đổ mưa, quỷ khóc ngày đêm”. Chữ Hán là văn tự hình tượng, là chữ tượng hình, âm của chữ và hình của chữ đối ứng với thiên tượng, có thể câu thông với tín tức của trời, đất, con người và Thần. Từ những văn vật tìm được trong lòng đất, đã nhận dạng được hơn 5000 chữ giáp cốt, đó đều là những văn tự vô cùng thành thực. Đa phần các văn tự được khắc trên mai rùa, xương động vật, các dụng cụ bằng đồng, đồ gốm hoặc trên những miếng ngọc đều là những ghi chép về việc tế tự hoặc các quẻ bói, lý do là văn tự vào thời đó được dùng để ghi chép lại thiên tượng, lễ tế Thần hoặc kính ngưỡng Thần. Cũng tức là, văn tự trước thời nhà Chu là dùng để ghi chép lại những việc liên quan đến “Thần”, mà không phải dùng để ghi chép lại việc liên quan đến “người”.

Thời Chuyên Húc, xảy ra một sự việc “cắt đứt con đường thông giữa trời và đất”, tức là đoạn tuyệt mối liên hệ trực tiếp giữa con người và Thần, từ đó con người dần dần rời xa Thần.

Thời Nghiêu Đế xảy ra một trận đại hồng thủy, chỉ có một số ít người sống sót. Theo sự an bài của Sáng Thế Chủ, ba vị thánh quân là Nghiêu, Thuấn, Vũ đã tiếp nối các đời trước khai sáng nên vũ đài lớn ở Thần Châu. Họ là những người mở đường cho nền văn minh của con người sau trận đại hồng thủy, là những người sáng tạo nên một thế giới mới.

Tần Thủy Hoàng thống nhất thiên hạ, là bước hoàn thiện cho vũ đài lớn ở Thần Châu này. Việc thống nhất

chữ viết, thống nhất kích cỡ xe trong thời Tần Thủy Hoàng đã khai sáng thể chế văn hóa nghìn năm cho Thần Châu, tôn định nên thể cục chính trị nghìn năm cho Trung Hoa. Hán Vũ Đế trực xuất bách gia, đã sửa đổi tận gốc và đặt định nên nền văn hóa chính thống bên ngoài dùng Nho bên trong dùng Đạo, thiên nhân hợp nhất, từ trên nền móng thể chế của nhà Tần, đã kiến lập nên khung thể chế chính trị ổn định tồn tại mãi cho đến nhà Thanh sau này.

Lịch sử Trung Quốc là một triều đến một triều đi, diễn nên từng màn kịch lịch sử xúc động lòng người, triển hiện ra từng bức tranh lịch sử triều dâng sóng dậy, để lại vô số những câu chuyện buồn vui cảm động lòng người. Vũ Đế định ra chín châu sau đó là triều đại của vua Thang kế nghiệp, nhà Tần thôn tính sáu nước lại đến nhà Hán đăng cơ. Tranh giành Trung Nguyên, anh hùng lớp lớp xuất hiện, một triều đại kết thúc là một triều đại mới lên đài, không ngừng tôn định nên nội hàm văn hóa Trung Hoa lấy đạo đức làm trung tâm.

Quá trình 5000 năm văn hóa Thần truyền là quá trình Thần bồi luyện, thành tựu con người, là công trình vĩ đại để tạo ra kết cấu tư tưởng của con người. Mỗi triều đại đều mang theo đặc sắc của chúng sinh những thiên quốc khác nhau để hạ thế kết duyên, tất cả đều mang theo đặc điểm văn hóa riêng của tự mình, đều có những việc tự bản thân họ cần phải làm cũng như sứ mệnh phải hoàn thành. Sự bác đại tinh thâm tích lũy trong văn hóa 5000 năm đã tỏa ra ánh hào quang chói lọi.

Văn hóa truyền thống Trung Hoa là nền văn hóa mà Sáng Thế Chủ an bài cho các dân tộc trên mảnh đất Thần Châu cùng nhau sáng tạo nên qua các thời kỳ lịch sử.

Chương 1: Hồng thủy ngập trời, Phục Hy sáng thế

Phục Hy là thủy tổ của văn minh lần này của chúng ta. Phục Hy thuận theo chỗ huyền diệu của tạo hóa vũ trụ, phù hợp với thiên địa tự nhiên, noi theo trời phỏng theo đất để khai sáng ra tân vũ trụ, làm cho trời và đất tách nhau ra, bốn mùa và các vì sao tuần tự có thứ tự. Theo *Lộ Sử* ghi chép: “Mẹ của Phục Hy là Hoa Tư, sống ở bến sông Hoa Tư, thường cùng Thúc Cơ đến chơi ở bên bờ sông Phần. Thấy có dấu bàn chân khổng lồ, bà liền ướm thử, trong lòng cảm thấy xung động, rồi có cầu vồng vây quanh, từ đó mang thai, 12 năm sau sinh ra Phục Hy. Phục Hy sinh ra ở Cừu Di, lớn lên ở Khởi Thành”.

“Tam Hoàng bản kỷ” trong *Sử ký* viết: “Thái Hạo Bào Hy họ Phong, kế vị Toại Nhân, nối mệnh trời lên làm vua. Mẫu thân là Hoa Tư, ướm chân vào vết chân người khổng lồ ở đầm Lôi Trạch, vì thế có mang sinh ra Bào Hy ở Thành Kỷ. Ông có Thánh đức, ngựa lên xem tượng ở trời, cúi xuống xem khuôn mẫu ở đất, xem xét đặc điểm các giống diệu thú và cái nên chằng của đất, gần thì lấy ở trong thân người ta, xa thì lấy ở các loài vật, lúc đó mới bắt đầu vạch ra tám quẻ để thông thấu được với cái đức của Thần linh, biện biệt được cái tình của vạn vật”.

Trong *Tấn thư – Ngũ hành chí* của Lý Thuần Phong viết rằng: “Phục Hy nối mệnh trời lên làm vua, tiếp nhận “Hà đồ” mà thiên thượng ban, vạch ra “Bát quái”, Long Mã dâng “Hà đồ”, Bạch Quy dâng “Lạc thư”. Bát quái



Bức tranh vẽ Phục Hy ngồi của họa sỹ Mã Lâm thời Nam Tống, hiện bức tranh đang được lưu giữ tại Bảo tàng quốc gia Cố cung ở Đài Bắc

diễn ra tận cùng cái lý của âm dương thái cực, triển hiện ra đại đạo tiên thiên, “Bát quái” vốn đã có những thần thông kỳ diệu để câu thông với trời đất và tự nhiên, để lại cho con người phương tiện để kết nối với Thần, giúp con người có thể nhận được những chỉ dẫn và trợ giúp của Thần”. Dựa theo miêu tả trong “Kỳ môn độn giáp”: “Long Mã là tinh phách của trời đất, nó có hình dáng đầu rồng thân ngựa vẩy rồng, cho nên gọi là Long Mã. Long Mã cao 8 thước 5 tấc, cổ dài, có cánh, lội nước không chìm. Khi Thánh nhân tại vị, nó cũng hình vẽ xuất hiện ở sông Mạnh Hà”.

Thời Phục Hy trời đất xảy ra một biến động cực lớn, đó là trận đại hồng thủy hủy diệt nhấn chìm thế giới trong nhiều năm, chỉ có những người sống ở trên dãy núi Côn Lôn mới được sống sót. Thời kỳ này, ở các nơi trên thế giới đều có những truyền thuyết tương tự nhau, cách thời đại của chúng ta hiện nay khoảng 10.000 năm, như truyền thuyết Phục Hy và em gái nhờ một quả hồ lô mà thoát nạn hồng thủy, hay như truyền thuyết về sự hủy diệt của đại lục Atlantis và đại lục Mu.

Sau khi hồng thủy rút đi, trời và đất không phân tách, rơi vào trạng thái hỗn độn, khi này đã xuất hiện thần tích Phục Hy sáng thế. *Sở Bạch Thư* ghi lại quá trình Phục Hy sáng thế như sau: “Thời thượng cổ có một con rồng lớn được gọi là Phục Hy, sinh ra ở Lôi Trạch, sống ở sông Hoài Thủy. Lúc đó trời đất, ngày đêm còn chưa phân tách, thế giới ở trong tình trạng hỗn độn mông muội, chỉ là một khoảng tối đen mênh mông, không còn bất cứ điều gì tồn tại. Chỉ có gió mưa tích tụ, hồng thủy tràn lan. Phục Hy hợp hôn với Nữ Oa sinh ra bốn người con trai. Bốn người con trai này là bốn vị Thần cai quản

bốn mùa và bốn phương. Con trai cả là Thanh Can cai quản mùa xuân và phương Đông, con trai thứ hai là Chu Tứ Thiện cai quản mùa hạ và phương Nam, con trai thứ ba là Liệt Hoàng Nan cai quản mùa thu và phương Tây, con trai thứ tư là Huệ Mặc Can cai quản mùa đông và phương Bắc. Bốn vị Thần mở mang, sửa sang lại trời và đất, quản lý các vì sao, làm cho trời và đất tách nhau ra, bốn mùa và các vì sao tuần tự có thứ tự”.

Vũ trụ non sơ vừa được tạo ra thì lại bị mất cân bằng. “Thời gian trôi quá nhanh, Mặt Trời và Mặt Trăng không phù hợp với sự sống. Cửu châu không bằng phẳng, toàn là núi non trùng điệp, thấy thế bốn vị Thần bèn ra tay, làm cho trời cân bằng lại”. Dùng tinh hoa của năm loại mộc là thanh mộc, xích mộc, hoàng mộc, bạch mộc, hắc mộc để chống đỡ cho mặt đất đã bị phá hủy, sửa chữa vá lại mái trời. “Sửa sang lại bốn cực”, chỉnh sửa lại vũ trụ bị mất cân bằng. Sau thời Phục Hy, là đến Nữ Oa kế vị làm chủ chung thiên hạ. Cộng Công không phục, phát động cuộc phản loạn, Nữ Oa lệnh cho Chúc Dung thảo phạt, Cộng Công bị thua, tức giận húc đầu vào núi Bất Chu, làm núi bị sập, cột chống trời bị gãy, làm đứt dây níu đất, trời bị lệch về phía Tây Bắc, khiến cho Mặt Trời, Mặt Trăng và các vì sao bị chuyển dời vị trí. “Bốn cực bị phá, cửu châu tách ra, trời không còn toàn vẹn để che chở, đất không còn tròn vẹn để nâng đỡ; lửa cháy bùng bùng không tắt, nước dâng ầm ầm không ngừng”. Nghĩa là, trời đã sập đất đã lở, lửa lớn bùng lên, hồng thủy tràn lan, loài chim bay phơi xác khắp nơi, loài thú chạy ngổn ngang khắp đất. Trời không thể che chở toàn bộ cho đất, đất không thể nâng đỡ hoàn toàn cho muôn vật, hỏa hoạn bùng không dứt, hồng thủy cuộn cuộn không

dùng. Nữ Oa “luyện đá ngũ sắc để vá trời” tiếp nối lại bốn cực, diệt hắc long để cứu Ký Châu, lấy tro cây sậy để ngăn hồng thủy, đã quy chính trật tự vận hành của trời đất, nhờ thế mà con người được an cư lạc nghiệp.

Phục Hy nối mệnh trời làm vua, đứng đầu trăm vua nên gọi là Hy Hoàng. Vào dịp đầu năm, ông đi về phía Đông, đến núi Thái Sơn lập đàn tế trời đất, khai sáng ra lễ Phong thiện Thái Sơn (lễ tế trời đất ở núi Thái Sơn) cho người ở lưu vực sông Hoàng Hà.

Trải qua hàng nghìn năm, đến thời kỳ của vua Nghiêu, trời đất lại một lần nữa phát sinh biến hóa to lớn, trận đại hồng thủy quy mô toàn thế giới gần như đã hủy diệt văn minh nhân loại. Vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Vũ đã tiếp nối các đời trước, một lần nữa khai sáng thế giới mới.

Chương 2: Thánh vương hạ thế, khai mở trời Nghiêu

1. Thánh vương hạ thế

Sách *Sử ký* ghi lại: Cha của Nghiêu là Đế Khốc (có sách chép là Đế Cốc). Đế Khốc có bốn người vợ là: Khương Nguyên, Giản Địch, Khánh Đô và Thường Nghi.

Khương Nguyên là chính phi của Đế Khốc, Khương Nguyên ướm vào dấu chân người khổng lồ, sau đó thụ thai sinh được người con trai đặt tên là Cơ Khí (tức Hậu Tắc). Hậu Tắc chính là tổ tiên của nhà Chu sau này.

Giản Địch nuốt trứng chim Huyền Diệu mà sinh ra Tử Tiết, Tử Tiết chính là tổ tiên của triều đại nhà Thương sau này.

Khánh Đô, họ Trần Phong sinh ra ở dưới núi Y Kỳ. Truyền thuyết kể rằng Khánh Đô là con gái của một vị Thần nhân. Một ngày nọ, trời nổi sấm sét đánh vào người vị Thần nhân đó đến chảy máu, máu của vị Thần nhân này chảy đến tảng đá lớn, về sau chỗ máu đó hóa thành một đứa trẻ, đứa trẻ này chính là Khánh Đô. Sau này Đế Khốc cưới nàng làm phi rồi sinh ra Đế Nghiêu.

Người vợ thứ tư của Đế Khốc là Thường Nghi, bà sinh ra Đế Chí, Đế Chí là con trai trưởng của Đế Khốc. Sau này Thường Nghi còn hạ sinh được thêm một người con gái.

Theo sách *Trúc thư kỷ niên* ghi chép: Mẹ của Đế Nghiêu là Khánh Đô, bà được sinh ra ở cánh đồng Đẩu Duy, thường có mây màu vàng che trên đầu. Sau khi lớn lên, bà đi du ngoạn Tam Hà, thường có rồng theo

sát phía sau. Một ngày, rồng mang đến một bức tranh, trên đó viết rằng: “Diệp thụ thiên hữu” (Được trời ban phước). Phía dưới còn có bảy chữ “Xích đế khởi thành thiên hạ bảo” (Xích đế lớn lên trở thành báu vật của thiên hạ). Người trên hình có lông mày tám màu, tóc râu đều dài bảy thước hai tấc, khuôn mặt trên nhọn dưới đầy, chân dẫm lên chòm sao Dực. Chốc lát có gió lạnh từ bốn phương thổi lại, một con rồng đỏ xuất hiện rồi cùng Khánh Đô giao hợp. Khánh Đô hoài thai mười bốn tháng sinh ra Đế Nghiêu ở Đan Lăng, tướng mạo giống như miêu tả trong bức họa. Hai lòng bàn chân có hai mươi hai nốt ruồi đỏ, tựa như chòm Dực trên bầu trời vậy. Đây có thể gọi là sự tích ra đời của Xích đế, còn được gọi tên là “Phóng Huân”. Thụy hiệu là Đế Nghiêu, theo chương “Thụy pháp” sách *Lễ ký* chép, đấng quân chủ có bốn phẩm đức Dực Thiện Truyền Thánh, hoặc có bốn phẩm Thiện Hạnh Đức Nghĩa đều thụy là Nghiêu. (Chú thích: Dực là bổ trợ, nâng đỡ; Thiện là hành vi, phẩm chất tốt; Truyền là nhượng vị; Thánh thời xưa dùng để chỉ người có phẩm đức cao thượng, trí huệ cao siêu).

Sau khi sinh ra, Nghiêu Đế cùng mẹ sống ở nhà ông ngoại là Y Kỳ Hầu, vì vậy Nghiêu Đế mang họ Y Kỳ, hoặc Y.

Nghiêu Đế “thân cao mười thước”. Theo *Xuân thu nguyên mệnh bao* (thời Tây Hán) viết rằng: “Lông mày Nghiêu tám màu, là tướng thông minh. Làm lịch kính theo định luật của Trời, xem xét độ số Mặt Trời, Mặt Trăng, các ngôi sao; làm máy toàn cơ và ngọc hành để xem thiên văn” (toàn cơ và ngọc hành là hai loại máy để xem thiên văn của thời thượng cổ, cũng như hồn thiên nghi của đời Minh). Chính là nói lông mày của Nghiêu Đế



Tranh màu vẽ Nghiêu Đế của
Họa sỹ thời Nhà Thanh

có tám ánh sắc hào quang, ông thông hiểu thiên tượng và lịch số, hiểu rõ sự vận hành của các vì sao, Mặt Trời và Mặt Trăng. Trong *Xuân thu vĩ - Hợp thành đồ* nói rằng trán ông trông giống vàng thái dương.

2. Đế Chí kế vị

Lúc tuổi về già, Đế Khốc chuyên tâm tìm hiểu về tu Đạo, nên ông phải cân nhắc thật kỹ lưỡng ai trong bốn người con sẽ thay ông kế thừa ngôi vị. Ông bắt đầu so sánh bốn người con trai, xét về tài đức thì có Nghiêu và Tiết, xét về danh phận thì mẹ của Khí là chính phi, còn xét về tuổi tác thì Chí là con cả, nhưng tài đức của Chí lại không bằng các huynh đệ của mình. Đế Khốc quyết định dùng quẻ bói để lựa chọn, kết quả là cả bốn người con đều có điềm báo lên ngôi trị vì thiên hạ (Chú thích: ứng với việc Chí lên ngôi, sau đó Nghiêu nối ngôi Chí,

Cơ Khí là thủy tổ của nhà Chu, Tử Tiết chính là tổ tiên của triều đại nhà Thương). Cuối cùng Đế Khốc quyết định dựa vào tuổi tác để lập Chí làm Thái tử.

Sau khi Đế Khốc qua đời, Chí kế thừa ngôi vị, hiệu là Đế Chí.

Năm Nghiêu 13 tuổi, ông được phong ở đất Đào. Ông là người tài giỏi hiếu học, nổi tiếng xa gần với sở trường chế tác các loại dụng cụ gốm sứ. Nghiêu là người hiền đức và tài năng, ông quản lý chăm lo công việc ở đất Đào của mình vô cùng tốt.

Năm Nghiêu 15 tuổi ông lại được phong ở đất Đường, làm Đường Hầu, nhận mệnh trợ giúp quản lý triều chính, ông và thị tộc của mình được gọi là “Đào Đường thị”.

Đế Chí chưa đủ tài đức, thường kết thân với một số kẻ không lương thiện, nhập cùng với nhóm “Tam hung”. Nhóm “Tam hung” là ba kẻ xấu xa thời bấy giờ, gồm Cộng Công Khổng Nhâm, Hoan Đâu và Cỗn.

Cộng Công Khổng Nhâm là kẻ luôn nói những lời lẽ sắc bén giả dối, bề ngoài tỏ ra kính cẩn hiền hòa, nhưng trong nội tâm lại cay nghiệt ác độc; Hoan Đâu tính tình hung ác, tàn bạo bất nhân, làm bại hoại phong tục, dụ dỗ mọi người làm loạn đất nước; Cỗn là kẻ học rộng tài cao, giỏi về xây dựng, nên luôn tự cho mình là đúng, vô cùng bảo thủ và cố chấp.

Đế Chí phong chức cho Hoan Đâu làm Tư Đồ, quản lý chung chính sự; phong Khổng Nhâm làm Cộng Công, tổng quản các công trình; phong Cỗn làm Tư Không, chuyên quản lý về đường thủy, đường bộ và trị thủy. Hoan Đâu và Khổng Nhâm thường dẫn dụ Đế Chí ăn chơi rượu chè, không để ý tới triều chính, xa lánh bách

quan, không thương xót con dân, dân chúng nhiều lần oán thán, thiên tai liên miên không ngừng, mọi người nói đây là do Thiên tử vô đạo mà gây ra.

3. Bình định họa loạn

Đế Chí thất đức, dẫn tới một vài bộ lạc thiểu số phía Đông (thời xưa gọi là Đông di) nhân cơ hội lần lượt làm loạn, gây hại cho đất nước. Theo *Hoài Nam Tử – Bản kinh huấn*: Vào thời Nghiêu những thủ lĩnh bộ tộc như Ấp Du, Tạc Xỉ, Cửu Anh, Đại Phong, Phong Hi, Tu Xà đều gây họa hại cho dân.

Theo *Sơn hải kinh – Hải nội* có ghi chép: “Đế Tuấn ban cho Nghê cây cung màu đỏ và mũi tên màu trắng,



Tranh Nghiêu Đế do Mã Lâm triều Tống vẽ

để cứu giúp quốc gia ở dưới. Nghê bắt đầu trải qua trăm nạn ở hạ giới”. Lúc đó Thiên đế là Đế Tuấn, Ngài thấy rằng thế gian sắp phải hứng chịu nạn lớn, liền phái Hậu Nghê hạ thế trợ giúp nhân loại.

Hậu Nghê nhận lệnh Nghiêu Đế, Bắc trăm Tiết Thân, Tây diệt Cửu Anh, Trung trừ Phong Hi, Nam giết Ba Xà, Đông bắt Đại Phong, sau đó giết Tạc Xỉ. Dẹp yên họa loạn, từ đó danh tiếng

đức hạnh của Nghiêu nổi khắp thiên hạ, khắp nơi đều quy phục.

4. Nghiêu thuận theo mệnh trời kế thừa đế vị

Chư hầu bốn phương thấy rằng uy đức của Nghiêu sáng tỏ như Mặt Trời, đều muốn ông lên ngôi đế vị. Đế Chí cũng cảm giác thấy mình không đủ tài đức sáng suốt như Nghiêu, vì vậy sau khi tại vị được chín năm đã hạ chiếu chỉ nhường ngôi lại cho Nghiêu.

Tương truyền Nghiêu gặp phải một giấc mộng kì lạ, mơ thấy mình đang dạo chơi trên núi Thái Sơn, đột nhiên xuất hiện một con thanh long, sau đó ông cười rồing mà bay lên, hạ xuống đỉnh núi rồi ngẩng đầu nhìn lên, thấy cổng Thiên Cung mở toang, chỉ cách đỉnh đầu chưa đầy năm thước, hai tay ông nắm lấy cửa Thiên Cung, bước lên Thiên Thượng, cảm thấy ngân đài kim khuyết, ngọc vũ quỳnh lâu lộng lẫy huy hoàng.

Nghiêu nối tiếp Đế Chí trở thành chủ chung của thiên hạ, định đô ở Bình Dương.

Sau khi Đế Nghiêu kế thừa ngôi vị ông thường vào trong dân gian tìm người hiền tài để trợ giúp đất nước. Nghiêu tìm đến Xích Tương Tử Dư, Phiệt Khanh, Vu Hàm... mời họ vào triều nhậm chức, ngoài ra còn được trợ giúp của Bách Thành Tử Cao, Trương Quả Lão...

Nghiêu đến núi Cô Xạ ở bờ Bắc sông Phần Thủy viếng thăm bốn vị tu luyện đắc Đạo là Phương Hồi, Thiện Quyển, Phi Y (Bồ Y) và Hứa Do. Nghiêu dùng lễ đối đãi họ như bậc trưởng lão, hay như học trò đến thăm hỏi thầy, khiêm tốn xin chỉ giáo. Nghiêu còn từng là học trò của thầy Doãn Thọ Tử.

Năm thứ năm thời Đế Nghiêu, ở Nam di có nước Việt Thường phái sứ thần đến chúc mừng triều đình, cống tặng một con rùa lớn. Sứ giả nói rằng, con rùa này chính là rùa thần đã sống thọ được hơn một ngàn năm rồi, đường kính nó dài hơn một mét, trên lưng rùa chằng chịt vết khắc loại chữ khoa đầu, ghi chép lịch sử nhân loại từ khi khai thiên tịch địa. Nghiêu Đế hết sức vui mừng, mệnh lệnh sử quan ghi chép lại toàn bộ vào sách sử.

Đế Nghiêu phân thiên hạ làm chín châu (cửu châu), định kỳ tuần du bốn phương, trung cầu ý kiến của chư hầu ở bốn phương để khảo sát điểm hay điều dở trong việc trị quốc của mình. Ngài lại cho người dựng “Bảng Mộc” (bảng trách lỗi) để nghe nỗi lòng người dân trăm họ, hết lòng trị vì thiên hạ xã tắc.

Sử ký ghi chép rằng: Nghiêu Đế “nhân đức như Trời, trí tuệ như Thần, ở gần ông tựa như được ánh Mặt Trời sưởi ấm, từ xa nhìn lại ông tựa như đám mây cao quý”. Lòng nhân đức hàm dưỡng của Nghiêu Đế rộng lớn như bầu trời, trí tuệ của ngài sáng suốt như một vị Thần, ở gần thì ông như vàng thái dương tỏa sáng khắp nơi, từ xa nhìn thì ông như áng mây sáng lạn rực rỡ. Ngài là người phú mà không kiêu căng, quý nhưng chẳng ngạo mạn. Ông luôn tôn kính những người có đạo đức, tâm thường nghĩ đến con dân trăm họ, khiến cho cửu tộc trở nên thân thiết với nhau, trăm họ hòa thuận. Ông là vị vua nhân từ sáng suốt, nhân đức phủ trùm thiên địa, làm rõ chức trách của trăm quan, các bộ lạc cùng nhau sống chung hòa bình.

Theo *Thuyết Uyển*: Nghiêu là người đặt tâm vì thiên hạ. Gặp phải người đói khát, ông nói: “Là ta đã khiến

anh phải đổi!"; gặp phải người đang rét lạnh, ông nói: "Là ta không cai quản tốt thiên hạ mới khiến anh phải rét lạnh"; gặp phải người phạm tội, ông nói: "Chính ta đã khiến anh ta phải phạm tội". Vua Nghiêu lấy lòng nhân từ mà gây dựng đức hạnh, dùng hiểu biết mà thay đổi mọi việc, không thưởng mà khuyến khích người, không phạt mà giúp người sửa lỗi sai, đó là Đạo của Nghiêu Đế.

Thiên hạ thái bình, có ông lão 80 tuổi vừa gõ vừa hát ca rằng: "Mặt Trời mọc thì ta đi làm, Mặt Trời lặn thì nghỉ ngơi, đào giếng lấy nước uống, làm ruộng lấy thức ăn, Đế có sức gì giúp được ta đâu!".

Người xem than rằng: "Vĩ đại thay, đó là đức của vua Nghiêu đó".

5. Hậu Nghệ bắn chín Mặt Trời

Lúc bấy giờ, nước Hoa Ấp báo lên: từ Mặt Trời có một luồng khí đen tới, bao quanh vài vòng chu vi núi Thái Hoa, sau đó tìm thấy một vật ở Thái Hoa, hình dáng như rắn, có sáu chân, bốn cánh. Theo truyền thuyết, thì vật đó báo hiệu thiên hạ sẽ có hạn hán lớn.

Sau đó nước Trác Lộc phương Bắc báo rằng: Khi Hoàng Đế chiến đấu với Xi Vụ, Nữ Bạt (tức Hạng Bạt, con gái của Hoàng Đế) sau khi đã trợ giúp Hoàng Đế phá vỡ "trận mưa lũ lớn" do Xi Vụ bày ra, đã đi về phía Nam đến Ký Châu, vì vậy vùng Ký Châu trời hạn hán không đổ mưa.

Tiếp theo, trên trời xuất hiện bốn Mặt Trời. Mọi người đều nói, trời không thể có hai Mặt Trời, vì vậy ba Mặt Trời kia nhất định là ba quái tinh (tinh cầu yêu quái).

Đế Nghiêu lệnh cho Hậu Nghệ đi diệt trừ quái tinh, cứu muôn dân. Hậu Nghệ e rằng khó phân biệt được Mặt Trời nào là thật, lỡ bắn hạ Mặt Trời thật thì chẳng phải tội lớn hay sao? Đế Nghiêu nói: “Nếu là Mặt Trời thật thì không thể bắn hạ được”.

Sau đó, trên bầu trời xuất hiện cùng lúc mười Mặt Trời. Hậu Nghệ lấy cung tiễn ra, đi tới quân trường luyện quân, lấy các mũi tên bắn liên tục lên trời. Đợi hồi lâu, nhưng chẳng thấy Mặt Trời nào rơi xuống.

Đế Nghiêu lo lắng bất an. Xích Tương Tử Dư nói: “Hồng Nhai Tiên nhân có nói rằng, bệ hạ trước tiên trai giới, thành kính cầu khẩn thiên địa tổ tông. Mặc dù Nghệ có mũi tên thần, nhưng còn phải có lòng thành của Thánh chủ mới được”. Đế Nghiêu tắm gội trai giới trong ba ngày, cúng tế khẩn cầu thiên địa.

Sơn Hải Kinh – Đại Hoang Nam Kinh có chép: Ngoài biển Đông Nam, ở giữa Cam Thủy, Đế Tuấn cùng thê tử mình là Hi Hòa sinh ra mười Mặt Trời. Truyền thuyết kể rằng mười Mặt Trời đó chính là con của Thiên đế Đế Tuấn, mười Mặt Trời này sống tại Dương Cốc bên ngoài của vùng biển phương Đông. Mười Mặt Trời đồng thời ở trên bầu trời khiến cỏ cây khô héo, sông nước khô cạn, đất đai là một mảnh khô cằn. Mọi người bị nóng đến nỗi không thể thở được.

Nghệ phụng mệnh đi tới núi Côn Luân, ngửa mặt lên trời cầu khẩn, khuyên Mặt Trời hãy quay trở về, nhưng vẫn không có kết quả. Hậu Nghệ dùng thần tiễn, lần nữa bắn từng mũi tên, sau đó từng Mặt Trời lần lượt rơi xuống. Cuối cùng, trên trời chỉ còn lại một Mặt Trời, khí trời trở nên tươi sáng mát mẻ, âm dương được điều hòa.

6. Tạo ra lịch pháp để điều hòa bốn mùa và âm dương

Thế gian thời kỳ thượng cổ, con người cần làm theo ý Trời, vì vậy quan sát thiên văn và thiên tượng, dựa theo bốn mùa, điều hòa theo âm dương và cúng tế thiên địa là những việc quan trọng hàng đầu, đó cũng là một trong những phương cách để con người câu thông với Thần.

Khi Đế Nghiêu mới kế vị, bốn mùa không có tuần tự, âm dương không cân bằng, thiên địa vận hành không có chu kỳ. Thế nên, tất phải tạo ra lịch pháp để quy chính lại trật tự vận hành của thiên địa. Đế Nghiêu mệnh lệnh bốn người: Hi Trọng, Hi Thúc, Hòa Trọng, Hòa Thúc đi đến bốn phương, lệnh cho bốn người họ quan sát đo đạc thiên văn, trông coi thời tiết mùa vụ, quan trắc trời trăng sao và vạn vật sinh linh, cắt đặt các công việc cần làm trong bốn mùa, lập ra lịch pháp, hướng dẫn người dân trồng trọt vào các mùa vụ.

Lệnh cho Hi Trọng đến Dương Cốc ở phía Đông, nghênh đón Mặt Trời mọc, quan sát và ghi chép chi tiết mọi thời khắc Mặt Trời mọc. Thấy rằng ngày nào có ngày và đêm dài bằng nhau, vào lúc hoàng hôn Sao Chu Đẩu ở phương Nam đi đến phương chính Nam, đó chính là tháng trọng xuân (tháng giữa mùa xuân), lấy ngày đó gọi là ngày xuân phân.

Hi Thúc đến Giao Chỉ (ngày nay là Việt Nam) ở phía Nam, cẩn thận quan sát phân biệt mọi thời khắc Mặt Trời mọc ở vùng đất phương Nam đó. Thấy ngày nào có thời gian ban ngày dài nhất, Sao Hỏa (tức Sao Thái Hỏa, một trong bảy ngôi sao thuộc chòm sao Thương Long

hay Thanh Long) ở phương Đông đi đến phương chính Nam, đó chính là tháng trọng hạ (tháng giữa mùa hạ), lấy ngày đó gọi là ngày hạ chí.

Hòa Trọng đến Muội Cốc ở phía Tây, cẩn thận quan sát mọi thời khắc Mặt Trời lặn. Thấy rằng ngày nào có ngày và đêm dài bằng nhau, vào lúc hoàng hôn Sao Hư (một trong bảy ngôi sao thuộc chòm sao Huyền Vũ) ở phương Bắc xuất hiện ở phương chính Nam, đó chính là tháng trọng thu (tháng giữa mùa thu), lấy ngày đó gọi là ngày thu phân.

Hòa Thúc đến U Đô ở phía Bắc, quan sát và ghi chép sự vận hành của Mặt Trời ở phương Bắc nơi đó. Thấy ngày nào có thời gian ban ngày ngắn nhất, vào lúc hoàng hôn Sao Mão (một trong bảy ngôi sao thuộc chòm sao Bạch Hổ) ở phương Tây xuất hiện ở phương chính Nam, đó chính là tháng trọng đông (tháng giữa mùa đông), lấy ngày đó gọi là ngày đông chí.

Căn cứ theo các quan sát đo đạc, Đế Nghiêu đã định ra một năm có ba trăm sáu mươi ngày, bốn mùa xuân hạ thu đông, cứ ba năm sẽ có một tháng nhuận, dùng tháng nhuận để điều chỉnh lịch pháp cho phù hợp với thời tiết bốn mùa, để điều chỉnh chính xác các hoạt động trồng cấy mỗi năm. *Thượng thư - Nghiêu điển* viết: “Một năm có 366 ngày, dùng tháng nhuận để điều chỉnh đặt ra bốn mùa, thành một năm”.

Theo *Tống sách - Phù Thục Chí* ghi chép lại: Có một loại cây tên là Minh Giáp thảo sinh trưởng trên các bậc thềm nơi sân vườn, bắt đầu từ thượng tuần hàng tháng, mỗi ngày kết một quả, sau nửa tháng được 15 quả, sang ngày thứ mười sáu thì mỗi ngày bắt đầu rụng một quả, đến cuối tháng thì rụng hết. Nếu như tháng đó là tháng

thiếu (thiếu một ngày), thì đến ngày cuối cùng lá cây chỉ héo tàn chứ không rụng. Đế Nghiêu cho là vô cùng hiếm thấy, nên gọi là “Minh Giáp” (cỏ may mắn), hay còn gọi là “Lịch thảo”. Kết hợp với việc quan sát Minh Giáp thảo, mà cuối cùng định ra một năm có 365 ngày; lại kết hợp với quan sát thiên văn, khí hậu và vòng tuần hoàn của con người, chiếu theo chu kỳ 365 ngày và tính toán số mục mà định ra tháng nhuận, ngày sóc vọng, tháng thiếu tháng đủ, từ đó tạo ra lịch pháp mới. Lịch pháp mới đã xác định chính xác tiết khí và thời điểm nóng lạnh của bốn mùa v.v., cứ ba tháng là một mùa, 12 tháng là một năm, dựa theo một vòng quay 365 ngày để định ra tháng nhuận, tháng đủ có 30 ngày, tháng thiếu có 29 ngày. Một ngày chia thành 12 canh giờ, mỗi một canh giờ có 8 khắc, mỗi thời mỗi tiết đều có quy luật và có thể đo lường. Đến lúc này, bốn mùa đã vận hành theo thứ tự.

7. Sao Cảnh hiển điềm lành

Thời kỳ của Đế Nghiêu, trong dân gian có bài ca dao: “Kỳ nhân như Thiên, kỳ trí như Thần, như nhật ôn tâm, như vân cái địa, đế đức chiêu chiêu, phổ thiên đồng khánh...” (tạm dịch: Lòng nhân của ngài như Trời, trí tuệ của ngài như Thần, ngài như vàng thái dương chiếu sáng ấm áp, ngài như vàng mây che phủ mặt đất, đức của ngài ngời ngời, khắp chốn mừng vui...)

Thuật dị ký ghi chép: “Nghiêu là vị quân vương nhân nghĩa, thời ngài trị vì, một ngày hiện mười điềm lành”. Nghiêu Đế dùng đức mà quản lý chính sự rõ ràng, dùng văn trị quốc thì hưng thịnh, dùng võ chinh phạt thì công tích hiển hách, muôn dân an cư lạc nghiệp. Đức hạnh

của Nghiêu Đế đã cảm động đến Trời nên Trời giáng xuống mười điềm tốt lành cho Nghiêu Đế.

Dấu hiệu rõ ràng nhất là Sao Cảnh hiển điềm lành. *Trúc thư kỷ niên* ghi chép: Đế Nghiêu “năm thứ 42, Sao Cảnh xuất hiện ở Sao Dục”; “Vua Nghiêu tại vị năm thứ 70, Sao Cảnh xuất hiện ở Sao Dục”.

Hán thư – Thiên văn chí ghi chép: “Sao Cảnh là Đức tinh, hình dáng nó bất định, thường xuất hiện ở nước có Đạo”.

Sách *Chính nghĩa* viết: “Sao Cảnh giống hình bán nguyệt, xuất hiện vào khoảng cuối tháng để trợ sáng cho Mặt Trăng. Nhìn thấy Nó tức là quân vương có đức, Nó xuất hiện để chúc mừng bậc Thánh minh”.

Tôn thị thụy ứng đồ cũng viết: “Sao Cảnh, nếu bậc làm vua không có lòng tư thì sẽ nhìn thấy được”.

Sao Cảnh là ngôi sao may mắn cát tường, khi quân chủ đức dày có Đạo, không coi thiên hạ là của riêng thì sẽ cảm động Thượng Thiên, khi đó Sao Cảnh mới xuất hiện. Sao Cảnh hình dáng tuy giống nửa vòng trăng nhưng ánh sáng của nó sáng hơn trăng. Chòm sao Dục là một trong 28 chòm sao, bao gồm 22 ngôi sao, nằm ở phương Nam, màu đỏ. Có ghi chép cho rằng, Đế Nghiêu là tinh phách của Sao Dục. Hai lần Sao Cảnh xuất hiện đều ở Sao Dục, đó là biểu thị Đế Nghiêu là Thần đến thế gian.

Chương 3: Hồng hoang hạo kiếp

1. Hồng thủy sơ hiện

Những năm cuối thời Đế Nghiêu, trong thiên hạ xảy ra trận đại hồng thủy. Trận đại hồng thủy này xảy ra cùng thời với trận đại hồng thủy xảy ra vào thời Noah được ghi chép trong *Kinh Thánh*.

Lúc đó thiên hạ được phân thành chín châu là Ký Châu, Dục Châu, Duyệt Châu, Thanh Châu, Từ Châu, Dương Châu, Kinh Châu, Lương Châu, Ung Châu. Bên ngoài cửu châu được gọi là tứ hải, bên ngoài tứ hải chính là bát hoang. *Thuyết Uyển – Biện Vật* chép về Trung Quốc cổ đại như sau: “Bên trong bát hoang có tứ hải, bên trong tứ hải có đảo cửu châu”.

Ký Châu là nơi có kinh đô của vua, Ký (冀) cũng đọc giống Kỳ (畿: nghĩa là kinh đô), đây là nơi đặt đế đô, chỉ có nó mới có thể đại biểu cho “Trung Quốc” và “thiên hạ”. Do đó *Lộ Sử* có nói: “Trong cửu châu thì duy có Ký Châu là không nơi nào sánh bằng, sai bảo tám châu mà tự quản mình, vì lẽ đó mà phân ra thành đế đô mà cũng lại hợp với tám châu là một thể nhất thống”.

Vào thời xưa, vùng đất là Mông Cổ ngày nay vẫn là một biển rộng lớn mênh mông vô biên, còn được gọi là Bắc Hải. Phía Tây của Ký Châu và Dục Châu là Ung Châu, nay là Thiểm Tây, Ninh Hạ và phía Đông Cam Túc. Từ phía Tây của Ung Châu đến phía Bắc của núi Chung Nam là Sơn Hải cổ đại. Nước từ Lương Sơn chảy ra, liên miên bất tận đổ vào Sơn Hải. Phía Tây Sơn Hải chính là Tây Hải, đó là một vùng đất rộng lớn gồm Cam Túc,

Thanh Hải, Tân Cương, Tây Tạng v.v. Phía Đông của Sơn Hải chính là một đầm sâu, tức là đầm Dương Vu, nằm ở thượng du của Hoàng Hà (thời đó gọi Hoàng Hà là Đại Hà). Bờ biển Đông Hải lúc bấy giờ (tức là Đông Hải, Hoàng Hải, Bột Hải ngày nay) vẫn nằm tại Tào Kinh, Từ Kinh ở Thượng Hải ngày nay; kéo đến Đông Đài, Liên Thủy và Liên Vân Cảng ở Tô Bắc; cho đến Khu Miêu Trang, Tiểu Vương Trang ở Thiên Tân. Vùng đất của Âu Mân ở Chiết Giang và Phúc Kiến lúc đó vẫn còn là biển.

Sau khi trận hồng thủy xảy ra, nước biển ở Tây Hải và Sơn Hải không có đường thoát, đều chảy vào đầm Dương Vu, còn nước ở đầm Dương Vu vì bị núi Hạ Lan và núi Âm Sơn chặn lại nên không thể chảy ra Hãn Hải (nay là sa mạc Gobi), chỉ có thể chảy đến núi Mạnh Môn (cách Thác Hồ Khẩu trên sông Hoàng Hà không xa), sau đó lại từ phía Bắc và Nam của Lữ Lương Sơn đổ xuống, làm ngập các cánh đồng màu mỡ, phá hủy nhà cửa, giết chết lượng lớn người và động vật. Đặc biệt ở Ung Châu, vì có núi cao ngăn cản nên nước bị tắc ở đó.

Vua Nghiêu hỏi ai có thể khống chế lũ lụt, Hoan Đâu tiến cử Cộng Công Khổng Nhâm. Nghiêu Đế nói: “Cộng Công người này lời nói khéo léo, kỳ thực bằng mặt mà không bằng lòng, dung mạo nhìn có vẻ cung kính, nhưng lại trái với Đạo Trời, khinh mạn Thần linh, không thể dùng người này trị thủy được”. Viên quan Đại tư Nông Tắc cũng nói hiện tại không chọn được người nào tốt hơn, nên để Khổng Nhâm thử sức xem, vua Nghiêu bắt đấ dĩ giao cho Khổng Nhâm đi trị thủy.

Vua Nghiêu cử Đại tư Nông Tắc đến núi Côn Luân hỏi Tây Vương Mẫu, Tây Vương Mẫu nói với Tắc rằng, đại hồng thủy lần này chính là Thiên ý, đã có định số,

gồm cả người trị thủy và thời điểm trị được thủy cũng đều có định số, phải chờ 20 năm sau, mới có thể phái Thần Vũ xuống trị thủy, khi đó lũ lụt mới có thể hoàn toàn bình ổn, đến lúc ấy Vương Mẫu cũng sẽ giúp đỡ trị thủy.

Huyền cơ của thiên địa, kiếp số trời định.

2. Tháo phạt Tam Miêu

Nhân lúc lũ lụt khắp nơi, Tam Miêu ở phương Nam thừa cơ làm loạn. “Tam Miêu” thuộc về hậu duệ của tộc Cửu Lê Xi Vu. Vào thời điểm đó, họ chủ yếu phân bố giữa hồ Động Đình và hồ Bàn Lê (nay là hồ Bà Dương ở Giang Tây), tức là khu vực phía Nam khu vực trung du sông Trường Giang. Tam Miêu có thế lực lớn, vùng này cũng là phong quốc của cha con Hoan Đâu. Hai cha con Hoan Đâu hành vi tàn bạo bất nhân, băng hoại truyền thống.

Hai cha con Hoan Đâu từ lâu đã có tâm không phục, từ lâu đã âm mưu làm loạn, nhiều lần gây loạn. Lúc đó lợi dụng lũ lụt khắp nơi, họ đã xâm lược khắp nơi và thôn tính các nước nhỏ yếu. Vua Nghiêu ra lệnh cho Tắc chinh phạt Tam Miêu, trong trận chiến tại sông Đan Thủy đã hàng phục được Tam Miêu. Ông cũng yêu cầu Tam Miêu loại bỏ tất cả các loại chính sách bạo ngược và hình phạt tàn khốc, tôn sùng Đạo của các vị Thánh cổ xưa, trả lại các vùng đất đã bị thôn tính cho các quốc gia, và sau đó đày Hoan Đâu đến núi Tung Sơn.

3. Truyền thuyết và những ghi chép liên quan đến đại hồng thủy

Thượng Thư - Nghiêu Điển có ghi chép: “Hồng thủy cuộn cuộn tràn khắp nơi, ầm ầm dâng ngập núi đồi, mênh mông đến tận chân trời”. Hồng thủy ngập trời, bủa vây núi lớn, xông lên đồi cao, che lấp hết bình nguyên, người dân không chốn an cư.

Sử thi *Hồng thủy ký* của dân tộc Di đã mô tả việc Thần tạo ra thiên địa và con người, sau đó con người dần dần bại hoại sa đọa rồi bị Thần dùng hồng thủy hủy diệt, lưu lại một người tốt và tái tạo nền văn minh nhân loại.

Xét về quy mô và phạm vi của hồng thủy, trận đại hồng thủy thời vua Nghiêu là trận hồng thủy mang tính toàn cầu, toàn bộ Bắc bán cầu bị ngập lụt. Có 254 dân tộc trên thế giới có văn tự ghi lại hoặc những câu chuyện truyền miệng về trận hồng thủy này, hơn nữa những câu chuyện và truyền thuyết đó đều có rất nhiều điểm tương đồng.

Kinh Thánh - Sáng Thế Ký viết như sau: “Chuyện này xảy ra vào ngày 17 tháng 2. Ngày hôm đó, cửa trời mở rộng và mưa lớn trong bốn mươi ngày đêm. Núi cao ở khắp nơi đều bị nhấn chìm”. Noah và vợ lái một con thuyền lớn, sau hơn 40 ngày trôi theo dòng lũ lớn, thì mắc lại trên đỉnh núi cao, đến ngày thứ 150 thì lũ mới hoàn toàn rút hết.

Trong số các dân tộc ở Trung Quốc, dân tộc duy nhất không có truyền thuyết về hồng thủy là dân tộc Lạc Ba. Người Lạc Ba chủ yếu sống ở vùng Sơn Nam



Tranh “Đại hồng thủy” (The Duluge) của Gustave Doré. Nhiều dân tộc ở khắp nơi trên thế giới đều có những truyền thuyết hoặc những ghi chép về trận đại hồng thủy này. (nguồn internet)

và Lâm Chi, với độ cao trung bình 3.000 mét. Đại hồng thủy không đạt đến độ cao này.

4. Độ cao của trận đại hồng thủy

Khi Đại Vũ trị thủy, đã dựng bia trên đỉnh núi Hành Sơn, bia được dựng trên một vách đá tự nhiên, tương truyền nơi dựng bia chính là vị trí mực nước lúc bấy giờ, tức là độ cao của mực nước lúc đó cao ngang với dãy núi Hành Sơn.

Thủy Kinh Chú viết: “Sông Giang đi suốt hẻm núi, chảy về phía Đông, đi qua mé dưới núi Sáp Táo ở huyện Nghi Xương. Bờ bên trái sông Giang, vách núi dựng đứng đến vài trăm trượng, chim bay không đậu lại ở đây được. Có một thanh củi cháy dở, cắm vào giữa vách đá, dài đến vài thước. Các phụ lão truyền miệng rằng, lúc hồng thủy xảy ra, mọi người đỗ thuyền ở cạnh vách núi, lấy củi cháy thừa cắm vào bên vách núi, đến nay vẫn còn, vì vậy trước sau theo nhau gọi đây là Sáp Táo (bếp cắm)”.

Nghệ Văn Loại Tụ có ghi chép: “Cách huyện Di Lăng, Nghi Đô 80 dặm về phía Tây có núi Cao Khuông. Tương truyền từ thời xa xưa, lúc xảy ra trận lũ lớn thời vua Nghiêu, núi này chưa được gọi là Khuông Sơn, sau đó bị ngập trông như cái sọt tre, do đó mới đặt tên như vậy”. Nghi Đô hiện nay là một thành phố nhỏ ở vùng lân cận Nghi Xương, Hồ Bắc.

Theo truyền thuyết của tộc người Cao Sơn ở Đài Loan, hồng thủy dâng cao đến khoảng 2.000 mét.

Theo truyền thuyết của dân tộc Triều Tiên, có hai huynh muội trôi dạt đến đỉnh núi Bạch Đầu Sơn (núi Trường Bạch) mới thoát nạn, núi Trường Bạch có ngọn



*Bia đá Cầu Lũ được dựng trên đỉnh Cầu Lũ của núi Nam Nhạc Hành Sơn, tỉnh Hồ Nam. Tương truyền bia đá đó được dựng để ngợi ca công đức của Đại Vũ, vì vậy còn gọi là “bia đá Đại Vũ”, “bia đá Vũ Vương” hay “bia đá công đức Đại Vũ”.
(Zhangzhugang / Wikimedia Commons CC BY-SA 2.0)*

núi chính là đỉnh Tượng Quân, xung quanh có nhiều đỉnh núi cao trên 2000 mét so với mực nước biển. Tức là nước lũ dâng lên đến từ 2000 mét trở xuống.

Theo truyền thuyết của Philippines, trong trận đại hồng thủy chỉ còn lại hai huynh muội sống sót là Wigan và Bugan. Những ngọn núi cao dưới 2.000 mét đều bị nhấn chìm.

Trong câu chuyện thần thoại Hy Lạp về Deucalion và Pyrrha, từ những tình huống trong câu chuyện mà xét thì những núi cao dưới 2000 mét đều bị nhấn chìm.

5. Núi Nghiêu thần kỳ

Trong quyển 769 của *Thái Bình Ngự Lãm* có dẫn ghi chép trong *Quận Quốc Chí* rằng: “Tễ Châu có núi Phù Sơn. Tương truyền rằng, thời vua Nghiêu có mưa lớn, núi này nổi trên mặt nước. Có người neo thuyền vào các vách đá, ngày nay vẫn còn những khóa sắt bị vỡ”.

Huyện Phù Sơn, Sơn Tây nằm ở chân núi phía Nam của núi Thái Nhạc, Nam Lộc và nằm ở bờ Đông của bồn địa Lâm Phần, phía Tây tiếp giáp Lâm Phần, Tương Phần, phía Nam tiếp giáp Dực Thành, phía Đông giáp An Trạch, phía Đông Nam giáp Thẩm Thủy, phía Bắc liền với huyện Cổ. Bốn phía trong phạm vi 10 km của huyện được bao quanh bởi núi có độ cao hơn 1.200 mét so với mực nước biển.

Dân gian ghi chép lại rằng, lúc đó, “Thiên Hà nghiêng đổ, mưa lớn như nước trút, kéo dài không ngớt, nước chảy khỏi Mạnh Môn (huyện Cát). Nước tràn chảy ngược dòng, sông Giang và sông Hoài thông nhau, thiên hạ mang mang một biển nước”. Tức là, lúc đó lượng mưa cực kỳ lớn, lại kéo dài rất lâu, hồng thủy

từ đỉnh núi Mạnh Môn ở Lữ Lương đổ ra (cổ sử ghi lại, Mạnh Môn chưa khai, Lữ Lương chưa phát), nước sông Trường Giang và Hoàng Hà tràn lên, khắp nơi đều là biển nước mênh mông, chỉ có ở đây có một núi trôi nổi theo dòng nước cao thấp, nên gọi là Phù Sơn. Vì Nghiêu Đế tránh lũ ở đây nên nó còn được gọi là Nghiêu Sơn. Hồng thủy ngập trời, Phù Sơn thành bờ.

Không giống như nhiều địa danh khác có cùng tên “Phù Sơn” ở Trung Quốc, những ngọn núi nổi trên nước ở những nơi đó chỉ là những mảnh đá vỡ từ trên núi phân tán ra các nơi; “Phù Sơn” ở huyện Phù Sơn không như vậy, nó là cả ngọn núi có thể trôi nổi trên dòng lũ. Lúc đó, Trái Đất đang hỗn độn, ngọn núi bị nước lũ vây quanh tứ bề, nhưng điều kỳ lạ từ đầu chí cuối nó không gây hại đến con người sinh sống trên núi. Nguyên do là ngọn núi có thể lên xuống theo dòng lũ dữ, như thể cưỡi một con thuyền tự do dập dềnh theo dòng nước. Câu chuyện cổ trong giai đoạn lịch sử này đã được ghi lại trong *Gia Khánh nhất thống chí* của triều đại nhà Thanh. Lại có người cho rằng Phù Sơn có nguồn tài nguyên than đá dồi dào, vì than đá có khối lượng riêng nhẹ hơn đá nên có thể nổi trên mặt nước. Nhưng dù sao thì trọng lượng riêng của than đá vẫn lớn hơn nước một chút. Có thể nói, cả ngọn núi có thể theo dòng nước mà chìm nổi, thực sự là một kỳ tích, cũng là Thần tích.

Vì ở huyện Bình Định cũng có ngọn Đông Phù Sơn nên trong một số cuốn sách người ta gọi ngọn núi “Phù Sơn” đặc biệt ở huyện Phù Sơn này là “Tây Phù Sơn”. Vào năm Vũ Đức thứ hai thời Đường Cao Tổ Lý Uyên (năm 619) bắt đầu gọi nó là “Phù Sơn”. Chuyện kể rằng vào năm sau (năm 620), có người nhìn thấy “Thần

nhân” ở chân núi Dương Giác nên đổi tên huyện đó là huyện “Thần Sơn”. Vào năm thứ 7 niên hiệu Đại Định triều Kim (năm 1167), lại khôi phục lại tên cũ, gọi là “huyện Phù Sơn”.

Kỳ thực, theo truyền thuyết dân gian ở nơi này, cái tên “Thần Sơn” từ thời Nghiêu Đế thượng cổ đã có rồi. Thử nghĩ xem, cả một ngọn núi có thể nổi trôi theo dòng nước, khiến dân chúng được an toàn, sớm đã hiện lộ Thần tích mười mười như vậy, nếu núi đó không có “Thần” bảo hộ thì ai có thể làm được?

6. Nguồn gốc của đại hồng thủy

Trận đại hồng thủy lớn như vậy, có phạm vi bao phủ toàn cầu này có nguồn gốc từ đâu?

Trong *Kinh Thánh* nói: “Đức Chúa Trời (Thần Jehovah) thấy con người trên mặt đất tội lỗi cùng cực, nên đã cảnh báo rằng sẽ dùng hồng thủy để huỷ diệt các loài sinh vật trên thế gian, không ai còn sống sót”. Mưa lớn từ trên trời đã giáng xuống trong bốn mươi ngày đêm.

Theo thần thoại Hy Lạp, Thiên đế (tức Thần Zeus) thấy nhân loại càng lúc càng tàn nhẫn vô đạo, hoàn toàn không còn chính nghĩa và lễ tiết, nên quyết định dùng hồng thủy để nhấn chìm nhân loại.

Trong sách nổi tiếng *Popol Vuh* của người Maya có ghi chép như sau, vào thời khai thiên tịch địa Thần đã tạo ra loài người, sau này con người quên mất sự tồn tại của Đấng sáng tạo, không còn tôn kính Thần, nên các vị Thần quyết định sẽ tạo ra một trận hồng thủy để huỷ diệt nhân loại.

Từ những ghi chép và truyền thuyết của các dân tộc khác nhau mà xét, thì chính vì đạo đức con người đã băng hoại, nên các vị Thần mới giáng xuống đại hồng thủy để trừng phạt nhân loại, chỉ còn rất ít người lương thiện mới có thể tiếp tục sống sót.

Trận đại hồng thủy lần này có thể là mưa lớn trút xuống và nước biển dâng lên, những thảm họa mà nó mang lại là rất khủng khiếp, theo *Sơn Hải Kinh* ghi chép, sau khi đại hồng thủy xảy ra, rất nhiều nơi cây cỏ không thể sinh trưởng.

Trận đại hồng thủy này gần như đã phá hủy toàn bộ nền văn minh nhân loại thời kỳ này, nền văn minh phương Tây gần như bị tận diệt hoàn toàn; nền văn minh Trung Hoa cũng bị tàn phá nặng nề, nhưng có một số nền văn minh vẫn được lưu lại, vì thế mà con người ở Trung Quốc có được nội hàm văn hoá thâm sâu. Có người cho rằng trận đại hồng thủy vào thời vua Nghiêu là ranh giới phân chia giữa hai nền văn minh. Thật vậy, Trung Quốc có sách *Thượng thư* (còn gọi là *Kinh thư*), đây là một trong những sách cổ hiện còn được lưu lại đến ngày nay, là cuốn sách duy nhất ghi chép các sự kiện lịch sử kể từ thời Nghiêu. Điều này nói lên rằng, những ghi chép có hệ thống chân chính về dân tộc Trung Hoa được bắt đầu từ thời đại Nghiêu-Thuấn-Vũ, tức là thời đại xảy ra đại hồng thủy.

Chương 4: Thuận Thiên ý Đế Nghiêu nhường ngôi cho Thuấn

1. Đế Nghiêu tìm người thừa kế

Đế Nghiêu biết rằng con trai mình là Đan Chu không đủ đức tài để kế thừa ngôi vị, vì vậy ông thường để tâm tìm kiếm người kế thừa ngôi vị của mình.

Lã Thị Xuân Thu ghi lại rằng, Đế Nghiêu đã nhường ngôi cho Tử Châu Chi Phụ (họ Tử tên Châu, tên tự là Chi Phụ), nhưng Tử Châu Chi Phụ đã khéo lờ tui chối.

Cao Sĩ Truyện ghi chép rằng, Đế Nghiêu nhường ngôi cho Hứa Do, nhưng ông đã thoái thác, nói mình muốn “tu thân dưỡng tính, không màng thế sự”.

Đế Nghiêu muốn nhường thiên hạ cho Sào Phụ, Sào Phụ cũng không nhận.

Đế Nghiêu lại nhường ngôi vị cho Bồ Y Tử, Bồ Y Tử nói: “Ngài chớ quá lo nghĩ, hiền nhân sớm đã chuyển sinh xuống thế gian, không bao lâu nữa có thể gặp được người đó”.

Đế Nghiêu hỏi Tứ Nhạc rằng ai có thể kế thừa đế vị, Tứ Nhạc tiến cử Thuấn.

2. Tuổi thơ gian khó

Cách huyện Bình Dương ở Ký Châu vài trăm dặm về phía Tây Nam có một ngôi làng nhỏ gọi là Diêu Khư, trong đó một gia đình họ Ngu là hậu duệ của Chuyên Húc. Thuấn sinh ra ở gia đình này.

Theo *Sử ký*, phụ thân của Thuấn là Cổ Tẩu, mẫu thân là Ốc Đãng.

Thuấn tên là Trùng Hoa, truyền thuyết nói rằng vì mắt ông có hai đồng tử nên mới được đặt tên này, còn Thuấn là thụy hiệu. Sách *Thụy pháp* viết rằng: “Nhân Thánh Thịnh Minh viết Thuấn”, nghĩa là: “Đấng quân vương có bốn đức là Nhân, Thánh, Thịnh, Minh đặt thụy hiệu là Thuấn”.

Cổ Tẩu và Ốc Đãng sinh được hai người con trai, Thuấn là người con thứ hai, sinh tại Diêu Khư, nên lấy họ Diêu. Từ nhỏ thông minh cơ trí, là người con thứ hai, cho nên ông cũng được gọi là Trọng Hoa.

Theo *Trúc thư kỷ niên* ghi chép: “Mẹ Thuấn là Ốc Đãng, thấy cầu vồng lớn trong lòng rung cảm, rồi sinh Thuấn tại Diêu Khư. Mắt Thuấn có hai đồng tử, nên tên là Trùng Hoa”.

Ngoài ra, trên người Thuấn còn có rất nhiều chỗ khác thường: lòng bàn tay của ông có chữ giống như chữ “bao”, trán nhô ra, xương nhô cao, đầu to mà tròn, mặt đen mà vuông, mặt ngài tựa như rồng, miệng to, miệng to có thể chứa được cả một nắm đấm, mặt rồng mà xương trán gồ lên.

Lúc Thuấn hai tuổi, mẹ đẻ qua đời, cha lấy mẹ kế. Về sau mẹ kế sinh một trai một gái, con trai tên là Tượng, con gái tên là Khoả Thủ. Sau khi sinh con, mẹ kế thường xuyên đánh đập mắng chửi hai anh em Thuấn, còn kích động cha Thuấn vô duyên vô cớ trách phạt hai anh em Thuấn, hai huynh đệ thường xuyên bữa đói bữa no, anh trai Thuấn chịu không nổi sự hành hạ mà sớm qua đời.

Khi Thuấn khoảng mười tuổi, có người tu đạo tên Vụ Thành Tử chủ động dạy Thuấn và những đứa trẻ khác đọc sách. Vụ Thành Tử biết, Thuấn sau khi chịu hết khổ cực thì tương lai tất thành bậc đại khí.

Mẹ kế của Thuấn không muốn để cho Thuấn đi học, nhưng nhờ sự giúp đỡ của hàng xóm, Thuấn đi chăn trâu cho nhà hàng xóm, đồng thời theo Vụ Thành Tử học tập, đọc sách, viết chữ và học các đạo lý làm người, còn cả những đạo lý về thiên văn địa lý và trị quốc bình thiên hạ. Cứ như vậy ba năm Thuấn theo Vụ Thành Tử vừa chăn trâu vừa đi học. Sau đó Thuấn lại theo học Doãn Thọ Tử.

3. Hình mẫu về lòng nhân ái hiếu đễ

Trong lịch sử, Thuấn là hình mẫu về lòng hiếu đễ, năm hai mươi tuổi, ông đã nổi danh khắp thiên hạ bởi lòng hiếu đễ của mình.

Thuấn sống trong một gia đình “cha không hiểu đạo nghĩa, mẹ kế ăn nói điêu ngoa, em kế kiêu căng không nghe lời”. Sử sách ghi lại rằng, cha Thuấn là người gàn dở, không phân biệt thị phi, ngoan cố, chẳng đếm xỉa đến đạo lý, hai mắt lại bị mù, nên người ta gọi là Cổ Tẩu (nghĩa là ông mù). Mẹ kế ngu muội, thâm độc tàn nhẫn, miệng nói lời không thật thà đáng tin. Người em cùng cha khác mẹ là Tượng thì hung bạo, khinh người, phóng túng, tính cách cuồng ngạo, cực đoan tự tư, lòng dạ nham hiểm. Cả ba người này đều muốn trừ bỏ Thuấn.

Thuấn nỗ lực hết mình lấy lòng khoan dung, hiếu thuận, nhân ái để xử lý tốt đẹp các mối quan hệ trong gia đình. Đối với cha mẹ cung kính tận lễ, hiếu kính cung phụng, mặc dù cha mẹ không thích mình, nhưng từ đầu chí cuối ông vẫn không hề làm trái đạo của người làm con. Khi phụ thân của Thuấn dùng gậy nhỏ đánh ông, ông chỉ đứng bất động, khi phụ thân dùng gậy lớn đánh ông, người trong nhà muốn làm hại ông, ông liền kịp

thời lánh đi, khi trong nhà có việc cần giúp đỡ, ông luôn luôn bên cạnh để cha mẹ sai việc.

Sống trong nghịch cảnh, nhưng Thuấn lại có thể biểu hiện ra phẩm đức phi phàm, có thể nhẫn được điều mà người thường không thể nhẫn, đạo đức cao thượng và tấm lòng hiếu để trung tín mà Thuấn đã thể hiện chính là tấm gương chói lọi của nền văn hoá truyền thống Á Đông.

Một hôm, có một con chim ba chân màu đỏ xuất hiện ở sân trong nhà Thuấn, Phương Hồi nói, chim đỏ này chính là Chu Điểu, Chu Điểu là chim Thần ba chân ở Mặt Trời. Hễ có người con chí hiếu thì chim ba chân đến đậu ở trong sân. Thuấn thờ cha mẹ chí hiếu, thế nên xuất hiện loài chim này.

Lòng hiếu thuận của Thuấn cảm động trời xanh, khi ông khai hoang trồng trọt ở Lịch Sơn thì Trời sai voi giúp cày đất, sai chim giúp trừ cỏ dại, vua Nghiêu phái người đi tìm ông.



“Lòng hiếu kính cảm động trời xanh” của vua Thuấn. Ảnh minh họa của “Thánh dụ tượng giải” (nguồn internet)



Bức tranh trong sách 'Nhi thập tứ hiếu'

4. Dùng đức cảm hóa lòng người

Thuấn không được cha mẹ và em trai dung nạp nên phải đi ra ngoài mưu sinh. Vì Thuấn đối xử với mọi người đều khiêm tốn khoan hòa, khoan dung nhẫn nhịn, nên ông đi đến đâu cũng được mọi người hoan nghênh tôn trọng. Mỗi nơi mà ông ở, mọi người đều muốn quần tụ về nơi ông sống.

Khi Thuấn ở Lịch Sơn khai khẩn trồng trọt, liền có voi xuống núi, dùng vòi cuộn cây cuốc giúp Thuấn cày đất trồng trọt, mọi người đều thấy rất thần kỳ. Còn có cả chim bay đến giúp Thuấn trừ cỏ dại. Mọi người nói:

“Ngu Trùng Hoa đã gặp nhiều nạn nên tất có hậu phúc. Voi cày bừa chim làm cỏ, chính là dấu hiệu báo trước cho hậu phúc phi phạm”. Lúc đó ở Lịch Sơn thường có hiện tượng vì tranh chấp đất đai mà đánh nhau, Thuấn chủ động lấy đất đai phì nhiêu do tự mình khai khẩn đưa cho người sức yếu lực mỏng rồi lại tự mình đi khai hoang trồng trọt ở những vùng đất cằn cỗi. Bởi sự ảnh hưởng của Thuấn mà người dân ở Lịch Sơn đã hình thành phong tục kính nhường lẫn nhau, chung sống hoà thuận, người đến Lịch Sơn khai hoang trồng trọt càng ngày càng đông, dần dần hình thành một ngôi làng lớn.

Khi Thuấn ở Lôi Trạch đánh cá, cũng có người vì tranh chấp ngư trường phát sinh tranh đấu, Thuấn liền nhường ngư trường tốt có nhiều cá cho người khác, tự mình đến những nơi mà người khác không muốn để đánh cá. Dưới sự thúc đẩy của ông, người dân ở Lôi Trạch đều nhường nhịn lẫn nhau, tranh nhau đem ngư trường tốt nhường cho người khác, không còn tranh đấu nữa.

Khi Thuấn ở Hà Tân (ở phía Bắc huyện Vĩnh Tế) làm đồ gốm, đồ gốm của người Hà Tân làm ra rất thô xấu, Thuấn dụng tâm chế tạo ra đồ gốm vừa đẹp mắt lại vừa bền, chất lượng mặt trong mặt ngoài đều như nhau. Thợ làm gốm đều theo ông học tập, vì thế mà đồ gốm Hà Tân làm ra không còn thô xấu nữa mà đã rất tinh tế.

Ở đâu Thuấn cũng nghĩ vì người khác, khoan dung nhẫn nhịn, dùng đức cảm hoá người đời. Sách *Thượng Thư - Đại Truyện* kể rằng: “Thuấn không trèo mà cao, không đi mà đến được nơi xa”. Rất nhiều người mộ danh mà chuyển tới nơi Thuấn ở. Thế là, chỗ Thuấn ở sau một năm liền thành một ngôi làng nhỏ, sau hai năm

liền thành một thị trấn nhỏ, sau ba năm liền thành một thành thị có rất nhiều cư dân.

5. Được tiến cử là người thừa kế Đế Nghiêu

Khi Thuấn 30 tuổi, Đế Nghiêu đang tìm khắp thiên hạ nhân tài có đủ tài đức để có thể truyền ngôi, Tứ Nhạc tiến cử Thuấn.

Một đêm Thuấn nằm mộng, mơ thấy tóc của mình dài đến tận thiên thể, lông mày cũng dài đến tận thiên thể. Khi ông còn chưa hiểu ý nghĩa là gì thì có người chúc mừng, nói: “Tóc mọc dài tận trời ý chỉ là vương đế đó; lông mày thấp hơn tóc một bậc, mà lông mày dài đến tận trời, là nói dù thấp hơn một bậc, nhưng quyền lực ngang bằng với đế vương. Không chừng Đế Nghiêu muốn dùng ông!” Thuấn nói: “Kẻ thất phu như tôi không dám vọng tưởng.”

Vài ngày sau, Đế Nghiêu phái người đi tìm Thuấn, sau đó Đế Nghiêu triệu kiến Thuấn.

Theo sách *Tuân Tử - Nghiêu Vấn* ghi chép, vua Nghiêu hỏi Thuấn: “Ta muốn có được thiên hạ, thì phải làm thế nào?”

Thuấn trả lời rằng: “Chuyên tâm chính sự không để sai sót, việc nhỏ cũng không trễ nải, trung tín không suy suyển, thế thì thiên hạ tự đến. Chuyên tâm bền lâu như trời đất, làm việc nhỏ như nhật nguyệt không ngừng vận động, trung thành ở trong nội tâm, biểu hiện ra bên ngoài, hiển hiện ra bốn biển, như thế thì thiên hạ chỉ ở trong một góc của người đó. Thế thì có gì đáng phải giành đâu”.

Đại ý nói, chuyên tâm vào việc chính sự mà không có sơ suất, làm việc nhỏ cũng không giải đãi, trung thành

thủ tín mà không chán nản, như thế người trong thiên hạ sẽ tự biết quy thuận, vậy đâu cần biện pháp đặc thù nào để thu hút người dân, khiến dân quy phục?

Sau đó Thuấn đề ra lý niệm trị quốc của mình là phụng Thiên, cai quản đất đai và quan tâm bách tính.

Đế Nghiêu hết sức hài lòng, gả hai con gái cho Thuấn, thông qua hai cô con gái mà quan sát phẩm đức nội tại của Thuấn. Còn để chín người con trai của mình kết giao với Thuấn, để quan sát tài cán và cách xử thế của Thuấn. Đế Nghiêu cấp cho Thuấn một bộ y phục vải mịn, cho ông một cây đàn cầm, còn cấp cho ông trâu và dê.

Sau khi kết hôn Thuấn đưa hai con gái của vua Nghiêu đến ở tại ngôi nhà bên bờ sông Quy. Thuấn vẫn phụng dưỡng phụ mẫu như trước, yêu thương em trai, em gái, thậm chí càng thêm phần kính cẩn. Hai người con gái của vua Nghiêu cũng không có lòng kiêu ngạo, giữ trọn đạo làm vợ.

Nhìn thấy Thuấn hiển vinh như thế, cha mẹ Thuấn lại sinh tâm tật đố, lại giận dữ. Tượng còn muốn chiếm đoạt những tài sản đó. Ba người bọn họ lại muốn hãm hại Thuấn. Thế là họ nghĩ ra một kế, để Thuấn đi sửa mái kho lúa, sau đó ở bên dưới châm lửa đốt kho. Hôm đó Thuấn mang theo hai cái mũ rộng vành, khi lửa cháy, Thuấn hai tay giữ mũ bay xuống khỏi kho lúa, an toàn rời đi.

Kế này không thành họ lại bày kế khác, họ bảo Thuấn thau rửa giếng nước, đợi khi Thuấn xuống đáy giếng, họ lập tức đổ lấp đất đá vào giếng, con gái thứ hai của Đế Nghiêu đưa cho Thuấn áo bách long, Thuấn mặc

áo bách long đào một cái lỗ nằm ngang mà chui ra, thoát khỏi đờng nạn này.

Sau sự việc đó, Thuấn vẫn phụng dưỡng cha mẹ, yêu thương các em giống như trước. Vì lòng hiếu thảo thành tâm của Thuấn, mà cuối cùng đã khiến cho phụ mẫu tỉnh ngộ, Tượng cũng dần dần cải tà quy chính.

6. Trải qua khảo nghiệm chính trị

Thông qua khảo sát, Đế Nghiêu thấy Thuấn sống với người nhà cũng như xử thế hết thủy đều biểu hiện là một vị hiền giả, thế rồi Đế Nghiêu bổ nhiệm Thuấn nhận chức Tư đồ để khảo nghiệm năng lực xử lý đại sự trong thiên hạ của ông.

Ban hành và thực thi Ngũ điển: Đế Nghiêu giao Thuấn đảm nhiệm chức vụ Tư đồ, việc đầu tiên phải thực hiện chính là phổ biến Ngũ điển giáo hóa, cần thận chỉnh lý năm loại luân lý đạo đức đó là: cha nghĩa, mẹ từ, huynh hữu, đệ cung, con hiếu. Thuấn phổ biến Ngũ điển giáo hóa, có hiệu quả rõ ràng, dân chúng đều có thể tự giác tuân thủ, thiên hạ an bình, bách tính hòa thuận.

Việc thứ hai, Đế Nghiêu bổ nhiệm Thuấn làm Tư không, điều hành các sự vụ trọng yếu trong thiên hạ, quản lý bá quan. Các loại sự tình phức tạp khó xử Thuấn đều xử lý rất trật tự rõ ràng, bá quan vui mừng thuận theo.

Việc thứ ba là để Thuấn tiếp đãi chư hầu bốn phương, tứ môn trang nghiêm. Việc này cũng được Thuấn thực thi rất trang trọng, tôn nghiêm, tuân theo lễ nghĩa.

Việc thứ tư là phái Thuấn đến các nơi xem xét, khảo sát tình hình lũ lụt. Ở nơi rừng hoang nước độc, sông

sâu đậm lầy, khí hậu dị thường, cuồng phong bạo vũ bất chợt, một chút bất cẩn có thể mất đi phương hướng, còn có mối nguy độc xà mãnh thú tấn công. Một hôm, Thuấn cùng một nhóm người đến khu rừng già ít người



Hình vẽ vua Thuấn trên gạch nung thời Hán.

lui tới, đầu tiên họ gặp một đàn sói, ai nấy đều hoảng sợ. Khi Thuấn bước lên trước thì cả đàn sói đều quay đầu trốn vào trong rừng. Sau đó lại gặp ba con mãnh hổ, hổ đực trông thấy đám người liền gầm lên một tiếng khiến mọi người càng kinh hãi, Thuấn đi về phía trước nói với mãnh hổ: “Chúng ta phụng mệnh Thiên tử, tới nơi này khảo sát hồng thủy, muốn cứu nguy cho muôn dân, không ngờ lại gặp người. Người hãy nhanh trở về động, không được ở đây cản trở đường đi, đe dọa người đi đường.” Hổ đực dẫn hổ cái, ngậm hổ con, quay mình rời đi. Về sau, Đế Nghiêu nghe kể lại sự tình này, nói: “Đây không phải là Thiên Thần che chở, thì chính là thành tâm cảm hoá vạn vật”. Trong lúc giông bão sấm sét, Thuấn không mất đi phong thái, không lạc lối, ở trong các loại tình huống phức tạp khôn lường vẫn có thể giữ được điềm tĩnh, thông dong trấn định, xử lý thích đáng hết thảy vấn đề.

7. Công trạng thành lập giáo dục truyền đến vạn đời sau

Theo ghi chép, thời Nghiêu, Thuấn đã có cơ cấu giáo dục chuyên môn, có thể nói là hình thức sơ khai nhất của trường học.

Sách *Lễ ký – Vương Chế* viết rằng: “Ngu Thuấn nuôi dưỡng quốc lão tại Thượng Tường, nuôi dưỡng thứ lão tại Hạ Tường”. Sách *Lễ ký – Minh Đường Vị* viết: “Kho gạo, là Tường của Ngu thị”. Tường là chỉ nơi dưỡng lão. Thời Nghiêu, Thuấn lấy kho lúa dùng làm nơi dưỡng lão.

Trong các bậc lão niên có người là bề tôi trong triều, có người là dân thường, người già là bậc bề tôi trong triều được nuôi dưỡng ở Thượng Tường, người

già là dân thường được nuôi dưỡng Hạ Tường. Những người già đều là những người trải qua sự đời, rất có kinh nghiệm. Thế nên, trẻ nhỏ được tập trung về đây, rồi mời các bậc trưởng giả ở đây truyền thụ tri thức và kinh nghiệm cho chúng. Kể từ đó, kho gạo vừa mang thêm chức năng trường học, một công đôi việc, vừa giữ được tác dụng dưỡng lão, lại tăng cường chức năng truyền thụ tri thức, trường học chuyên môn thời cổ đại chính là được ra đời như vậy.

Đến thời Tây Chu về cơ bản vẫn noi theo phương thức kết hợp giáo dục và dưỡng lão thời Nghiêu, Thuấn.

Thông qua phổ biến Ngũ điển giáo hóa, khởi xướng “Cửu đức”, thành lập giáo dục, Thuấn đã đặt định ra văn hoá truyền thống với đạo đức làm trung tâm. *Sử ký* viết: Thiên hạ hiểu rõ tác dụng của đức, đều bắt đầu từ Ngu Thuấn”. Hiểu với phụ mẫu, trung với quân chủ, làm lợi cho dân, thiên hạ là của chung, Thuấn đã dựng nên một tấm bia sáng ngời về đạo đức truyền thống cho các dân tộc Trung Hoa và khu vực Á Đông.

8. Ngu Thuấn nhiếp chính

Trải qua tôi luyện và khảo nghiệm, Đế Nghiêu cho rằng Thuấn nhân từ, có đức, có trí huệ, có tài năng, có thể truyền lại thiên hạ cho Thuấn.

Thuấn thoái thác nói rằng ông đức hạnh còn chưa đủ, nhất định không chịu. Lúc bấy giờ, Đế Nghiêu tuổi tác đã cao, cũng cần có người hiệp trợ, Đại Tư Nông kiến nghị Thuấn tạm thời làm Thái úy nhiếp chính. Ý tứ của từ “úy” trong từ “Thái úy” tức là yên ổn từ trên xuống dưới, hi vọng ông có thể an định muôn dân.

9. Xuất hiện Hà đồ, Ngũ Thuấn nhận ngôi

Theo *Trúc thư kỷ niên* ghi chép: “Đế Nghiêu tại vị bảy mươi năm, phượng hoàng đậu ở trong sân, cỏ chu mọc, mạ nhiều đòng tươi tốt, nước cam lộ tưới đất, suối rượu ngọt vọt ra, Mặt Trời Mặt Trăng tựa như hợp lại, ngũ tinh xếp liền thành dải như chuỗi hạt châu. Trong nhà bếp lại tự sinh ra thịt, thịt ấy mỏng như cái quạt nan, lay động thì có gió sinh ra, khiến thức ăn lạnh đi mà không hôi thối, người ta gọi thứ thịt ấy là “sáp phủ” (tức thịt quạt)”. Đế Nghiêu cho rằng đó là công lao của Thuấn, chuẩn bị đem thiên hạ truyền cho. Thế rồi Đế Nghiêu tắm rửa trai giới, lập đàn bên dòng sông Hà, sông Lạc, thành kính cầu nguyện Thượng Thiên, lựa chọn ngày tốt, dẫn Thuấn cùng lên núi Thú Sơn, để cầu được sự khai thị của Thần.

Đế Nghiêu và Thuấn cùng nhau lên núi Thú Sơn tại bờ sông Lạc, đoàn của Đế Nghiêu trông thấy năm vị lão niên đang du ngoạn. Các lão ông ai cũng mày to đầu lớn, y phục khác hẳn với thường nhân, thần thái cử chỉ phi phàm. Họ rất vui mừng, vừa nhảy múa vừa ca hát. Có một vị lão niên cao giọng hát: “Hà đồ sẽ đến, nên đến đây báo cho vua chờ đợi”. Vị lão niên thứ hai hát tiếp: “Hà đồ sẽ đến, nên đến đây báo cho vua mưu tính”. Vị lão niên thứ ba hát tiếp: “Hà đồ sẽ đến, nên đến đây báo cho vua nhận”. Vị lão niên thứ tư cao giọng hát tiếp: “Hà Đồ sẽ đến, nên đến đây báo cho vua dấu hiệu”. Vị lão niên thứ năm cao giọng hát tiếp: “Long mã ngâm giáp, rùa công Lạc thư, ngọc trắng làm dấu, bùa đỏ niêm phong”. Họ nói với nhau rằng: “Hà đồ sẽ nói cho vua thời gian, người biết chúng tôi là Trùng Đồng Hoàng

Diêu”. Ngũ lão hát xong, phút chốc hóa thành năm Sao Băng, hào quang rực rỡ, bay về phía chân trời, phương vị nằm ở cung Sao Mão. Hiện nay phía Tây Nam huyện Ngu Thành, thành phố Thương Khâu, tỉnh Hà Nam có núi Ngũ Lão.

Quân thần Đế Nghiêu thấy đều giật mình, Đế Nghiêu hỏi Thuấn: “Năm vị cao niên này nói khanh biết họ, họ rốt cuộc là Thần linh nào?”

Thuấn đáp: “Tối hôm qua thần quan sát sao trời, phát hiện ngũ tinh Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ trên trời đột nhiên không còn, quả là kỳ lạ, hoá ra họ cùng nhau hạ phàm tới đây du ngoạn. Theo thần thấy thì, năm vị lão niên này nhất định là tinh phách ngũ tinh biến thành”.

Đế Nghiêu nói: “Họ nói Hà đồ sẽ tới, chắc hẳn ở sông này sẽ xảy ra điều thần kỳ”. Thế là Đế Nghiêu dẫn dắt quần thần trai giới tắm rửa, lệnh cho Thái sử chọn ngày lập đàn tại bờ sông Thúy Quy, và chọn được thời gian hành lễ là vào rạng sáng ngày Tân Sửu tháng Hai.



*Hoa văn trên hành lang ở Di Hoà Viên tại Bắc Kinh:
“Ngũ lão xem Hà đồ”*

Đến rạng sáng ngày Tân Sửu, sau mấy ngày trai giới tắm rửa, Đế Nghiêu cùng quần thần đi lên đàn tế lễ, cảnh tượng long trọng trang nghiêm. Đế Nghiêu đem một khối bạch ngọc thả xuống dòng sông, để làm lễ đổi với thiên địa Thần linh. Hành lễ xong, mọi người xuống đàn nghỉ ngơi một lúc, rồi lại lên đàn chờ Hà đồ đến. Vào thời khắc đó, bầu trời sáng lên, dỗi mắt nhìn về nơi xa thấy nước sông cuộn cuộn không thôi. Sau khi Mặt Trời lên cao được ba sào, chợt thấy dưới sông phát ra một quầng sáng ngũ quang thập sắc, sáng chói cả mắt. Không lâu sau, mọi người thấy trong sông lộ ra một làn khí trong mịn mù, như khói như mây, như tơ như bông, như xa như gần, hoà lẫn cùng quầng sáng lấp lánh kia, trong chớp mắt, ngập tràn khắp trời đất. Qua một lúc sau, một làn mây trắng bao quanh trên núi dâng lên rồi bay thẳng lên bầu trời, che phủ vạn dặm trời xanh. Tiếp đó cuồng phong nổi lên, cây cối lay động, lập tức thiên hôn địa ám. Rồi chợt thấy nước sông cuộn trào mãnh liệt, một con rồng dài ngẩng đầu lên nhô khỏi mặt nước, mọi người tập trung nhìn vào, thì ra là một con Long mã.

Long mã trong miệng ngậm một vật màu xanh biếc, leo lên đàn tế, nhả vật trong miệng xuống, rồi lập tức quay mình nhảy xuống sông, thoáng chốc gió tan mây tạnh, trời cao xanh biếc, ánh sáng đẹp tươi sáng trong lành trở về như trước. Đế Nghiêu dẫn quần thần tiến lên quan sát, thì ra đó là một hộp ngọc, hình dạng rất giống mai rùa, lưng rộng chín thước, trên thân hộp có màu vàng kim, được buộc lại bằng dây ngọc màu xanh. Đế Nghiêu sai người mở ra, quả nhiên là bức Hà đồ, phía trên ghi chép rõ ràng vị trí của tinh tú nhật nguyệt trên trời, mạch lạc của núi sông ở dưới đất, đại số về

thay đổi đế vương ở thế gian, cuối cùng còn viết “Khải sắc thụ Đế Thuấn, Ngu đương thụ thiên mệnh” (Trao đế mệnh cho Thuấn, Ngu nhận mệnh Trời).

Theo *Thượng thư - Trung hậu ác hà kỷ* ghi chép: “Đế Nghiêu tại vị bảy mươi năm, ngày Giáp tháng Trọng Hạ, đến nơi của Hậu Tắc để tế lễ. Tế phẩm chìm vào trong nước, lập tức, ánh sáng ngũ sắc từ sông toả ra, khí đẹp bay bốn cõi, rục rở lấp lánh. Mây trắng theo gió bay dần lên, Long mã ngậm hộp vào miệng, bay vọt lên trên đàn. Hình dạng hộp giống như mai rùa, dài rộng chín thước, trên có chữ viết là sau Nghiêu là Ngu, Hạ, Thương, Chu, Tần, Hán nhận Thiên mệnh. Đế Nghiêu ghi chép lại, cất giữ bí mật.”

Ngày Trọng Tân tháng Hai năm sau, Đế Nghiêu lại dẫn dắt quần thần đi đến sông Lạc, lập đàn tế Thần, thả ngọc xuống sông Lạc. Tế lễ xong, lui xuống tế đàn, đến khi Mặt Trời lặn ở phía Tây, bỗng nhiên trông thấy dưới sông Lạc lộ ra một tia sáng đỏ, rồi thấy một con rùa lớn mang cuốn sách đi ra, dừng ở đàn tế, nghiêng thân một bên, vật ở trên lưng rơi vào trong đàn. Rồi con rùa lớn vẫn như cũ nhảy xuống sông Lạc mà đi. Hoá ra đó là cuốn sách làm từ mai rùa, văn tự màu đỏ, sách đó nói cần phải nhường ngôi cho Thuấn.

Đế Nghiêu nói: “Rồng ngậm Hà đồ, rùa mang Lạc thư, biểu thị thiên tượng, Thiên mệnh không thể trái!” Ý chỉ của Thần triển hiện trên Hà đồ và Lạc thư đều nói cần nhường ngôi lại cho Thuấn, cho nên Đế Nghiêu không còn do dự nữa, quyết định chọn ngày tốt nhường ngôi cho Thuấn.

Vào ngày mồng một tháng Giêng tại miếu Văn Tổ, Đế Nghiêu long trọng cử hành nghi thức nhường ngôi

cho Thuấn, thay ông thi hành chính sách của Thiên tử. Đế Nghiêu vì để Thuấn toàn quyền hành sự, quyết sách độc lập, không phải việc gì cũng xin ý chỉ và cũng là để bản thân ông có thể rời khỏi chính sự, an dưỡng tuổi già, nên đã sai người xây dựng một cung điện tại Thành Dương ở phía Bắc Đào Ấp (nay là phía Đông Nam huyện Bộc Dương, tỉnh Hà Nam) làm nơi tu dưỡng.

Thuấn sau khi tiếp nhận ngôi vị đã liệt ra bảy hạng mục chính sự (Thất chính) gồm: tế tự, ban thụy (ban ngọc phân thứ bậc tước phẩm), Đông tuần, Nam tuần, Tây tuần, Bắc tuần, quy cách nghệ tổ (tuần thú ngũ nhạc rời về báo cáo với tổ tiên ở miếu Tổ nghệ).

10. Minh tỏ thiên tượng để trị sửa Thất chính

Thượng thư – Thuấn điển chép rằng: “Đế Thuấn xét lại cái máy toàn cơ và máy ngọc hành để cho bảy chính đi được đều hòa”. Chính là nói vua Thuấn thông qua quan sát thiên tượng để xem xét bảy hạng chính sự có phù hợp với Thiên ý không. Máy toàn cơ và máy ngọc hành là công cụ quan trắc thiên văn thời kỳ thượng cổ. Vào thời thượng cổ, đều xem việc quan trắc thiên văn, thiên tượng là chuyện quan trọng nhất, thông qua quan sát thiên tượng và sự vận hành của Mặt Trời, Mặt Trăng và các vì sao để xem xét việc thi hành chính sự đúng hay sai, có phù hợp với Thiên đạo không. Lấy Thiên đạo soi xét sự việc của con người, đạt đến “Hợp với đức của trời đất, hợp với thứ tự bốn mùa”, khiến hành vi của bản thân không lệch khỏi Thiên đạo. Đây chính là lý niệm “Thiên nhân hợp nhất” của văn hóa truyền thống Á Đông.

11. Thái Sơn phong thiện

Thuấn sau khi tiếp nhận ngôi vị thi hành chính sách của Thiên tử và tuần sát bốn phương, việc đầu tiên cần làm chính là cúng tế thiên địa, nhật nguyệt tinh tú và Thần các phương. Tháng Hai, vua Thuấn tuần sát phương Đông, đến Thái Sơn, sau khi trai giới tắm gội liền cử hành Thái Sơn phong thiện, tức cử hành nghi thức quy mô lớn cúng tế thiên địa, báo cáo lên Trời. “Phong”, chính là tế Trời, “thiện”, chính là tế Đất.

Nghi thức cúng tế trang nghiêm long trọng, đầu tiên là tế bái thiên địa, thành kính cảm ân Hoàng Thiên Hậu Thổ, cáo lên Sáng Thế Chủ rằng đã nhận mệnh Trời. Sau đó cúng tế nhật nguyệt tinh tú. Tiếp theo đốt củi lửa, ánh lửa bùng bùng chiếu sáng khắp cả trời đất, đồng thời chuông trống vang rền, có vũ công nhảy múa theo âm nhạc, ngợi ca Thiên đế, khẩn cầu Thượng thiên phù hộ. Toàn bộ nghi thức cúng tế rất trang nghiêm thần thánh.

Sau đó dùng nghi thức dao tế để bái vọng cúng tế danh sơn đại xuyên các nơi.

Thái Sơn phong thiện từ xưa đến nay, Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang... đều từng lên núi Thái Sơn cử hành lễ phong thiện, cáo lên Trời, đáp tạ ơn được “nhận mệnh Trời”.

Tiếp theo, Đế Thuấn triệu kiến các chư hầu phương Đông.

Ngu Thuấn sau khi trở thành Thiên tử, sửa đổi và hoàn thiện các chế độ ở các phương diện. Quy định thụy ngọc cùng các vật phẩm khác cho cấp bậc chư hầu là Công, Hầu, Bá, Tử, Nam cầm theo khi yết kiến Thiên tử. Tức là 5 loại tín phù yết kiến Thiên tử: tước Công cầm

ấn ngọc hoàn khuê, tước Hầu cầm ấn ngọc thư khuê, tước Bá cầm ấn ngọc cung khuê, tước Tử cầm ấn ngọc cốc bích, tước Nam cầm ấn ngọc bồ bích. Ông còn định ra các biện pháp thưởng phạt và định ra y phục của quan theo các tước vị, cấp bậc.

Tháng Năm, Đế Thuấn tuần sát phương Nam, đến Hành Sơn, cử hành nghi lễ tế thiên địa giống như ở núi Thái Sơn.

Tháng Tám, Đế Thuấn tuần sát phương Tây, đến Hoa Sơn, cử hành nghi lễ tế thiên địa giống như ở núi Thái Sơn.

Tháng Mười Một, Đế Thuấn tuần sát phương Bắc, đến Hằng Sơn, cử hành nghi lễ tế thiên địa giống như ở núi Thái Sơn.

Về sau cách mỗi 5 năm Ngu Thuấn tuần sát cả nước một lần. Trong bốn năm không tuần sát, các chư hầu đến hạn lại đến để đô triều kiến, tâu bày tóm tắt những việc cai trị trong hạt để vua thử xét công trạng. Thuấn áp dụng 3 năm một lần khảo sát, 5 năm một lần tuần sát, xác định rõ quan hệ phụ thuộc giữa triều đình và chư hầu các địa phương, đặt định cấu trúc cho một thiên hạ thống nhất.

12. Thiết lập hình pháp

Thuấn để Cao Dao phụ trách tư pháp, ông cho rằng chỉ khi vạn bất đắc dĩ mới dùng đến hình phạt. Trước tiên là dùng biện pháp giáo hóa, khiến mọi người biết làm điều thiện, không làm điều ác. Khiến họ xấu hổ trước hình phạt hơn là khiến họ thấy sợ hãi trước hình phạt.

Hình luật chế định lúc ấy là: tượng dĩ điển hình, lưu hựu ngũ hình, tiên tác quan hình, bốc tác giáo hình, kim

tác thực hình. Nghĩa là: lấy hình phạt vẽ làm hình phạt thông thường, hình phạt vẽ chính là hình phạt thường dùng, tức là vẽ hình lên quần áo và đồ dùng để cảnh cáo, khiến họ biết xấu hổ mà sửa đổi. Dùng hình phạt lưu đầy thay thế cho ngũ hình là cắt mũi, chặt chân, xăm hình, thiến, chặt đầu, thể hiện sự khoan hồng. Đối với người trong quan phủ phạm tội thông thường chỉ đánh bằng gậy, bằng roi da, hay roi to. Đối với học trò trong học phủ không theo quản giáo chỉ đánh bằng roi mây, hay roi nhỏ. Người không có động cơ phạm tội nhưng thực tế lại phạm tội thì thuộc về phạm tội không có chủ ý, có thể thông qua hình phạt nộp tiền vào quốc khố để chuộc tội, điều này trong pháp chế sau này vẫn được sử dụng theo.

Vào thời Đế Thuấn, đã có tương đối nhiều quy định hơn về quản lý nhân sự. Sách *Văn hiến thông khảo - Chức quan khảo nhất* có viết: “Thời Đào Đường thị (tức Đế Nghiêu) trở về trước, việc trị sửa bá quan là việc của Trời. Từ thời Đế Ngu (tức vua Thuấn) và nhà Hạ trở về sau, việc trị sửa bá quan là việc dân sự. Đế Thuấn lấy đạo đức làm căn bản giáo hóa vạn dân, khai sáng giáo dục, thiết lập hình pháp, định kỳ tuần sát tứ phương. Hình pháp là phương thức cưỡng chế trong quản lý nhà nước, việc tăng cường hình pháp cho thấy có chức năng quản lý nhà nước trong giai đoạn này. Thời kỳ này, hệ thống quản lý giáo dục, thưởng phạt được tăng cường.

Chương 5: Đại Vũ trị thủy thổ, định ra Thần Châu (P1)

Cộng Công Khổng Nhâm sử dụng sách lược trị thủy “đắp đê ngăn sông, đào chỗ cao đắp chỗ thấp”, qua nhiều năm hao tài tổn lực mà không có hiệu quả. Lại nữa, Khổng Nhâm “chỉ biết ham vui, ham sắc hại thân”, cuối cùng trị thủy thất bại, bị cách chức.

Đế Nghiêu hỏi ý kiến Tứ Nhạc xem ai có thể khống chế lũ lụt, Tứ Nhạc tiến cử Cồn. Đế Nghiêu nói: “Cồn là người rất tùy tiện, cứng đầu, thường không tuân theo mệnh lệnh, làm hại lợi ích đồng tộc, không thể đảm nhận công việc này được”. Tứ Nhạc nói: “Hiện tại không tìm được người trị thủy nào thích hợp hơn Cồn, nên để ông ấy thử sức xem”. Thế rồi Đế Nghiêu theo ý kiến của Tứ Nhạc, giao phó cho Cồn việc trị thủy.

Cồn rất giỏi về kiến trúc, dựng xây. Cồn chọn phương pháp xây bờ chặn, để kìm hãm sức nước, lúc đầu phương pháp này có chút hiệu quả, nhưng khi mực nước dâng cao, đê không những không ngăn trở được hồng thủy mà còn liên tiếp đổ vỡ. Cuối cùng đê vỡ, khiến số người tử thương rất nhiều.

Cồn trị thủy chín năm, không có hiệu quả. Thuấn kiến nghị đưa Cồn lưu đày tới Vũ Sơn.

Thuấn biết rằng con trai của Cồn là Văn Mệnh (Vũ) khoan dung, nhân từ, có đức, giỏi về trị thủy, thế là tiến cử lên Đế Nghiêu để Vũ trị thủy.

1. Thần Vũ giáng thế

Vũ, họ là Tụ Thị, tên Văn Mệnh. Cha là Cồn, là hậu duệ của thị tộc Hoàng Đế.

Theo *Trúc Thư Kỷ Niên*, Đế Vũ thuộc tộc Hạ Hậu, mẫu thân là Tu Kỷ, đi ra ngoài thấy có ngôi Sao Băng bay xuyên qua Sao Mão, khi quay về nằm mộng thấy mình đón được ngôi sao ấy, trong lòng rung cảm, sau đó nuốt một viên thần châu. Tu Kỷ xé lưng ra, rồi sinh Vũ ở Thạch Nữ. Vũ mũi hổ, miệng rộng, hai tai có ba lỗ, đầu đội Sao Câu Linh, ngực có Sao Bắc Đẩu, dưới chân có hoa văn hình chữ kỷ, bởi thế nên được đặt tên là Văn Mệnh. Khi trưởng thành có Thánh đức, cao chín thước chín tấc.

Cồn kết hôn với con gái của Đế thị, tên là Nữ Hy, còn gọi là Tu Kỷ. Sau khi Đế Chí chết, Cồn không còn làm quan, mà cùng thê tử sống ở thôn Thạch Nữ của khu Quảng Nhu thuộc núi Vấn, nay là huyện Vấn Xuyên, tỉnh Tứ Xuyên.

Nữ Hy hơn ba mươi tuổi, nhưng vẫn chưa sinh con. Một hôm khi trời sắp tối, bà đi lấy nước ở dưới núi, ở mép nước trông thấy một viên minh châu, to như trứng chim, tiện tay nhặt lên, càng ngắm càng thích thú. Vừa định lên núi, thì chợt nghe một thanh âm vang lên giữa không trung, ngẩng đầu lên nhìn, thì nhìn thấy một ngôi Sao Băng to từ ngọn núi đối diện bay thẳng đến, lướt qua bên người, rồi vụt thẳng lên trời, rồi nhập vào cung Sao Mão. Nữ Hy rất kinh hãi, vội đem viên thần châu kia ngậm vào trong miệng, không ngờ viên thần châu kia vừa đưa vào miệng liền một mạch từ cổ chạy xuống

bụng. Nữ Hy đột nhiên cảm thấy một dòng khí nóng xông vào đan điền.

Đến đêm, bà mộng thấy một nam tử to lớn, mũi hổ miệng to, mắt lớn trong như sông, tiếng nói như chim hót, tới nói với Nữ Hy: “Ta là tinh phách của Kim Tinh Bạch Đế trên trời, giáng sinh xuống thế gian làm cháu đời thứ 19 của Nữ Oa, tên gọi là Thần Vũ, sống thọ đến 360 tuổi. Sau đó đến núi Cửu Nghi học Đạo, thành Tiên bay đi, lại trở về làm Kim Tinh Bạch Đế như trước. Hiện nay hồng thuỷ tràn lan khắp thiên hạ, ta thụ mệnh trị thuỷ, nên hoá thành một hòn đá, chờ đợi người có duyên với ta. Hôm qua bị bà nuốt vào, tức là ta với bà có duyên, ta tới làm con trai của bà”.

Nữ Hy sau khi tỉnh lại đem câu chuyện dưới núi ngày hôm qua và giấc mộng vừa gặp kể lại cho Cỗn. Cỗn nói, xem ra, con chúng ta sinh ra sau này là người rất có lai lịch, nhất định là một người rất xuất chúng.

Nữ Hy mang thai được 10 tháng mà vẫn chưa sinh. 13 tháng trôi qua, vẫn chưa sinh, nhưng lưng của Nữ Hy giống như muốn tách mở ra, đau đớn đến tê liệt cả người, cảm thấy sau lưng có một thứ tròn, liên tục thúc lên.

Cỗn dùng dao nhẹ nhàng vạch một cái ở sau lưng của bà, thì một thai nhi sinh ra, đó là một bé trai.

Tai Vũ có ba cái lỗ tai, cổ dài, miệng như mỏ chim, mũi hổ, mắt lớn vuông vắn, miệng lớn, trông giống hệt người Nữ Hy gặp trong mộng, hai tai có ba lỗ, đầu đội Sao Câu Linh, ngực có Sao Bắc Đẩu, dưới chân có hoa văn hình chữ kỷ, nên đặt tên là Văn Mệnh, tự là Cao Mật. Khi trưởng thành có Thánh đức, cao chín thước chín tấc.



*Tranh vẽ Đại Vũ của họa gia Mã Lâm thời Nam Tống
(nguồn internet)*

Hồi nhỏ, Văn Mệnh thông minh cơ trí, cung kính hữu lễ. Vợ chồng Cỗn rất yêu thương, đích thân dạy bảo. Cỗn vốn là người học rộng tài cao, đem hết sở học của mình dạy cho Văn Mệnh. Dù tuổi nhỏ nhưng Văn Mệnh đã có thể lĩnh ngộ được, lại đặc biệt thích nghe giảng về thủy lợi, địa lý.

Khi Văn Mệnh chưa được 10 tuổi, vì Khổng Nhâm trị thủy không có kết quả, nên Cỗn nhận lệnh trị thủy.

Sau khi Cỗn rời khỏi nhà, một hôm Văn Mệnh đi ra ngoài gặp một ông lão tóc trắng, tự xưng là Úc Hoa Tử. Úc Hoa Tử là một người tu Đạo, thiên văn địa lý không gì không biết, còn có thể biết được quá khứ tương lai. Văn Mệnh bái Úc Hoa Tử làm thầy, Úc Hoa Tử ở lại nhà của Văn Mệnh, dạy Văn Mệnh các loại tri thức. Úc Hoa



Tranh vẽ Hạ Vũ (nguồn internet)

Tử bảo với Văn Mệnh, lần lũ lụt này ngập khắp thiên hạ, nếu không có bản lĩnh thông thiên triệt địa, tài năng sai khiến quỷ Thần, thì khó mà trị thủy được.

Úc Hoa Tử dần dần truyền thụ lại cho Văn Mệnh kiến thức về các núi cao sông lớn trong thiên hạ, lộ trình xa gần, địa thế cao thấp rộng hẹp hiểm lành, cùng các loại phương pháp trị thủy. Điểm chính yếu trong việc trị thủy của ông là: “Chỉ có thể thuận theo đặc tính của nước, không thể đối kháng lại thế nước”. Văn Mệnh khắc ghi trong tâm lời dạy này.

Ba năm sau, Úc Hoa Tử từ biệt mẹ con Văn Mệnh. Trước khi đi, Úc Hoa Tử tiến cử cho Văn Mệnh bốn người làm trợ thủ sau này.

Không lâu sau Úc Hoa Tử phái hai người Chân Khuy, Hoàn Quách tìm đến làm trợ thủ cho Văn Mệnh. Hai người đưa cho Văn Mệnh một phong thư, trong thư Úc Hoa Tử lại tiến cử hai người là Tây Vương Quốc tiên sinh và Đại Thành Chí, kiến nghị Văn Mệnh bái hai người này làm thầy, “Hai người này đều là thầy của bậc đế vương, là bậc kỳ tài không xuất thế”.

2. Khảo sát lũ lụt, dọc đường hiển Thần tích

Sau khi mẫu thân qua đời, Văn Mệnh quyết định đến chỗ phụ thân. Trên đường đi ông bái kiến Tây Vương Quốc tiên sinh, các học vấn của tiên sinh Tây Vương Quốc khác với Úc Hoa Tử, tiên sinh Tây Vương Quốc chuyên về Đạo chính tâm – tu thân – an bang trị quốc, nhờ vậy Văn Mệnh thụ ích rất nhiều.

Trên đường đi, có lần Văn Mệnh nhìn thấy đập trị thủy lớn dài mấy trăm dặm, ông thấy rằng phương pháp này không giống với điều mà sư phụ Úc Hoa Tử giảng.

Văn Mệnh sau khi gặp được phụ thân thì đi theo bên cạnh, ông coi xét kỹ lưỡng khắp nơi, dần dần tích lũy được một chút kinh nghiệm, ông nghĩ, nhiều nước như thế bị các dãy núi bao quanh, nếu mở ra một đường cho nước thoát, chính là thuận theo đặc tính của nước, dẫn ra biển lớn. Nhưng muốn tháo nước thì tất phải đục phá núi, còn nước trên mặt đất thì nhất định phải đào đất nạo vét kênh. Hai việc này đều là công trình vô cùng to lớn.

Ông đề xuất ý kiến của mình với phụ thân. Ông nói: “Chỗ cao đục để thông, chỗ thấp đào mà thoát”. Cỗn cảm thấy hai việc xẻ núi và đào đất đều cần rất nhiều nhân lực và vật lực, sức người không thể làm được. Văn Mệnh dẫn theo hai tùy tùng đến các nơi khảo sát địa thế, thế nước cũng như đầu nguồn của nước lũ. Ông nhận thấy rằng hồng thủy như thế này thì chỉ có cầu xin sự giúp đỡ và bảo hộ của Thần mới có thể trị tận gốc.

Tại lưu vực sông Hoài, ông gặp được và bái Đại Thành Chí làm thầy. Đại Thành Chí nói với Văn Mệnh rằng “trận đại hồng thủy này là đại biến của thiên địa”, sức người không thể kháng lại, rồi đề xuất với Văn Mệnh những kiến nghị rất hay.

Tại núi Hoàn, Văn Mệnh gặp Thần núi Hoàn, Thần núi Hà Phùng và Thần núi Bão Độc, họ chỉ dẫn ông tới phương Nam tìm kiếm phương pháp, khí cụ và nhân tài để trị thủy.

Ngô Việt Xuân Thu ghi chép rằng: “Ở cột Thiên Trụ phía Đông Nam núi Cửu Nghi, hiệu là Uyển Ủy, trên đỉnh núi có sách quý, được đỡ bằng ngọc có vân, được che bằng phiến đá lớn, thẻ sách làm bằng vàng, chữ dính bằng ngọc xanh, buộc bằng dây bạch ngân, văn tự đều

chạm nổi. Vũ đi tuần xét phía Đông, leo lên núi Hành Sơn tìm kiếm. Một người mặc áo gấm thêu màu đỏ, tự xưng là sứ giả của Huyền Di Thương Thủy đến chờ Vũ, bảo cho Vũ trai giới đến tháng Ba rồi lại đến tìm. Vũ trai giới ba ngày rồi lại leo lên núi Uyển Ủy, lấy được sách, dắt được đạo lý khơi thông nước, bèn đi khắp thiên hạ”.

Họ đi về phía Nam, đến lưu vực sông Hán Thủy, gặp được người đưa thư do sự phụ Úc Hoa Tử phái đến, theo chỉ điểm trong thư, ông đến núi Uyển Ủy (tức núi Ngọc Tứ ở phía Đông Nam thành phố Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang), sau khi thành kính trai giới, tìm được hai miếng ngọc khuê màu xanh đỏ và 12 cuốn tàng thư, trong sách miêu tả hết sức tường tận địa lý mạch nước, đường đi sông núi. Ngọc khuê xanh đỏ có thể soi thấy những nơi ở rất sâu trong lòng đất, là bảo bối rất hữu dụng trong trị thủy.

Khi đi ngang qua vùng gần Vu Sơn, con gái của Tây Vương Mẫu là phu nhân Vân Hoa triệu kiến Văn Mệnh, bà dạy Văn Mệnh hai bộ Thượng Thanh Bảo Văn là Triệu Thiên Thần và Triệu Địa Kỳ, có thần hiệu xua đuổi hổ báo trên đất, hàng phục giao long dưới nước; còn có thể xuất nhập thủy hỏa, phép trường sinh, sống lâu cùng trời đất. Bà còn phái bảy vị Thiên tướng dưới trướng của mình hạ phàm để trợ giúp Văn Mệnh trị thủy. Ngoài ra phu nhân Vân Hoa còn dạy ông ba sách lược trị thủy. Cuối cùng phu nhân Vân Hoa nói với Văn Mệnh, lúc cần thiết bà và Tây Vương Mẫu đều có thể trợ giúp trị thủy.

Sơn Hải Kinh – Hải Nội Kinh ghi chép rằng: “Hồng thủy ngập trời, Cổn đã trộm bảo bối ‘tức nhưỡng’ của Thiên đế để ngăn hồng thủy mà không có lệnh của Thiên đế”. ‘Tức nhưỡng’ là một loại đất mà không ngừng sinh

sôi, chỉ cần lấy một chút quặng xuống đất thì lập tức sẽ sinh sôi rất nhiều, chất thành núi, đắp thành đê. Cỗ trộm ‘tức nhưỡng’ của Thiên đế để xây đê, làm trái ý



Bức tranh Đại Vũ tay nắm cái cày để trị thủy, tranh vẽ trên đá trong nhà thờ họ Vũ ở Gia Tường, Sơn Đông (nguồn internet)

của Thiên đế, dẫn đến hậu quả khôn lường, cuối cùng đập bị vỡ, hồng thủy bộc phát không thể kiểm soát, bách tính tử thương rất nhiều. Xét thấy Cỗ trị thủy chín năm chẳng nên kết quả gì, Thuấn kiến nghị lưu đày Cỗ đến Vũ Sơn. Có ghi chép nói rằng, Chúc Dung phụng mệnh chém đầu Cỗ tại Vũ Sơn, Cỗ trầm mình xuống dòng nước. *Sơn Hải Kinh – Hải Nội Kinh* Quách chú dẫn *Quy Tàng – Khải Thệ*: “Cỗ chết ba năm vẫn không mục rữa, mổ xác Cỗ thì có thanh Ngô Dao, sau đó hoá thành rồng vàng”.

3. Vũ thụ mệnh trị thủy

Sau khi Cỗ trị thủy thất bại, Thuấn tiến cử Vũ lên Đế Nghiêu, Đế Nghiêu dùng Vũ để trị thủy.

Một hôm, Văn Mệnh mộng thấy mình tắm rửa giữa dòng hồng thủy mênh mông, chợt thấy Mặt Trời đỏ trên cao chiếu xuống, giữa làn sóng nước còn có một Mặt Trời đỏ chìm nổi, tỉnh dậy Văn Mệnh kiến giải giấc mộng rằng: “Mặt Trời là biểu tượng của Thiên tử, Mặt Trời đỏ từ trong nước nổi lên, rơi chiếu vào thân mình, chẳng phải là Thiên tử muốn giao phó ta đi trị thủy sao?”

Văn Mệnh quyết định tuân theo lời dạy của mẫu thân và di mệnh của phụ thân, đến Đế đô đảm nhiệm chức trách trị thủy.

Từ đó, danh tiếng của Đại Vũ gắn liền với việc trị sửa thủy thổ và sửa sang cửu châu, đó cũng là công tích lớn nhất trong cuộc đời của Đại Vũ. Hàng trăm hàng nghìn năm sau, câu chuyện Đại Vũ trị thủy vẫn in sâu trong lòng người, được người đời ca tụng, điển tích Đại Vũ ba lần đi qua nhà mà không vào còng làm nổi bật rõ tấm lòng rộng mở vì việc công của thiên hạ và lê dân mà quên việc riêng của bản thân mình.

Đế Nghiêu triệu kiến Văn Mệnh. Văn Mệnh nói với Đế Nghiêu rằng: “Thần cho rằng trị thủy ắt phải thuận theo đặc tính của nước, nước chảy từ chỗ cao đến chỗ thấp, rồi theo dòng chảy ra biển lớn, nên xẻ nơi cao mà thông đường nước chảy, đào nơi thấp mà thoát đi”. Đế Nghiêu rất tán thưởng với ý kiến này.

Về vấn đề nhân lực và thời gian, Văn Mệnh đem kỳ tích mình trải qua và chuyện gặp được phu nhân Vân Hoa, được phu nhân hứa hẹn giúp đỡ trị thủy kể lại cho Đế Nghiêu. Đế Nghiêu biết rằng lời của Tây Vương Mẫu đã ứng nghiệm, việc lớn trị thủy có thể thành công, nên ngài vô cùng cao hứng. Đế Nghiêu ban cho Văn Mệnh tên “Vũ”, bổ nhiệm chức Sùng Bá lo việc trị hồng thủy.

Từ đó, nền văn minh Trung Hoa đã bước sang một trang sử mới đầy huy hoàng.

Sau khi Vũ thụ mệnh, Thuấn lệnh cho Hậu Tắc và Ích làm trợ thủ cho Vũ, trợ giúp Đại Vũ trị thủy.

Vì để đảm bảo tiến hành thuận lợi cho công trình trị thủy, Cao Dao “lệnh cho dân chúng thủy đều phải tuân theo Vũ, nếu không tuân theo thì sẽ dùng hình phạt”. Về mặt hành chính cũng toàn lực đảm bảo việc thực thi kế hoạch trị thủy, rồi dần dần triệu tập được mấy chục vạn nhân công, ngoài ra còn lệnh cho chư hầu và bá quan ra sức hiệp trợ.

Vũ tùy theo công việc nặng nhẹ và mức độ cấp bách mà chia công trình trị thủy thành sáu đoạn:

Đoạn thứ nhất gồm toàn bộ Ký Châu và một phần của Ung Châu, Dự Châu, Duyện Châu, cũng chính là khu vực trung hạ du sông Hoàng Hà. Ký Châu không những là nơi đặt Đế đô, mà nơi này số người chịu tai họa cũng nhiều, cần được ưu tiên trị thủy.

Đoạn thứ hai gồm Duyện Châu và toàn bộ Thanh Châu. Thanh Châu giáp với biển, địa thế thấp, lũ lụt cũng nghiêm trọng. Đoạn này thuộc hạ du sông Hoàng Hà.

Đoạn thứ ba gồm toàn bộ Từ Châu và một phần Dự Châu. Trường Giang và sông Hoài ngập lụt đã nhiều năm, việc trị thủy cũng cần thực thi nhanh chóng.

Đoạn thứ tư gồm toàn bộ Dương Châu, Kinh Châu và Lương Châu. Sông Trường Giang dài ngàn dặm, chảy ra Đông Hải, đất cũng thấp, phía Tây là Lương Châu, về địa thế mà xét Lương Châu dường như là một vùng riêng biệt, nhưng theo khảo sát gần đây thì địa hình đã biến đổi nhiều, cho nên cũng cần trị thủy với các vùng kia.

Đoạn thứ năm gồm vùng biên giới cửu châu.

Đoạn thứ sáu gồm vùng hải ngoại. Bậc vương giả không phân biệt bên ngoài, dưới gầm trời đều đối xử bằng nhân nghĩa, vậy nên sau khi trị thủy ở Trung Quốc xong, vẫn cần tuần tra thị sát các nước ở hải ngoại, tùy thời điểm thích hợp trị thủy.

Khoảng chừng mười năm, có thể khiến cho tất cả thủy thổ bình ổn; nếu muốn sửa sang thành mạng lưới để dẫn nước, chấn hưng thủy lợi, thì cần hai, ba năm nữa.

Đến đây, phần mở màn Vũ sáng tạo Thần Châu đã được mở ra.

Đại Vũ trị thủy, có được Hà đồ, Lạc thư để trợ giúp trị thủy.

Theo *Trúc Thư Kỷ Niên* ghi chép: “Vũ quan sát sông Hà, nhìn thấy một người cao lớn, mặt trắng mình cá xuất hiện nói: “Ta là tinh phách của sông Hà”. Sau đó hô lên rằng: “Vấn Mệnh hãy lo trị thủy”. Nói xong, trao cho Vũ Hà đồ, nói với Vũ về các việc trị thủy, rồi lui vào vực sâu”.

Đại Vũ mở Hà đồ ra, chỉ thấy bên trong cửu châu vẽ hình thế sông núi mạch lạc phân minh, ghi chép tường tận. Hoá ra là tấm địa đồ trị thủy.

Vũ trên đường đi qua Lạc Thủy, một con rùa lớn trên lưng chở một bộ sách dầy cho Đại Vũ. Chỉ thấy ở trên đó ghi hình thế núi sông cho đến tên gọi, đặc điểm hung dữ của các loài yêu quái, dã thú ác diệu của các châu. Đại Vũ hướng Lạc Thần bái lạy mấy bái, rồi đem Lạc thư và Hà đồ đặt cùng một chỗ.

Đến gần Hồ Khẩu, Hà Bá lại mang Hà đồ tặng Đại Vũ.

Chương 5: Đại Vũ trị thủy sông Hoàng Hà (P2)

4. Trị thủy sông Hoàng Hà

Tên gọi Hoàng Hà được xuất hiện sớm nhất trong *Hán Thư*, đương thời gọi là Hà hoặc Đại Hà.

Ở những niên đại xa xưa về trước, thượng du và hạ du sông Hoàng Hà không liên thông với nhau, sự “dịch chuyển của Hoàng Hà” một triệu năm trước đã khiến thượng du sông Hoàng Hà bẻ góc ở Tích Thạch hiệp khiến nước chảy vào Lâm Hạ – bồn địa Lan Châu, nối liền với vùng hạ lưu. “Sự dịch chuyển của bồn địa Cộng Hòa” (bồn địa Cộng Hòa có trung tâm nằm tại huyện Cộng Hòa tỉnh Thanh Hải) diễn ra 150.000 năm trước đã khiến thượng du sông Hoàng Hà bị xâm thực lên đầu nguồn Long Dương hiệp, hạ du bẻ góc ở Tam Môn hiệp khiến nước chảy về phía Đông rồi đổ ra biển.

Dẫn nước ra biển

Sông Hoàng Hà là dòng sông chính để xả lũ ở Ung Châu, Dự Châu và Ký Châu. Đây cũng là công trình trị thủy trọng yếu. Theo tính toán của Đại Vũ, việc trị thủy bắt đầu từ Ký Châu. Ký Châu thời kỳ Đại Vũ ứng với vùng đất là toàn bộ tỉnh Sơn Tây, phía Bắc sông Hoàng Hà ở tỉnh Hà Nam, nửa phía Tây tỉnh Hà Bắc đến phía Nam núi Âm Sơn ở Nội Mông Cổ, phía Đông kéo dài đến khu vực phía Tây sông Liêu Hà ở tỉnh Liêu Ninh ngày nay. Đây là kinh kỳ của vua được nhắc đến trong thiên

“Vũ Cống” sách *Thượng Thư*, tức là nơi mà Thiên tử trực tiếp quản lý.

Biển Đông Hải (biển Hoa Đông ngày nay) có hai con quái vật gây trở ngại cho việc trị thủy và làm hại nhiều nhân công trị thủy, một con là Thiên Ngô và một con là Võng Tượng. Vũ đã thỉnh cầu Thần Đông Hải Ngu Quắc hàng phục hai con quái vật này.

Ngu Quắc lại gọi thủ hạ của mình là Ứng Long phụ giúp Vũ trị thủy. Ứng Long từng giúp Hoàng Đế đánh bại Xi Vưu, ông nắm rõ thủy mạch, địa mạch như lòng bàn tay, vì vậy có thể rất dễ dàng vạch ra lộ tuyến đào kênh.

Tại các khu vực Thanh Châu và Duyện Châu, Vũ bắt đầu mở đường, từ núi Vương Ốc để dẫn nước sông Tế chảy vào sông Hoàng Hà, rồi theo hướng Đông chảy vào đầm Hà Trạch. Sông Ung Thủy chảy đến đầm Hà Trạch hợp với sông Thư Thủy (Thanh Thủy Hà) rồi chảy vào đầm Lô Hạ. Sau đó theo Đông Bắc nhập vào sông Vấn Thủy, rồi lại chảy về phía Bắc, ở đó chuyển hướng về phía Đông chảy ra biển lớn.

Nhờ sự giúp đỡ của Ứng Long, chín kênh sông đã được đào tại khu vực hạ du sông Hoàng Hà ở Ký Châu, Thanh Châu và Duyện Châu để dẫn nước chảy ra Đông Hải. Ở đây Vũ đã đào núi Kiệt Thạch, khiến nước tích ở phía Tây của núi Kiệt Thạch chảy ra biển lớn.

Ở khu vực núi Xích Thành và núi Vương Ốc, có bảy người biết thuật địa hành làm hại người. Tiên nhân Tây Thành Vương Quân nhận uỷ thác của phu nhân Vân Hoa, thu phục được bảy Địa tướng này, họ hợp với bảy vị Thiên tướng do phu nhân Vân Hoa phái đến thành mười bốn vị Thiên – Địa tướng trợ giúp đắc lực cho Vũ trong việc trị thủy sau này.

Trong một động đá ở núi Vương Ốc (một trong ba mươi sáu động Trời của Đạo gia), Tây Thành Vương Quân từ trong một hộp đá trời sinh lấy ra một bộ sách tu luyện tặng cho Vũ, nói rằng: “Nếu có thể chiếu theo những điều nói trong sách này chăm chỉ tu luyện, thì xuất phàm thành Thánh không phải là chuyện khó”. Ông lại nói với Vũ rằng: “Nếu tu thành đắc Đạo, thì hãy để cuốn sách này vào vị trí ban đầu của nó”.

Mở núi Để Trụ

Thủy Kinh Chú ghi chép: “Để Trụ, là tên núi. Thời Vũ trị thủy, ngọn núi chắn nước, vì vậy Vũ xẻ núi để sông chảy qua. Sông Hoàng Hà phân dòng, chảy quanh núi mà thoát đi, đỉnh núi đứng giữa dòng nước trông như cột trụ, nên gọi là núi Chỉ Trụ vậy”. Vũ xẻ núi phân sông Hoàng Hà thành hai dòng, nước sông bao quanh núi chia hai dòng chảy qua, ngọn núi này tựa như một trụ đá rất cao lớn, đứng sừng sững giữa dòng nước Hoàng Hà chảy xiết, mặc cho dòng nước đêm ngày xung kích vẫn sừng sững bất động. Vũ đặt tên núi là Chỉ Trụ Sơn. Thành ngữ “trung lưu chỉ trụ” (cột đá giữa dòng) chính là bắt nguồn từ đây. Từ đó “trung lưu chỉ trụ” trở thành một biểu tượng tinh thần được truyền tụng muôn đời của dân tộc Trung Hoa.

Cự Linh đục Hoa Sơn

Thời viễn cổ, núi Thú Dương ở bờ Đông sông Hoàng Hà (nay là núi Điều ở Sơn Tây) và núi Thái Hoa ở bờ Tây sông Hoàng Hà là nối liền với nhau, nước sông Hoàng Hà chảy tới đây, bị núi chặn lại. Như vậy các vùng Hoa Âm, Đồng Quan, Triều Ấp bị biến thành một hồ nước.

Muốn thoát nước ở đây thì ắt phải đục mở hai ngọn núi này. Điều này hiển nhiên không phải sức người có thể làm được. Vì vậy, phu nhân Vân Hoa thỉnh mời Cự Linh Thần Tần Hồng Hải ra tay đục Hoa Sơn, đồng thời hội hợp chúng Thần, trong đó dẫn đầu là Tây Vương Mẫu. Có thể nói là cuộc đại hội tụ của các Thần Tiên.

Thân thể của Cự Linh Thần Tần Hồng Hải dần dần biến lớn, rồi thân hình của Ông biến thành không biết cao đến nhường nào, Ông duỗi hai bàn tay khổng lồ, nắm chắc đỉnh núi ở phía Nam Hoa Sơn, rồi thuận thế vươn chân đạp hết sức vào chân núi ở mặt phía Bắc, hai núi bị tách ra, nước sông cuồn cuộn thoát qua khoảng không do Ông đạp mà chảy về phía Đông. Tay trái Cự Linh Thần ấn giữ lên núi Hoa Sơn, nên chỗ đó được gọi là Tiên Chưởng. Nhưng vì dùng lực quá mạnh, nên Hoa Sơn bị nứt tách ra thành hai nửa, một ngọn cao và một ngọn thấp. Nửa cao hơn chính là núi Hoa Sơn ngày nay, còn gọi là núi Thái Hoa, còn nửa thấp hơn chính là núi Thiếu Hoa. Đại thi nhân Lý Bạch viết: “Cự Linh bào hao phách lưỡng sơn, hồng ba phún lưu xạ Đông Hải” (tạm dịch: Cự Linh gầm thét tách hai núi, sóng lũ phun trào tận biển Đông), chính là nói về câu chuyện này.

Tương truyền Hán Vũ Đế năm đó khi lên Hoa Sơn, cảm thán công đức của Cự Linh Thần nên đã xây dựng động Thần Cự Linh dưới núi Hoa Sơn.

Bài thơ “Hoa Nhạc” của Vương Duy đời Đường tán tụng rằng:

Tích văn Càn Khôn bế, Tào hóa sinh Cự Linh.
Hữu túc đạp phương chỉ, tả dụng thôi tước thành.
Thiên địa hốt khai sách, Đại Hà chú Đông minh.
Toại vi Tây trì nhạc, hùng hùng trấn Tần kinh.

Tạm dịch:

Xưa nghe Càn Khôn đóng, Tạo hóa sinh Cự Linh.
Chân phải đạp lấy thể, tay trái đẩy tạo thành.
Trời đất bỗng phân tách, Hoàng Hà trút biển Đông.
Liên thành núi phía Tây, sừng sững trấn Tần kinh.

Vũ khai Long Môn

Khai phá Long Môn, là công trình then chốt trong việc trị thủy sông Hoàng Hà, cũng là công trình trị thủy trọng yếu. Công trình này rất lớn, bao gồm cả Hồ Khẩu, Mạnh Môn và Long Môn.

Tại đây, Hoàng Hà bị núi Lữ Lương chặn lại, làm hồng thủy tắc lại ở đây. Núi Lữ Lương có một cái miệng núi, giống như miệng ấm (Hồ Khẩu), nếu đục thêm mở



*Thác nước Hồ Khẩu trên sông Hoàng Hà
(Ảnh: Leruswing / Wikipedia)*

rộng ra, thì có thể xả nước lũ. Vì thế, Vũ đục Hồ Khẩu. *Thủy Kinh Chú* chép lại: “Vũ trị thủy, bắt đầu từ Hồ Khẩu”.

Xuôi về phía hạ du của Hồ Khẩu khoảng năm dặm là núi Mạnh Môn được gọi là “cửu hà chi đặng”. Nước sông chảy đến đây phân thành hai dòng, từ hai bên Cự Thạch ào ạt chảy qua, đến sau núi Mạnh Môn lại hợp thành một dòng. Tương truyền hai đảo núi này vốn là một núi nằm chắn ngang dòng nước Hoàng Hà khiến nước lũ lan tràn khắp nơi, nên Đại Vũ đục mở núi này ra làm hai để nước theo dòng chảy thông suốt. Nước sông Hoàng Hà sau khi chảy ra khỏi Mạnh Môn, chảy vút xuống, thẳng tới Long Môn.

Núi Long Môn vốn là một ngọn núi lớn nối liền với dãy núi Lữ Lương, nằm chắn dòng chảy sông Hoàng Hà khiến cho nước sông Hoàng Hà chảy tới đây không thể chảy tiếp, phải quay đầu chảy ngược về thượng du, dẫn đến vùng thượng du ở núi Mạnh Môn đều bị ngập nước. Vũ tách mở núi Long Môn làm hai, như hai cánh cửa, để nước sông từ trên vách núi cheo leo tuôn chảy xuống.

Người đời sau nhớ lại công đức trị thủy của Đại Vũ, gọi nó thành Vũ Môn. Trong dân gian còn có truyền thuyết, Đại Vũ đục núi tới đây, đục mãi không thông, liền hoá thân thành rồng để phá đá mở núi, nên cũng gọi là Long Môn.

Ở gần Long Môn có một cái khe, gọi là khe Lý Ngư (cá chép), cá chép ở đây bơi ngược dòng lên thượng du của Long Môn, con cá nào có bản lĩnh nhảy qua được Long Môn thì sẽ hóa thành rồng, nên mới gọi là “cá chép vượt Long Môn”.

Cách hạ du của Long Môn vài trăm dặm là Tam Môn hiệp nổi tiếng, Vũ phá một hòn núi chặn dòng Hoàng

Hà thành mấy phần, khiến nước sông phân dòng chảy quanh núi thoát đi, nhìn như ba cái cổng, nên nơi này được gọi là Tam Môn, tức là: Quỷ Môn, Thần Môn, Nhân Môn.

Vũ đục Long Môn, công đức lưu truyền thiên cổ, học giả Cố Viêm Vũ thời nhà Thanh có bài thơ “Long Môn”, tán tụng công tích đục Long Môn bất hủ của Vũ như sau:

Cảng địa Hoàng Hà xuất, khai thiên thủ nhất môn.

Thiên thu bằng Đại Vũ, vạn lý hạ Côn Luân.

Tam dịch:

Đất dài Hoàng Hà đổ, trời mở ở cửa này.

Ngàn năm công Đại Vũ, vạn dặm xuống Côn Luân.

Khi Vũ đục Long Môn, ông có đến một động trời, gặp một vị Thần. Vũ liền trò chuyện, vị Thần cho Vũ xem đồ hình Bát quái khảm trên bảng vàng. Bên cạnh lại có tám vị Thần. Vũ nói: “Hoa Tư sinh Thánh tử, là ngài sao?” Đáp lại: “Hoa Tư là nữ Thần Cửu Hà, cũng là người sinh ra tôi”. Rồi tìm thẻ ngọc truyền cho Vũ, thẻ ngọc dài một thước hai tấc, ứng hợp với số của 12 canh giờ, dùng để đo lường thiên địa. Vũ liền cầm lấy thẻ ngọc này để sửa trị thủy thổ. Thần ấy có thân rắn, chính là Hy Hoàng. *Thập di ký quyển hai* thuyết rằng, Vũ gặp Hy Hoàng, Phục Hy tặng Vũ thẻ ngọc, dùng cho việc đo lường đại địa, núi non sông ngòi.

Tiếp theo Vũ lại trị thủy núi Lương Sơn và các chi mạch. Trị thủy vùng Thái Nguyên, một mạch đến phía Nam núi Thái Nhạc, lại tiếp tục trị thủy sông Hành Thủy và sông Chương Thủy.

Cự Linh mở núi Thái Hoa, dùng thần lực đục Long Môn, chín con sông thông suốt, lũ lụt ở Ký Châu được

bình ổn. Đến đây việc trị lũ lụt ở Ký Châu, Duyện Châu, Thanh Châu về cơ bản đã ổn định.

Tiêu diệt Tương Liễu

Khổng Nhâm sau khi bị cách chức vẫn không hối cải, trái lại càng ngang ngược hơn nữa, đối kháng với triều đình, lợi dụng thủ hạ là Tương Liễu tác oai tác quái ở một phương. Nước được phong cho Khổng Nhâm nằm ở phía Tây của Ung Châu, Khổng Nhâm và Tương Liễu câu kết nhau làm việc xấu, giết hại sinh linh, bạo ngược bách tính, dựa vào địa thế hiểm trở đối kháng triều đình, can nhiễu việc trị thủy. Vậy nên Vũ giết Tương Liễu, bắt giữ Khổng Nhâm áp giải đến Đế đô.

Thuấn kiến nghị lên Nghiêu Đế, lưu đày Cộng Công đến U Châu.

Trị thủy Ung Châu

Sau khi xử lý xong chuyện Khổng Nhâm và Tương Liễu, việc tiếp theo của Vũ là trị lũ lụt ở Ung Châu. Ưng Thiệu nói: “Ung Châu, cũng gọi là Ủng Châu, tứ bề có núi, vì thế mà nước ứ tắc, âm khí cũng tụ lại không thông”. Phía Tây của Ung Châu là đầu nguồn sông Hoàng Hà, sau khi đục mở Hồ Khẩu, Long Môn, khiến cho rất nhiều nước ứ tắc ở đây được thoát ra, nhưng vì có núi Tích Thạch ngăn trở nên lượng nước khổng lồ vẫn bị tắc lại ở thượng du.

Sách *Thượng Thư – Vũ Cống* chép rằng: “Vua Vũ đi khơi sông Hoàng Hà từ núi Tích Thạch đến núi Long Môn, rồi nhập vào biển lớn”.

Núi Tích Thạch nằm ở miền Đông Nam Thanh Hải, là một nhánh của dãy núi Côn Luân, tên gọi theo tiếng

Tây Tạng là núi A Ni Mã Khanh (Amne Machin), biểu thị ý nghĩa là nguồn gốc của sông Hoàng Hà. Núi này cao 6.282 mét so với mực nước biển.

Sông Hoàng Hà đổ ra biển Bột Hải, Bột Hải cổ đại là một vùng rộng lớn bao trọn cả hồ Trát Lãng trong đó. Có thể nói rằng, sông Hoàng Hà khởi nguồn từ vùng Táp Nhật Khúc và Ước Cổ Tông Liệt Khúc cổ đại chảy đến núi Ba Lan Nhang Mã và núi Thác Nhĩ Đóa Tắc thì bị chặn lại, hình thành nên hồ lớn nhất ở thượng nguồn sông Hoàng Hà là hồ Trát Lãng. Tại hồ Trát Lãng, sông Hoàng Hà chảy quanh trong hồ, rồi từ phía Đông Nam của hồ tán loạn chảy ra, giữa đường lại chảy qua một vực núi dài khoảng 20km, rộng khoảng hơn 300 mét, sau đó phân thành chín nhánh đổ vào hồ thứ hai là hồ Ngạc Lãng, rồi lại chảy vào núi Tích Thạch do Vũ dẫn dòng.

Sông Hoàng Hà quấn quanh núi Tích Thạch mà chảy về phía Đông Nam đến Thanh Hải rồi chảy vào Tứ Xuyên thì bị núi Dân chặn lại, dòng nước mạnh chuyển hướng, đột ngột bẻ về phía Đông Bắc, xuyên qua huyện Mã Khúc tỉnh Cam Túc ở giữa núi Tích Thạch và núi Tây Khuynh, chảy ngược lại Thanh Hải, hình thành một khúc uốn cong rất to, đoạn sông này chính là khúc cong thứ nhất trong “cửu khúc Hoàng Hà” (Hoàng Hà uốn chín khúc). Đây là nơi Vũ bắt đầu trị thủy Hoàng Hà, Vũ đục thông núi Tích Thạch, khiến cho nước tích tụ ở Ung Châu có thể thoát đi. Vũ lại đục núi Tây Khuynh và núi Chu Ngữ (ở phía Tây Nam huyện Cam Cốc). Đến lúc này, lũ lụt ở Ung Châu đã được bình ổn.

Vách đá trên núi Chu Ngữ có vết tích hàng chữ “Vũ điện Chu Ngữ” được lưu lại từ thời Đại Vũ trị thủy.

Vũ đục núi Tích Thạch thấy được một miếng huyền ngọc, sách *Thượng Thư – Toàn Cơ Kiểm* kể rằng: Vũ khai Long Môn, thông Tích Thạch, ngọc huyền khuê xuất hiện, trên đó có khắc chữ “Diên hỉ ngọc, thụ đức Thiên tứ bội” (tạm dịch: Đây là ngọc Diên Hỷ, theo mệnh Trời ban cho).

“Đại Vũ trị thủy bắt đầu từ Tích Thạch”, trong đó eo Tích Thạch là công trình trọng yếu. Eo Tích Thạch nằm ở giao giới giữa huyện tự trị dân tộc Salar – Tuần Hóa và huyện tự trị dân tộc Thổ và dân tộc Hồi – Dân Hòa, toàn bộ eo dài 25 km, hai bên bờ núi cao xuyên qua mây, vách đá sừng sững, ở trong eo nước Hoàng Hà cuộn cuộn từ phía Tây chảy xuống, tiếng nước chảy xiết vang động như sấm. *Thủy Kinh Chú* ghi chép về núi Tích Thạch như thế này: “Hà Bắc núi non trùng điệp, rất đẹp, trên ngọn núi có đá dựng đứng cao mấy trăm trượng, dựng cao chót vót, đua nhau vươn cao. Phía dưới là vách đá hiểm trở, vách đá không có bậc, vách dựng đứng, có nhiều hõm đá”. Eo Tích Thạch có kết cấu trong eo có eo. Trong đó có một eo yết hầu, nước chảy theo hướng Bắc Nam dài khoảng 6 mét, là miệng eo Cáo Nhảy. Nước sông Hoàng Hà cuộn cuộn, ầm ầm như sấm động, đến gần thì không biết là đang ở nơi nào. Trên vách đá dựng đứng của eo Tích Thạch có nhiều nơi còn lưu lại dấu vết rìu búa chặt đá thời Đại Vũ trị thủy. Nổi tiếng nhất là “Phủ ngân nhai”, còn lưu lại chông chắt dấu tích những vết rìu trên vách đá màu trắng xanh.

Tiếp đó, Vũ lại đục núi Điều Thủ Đồng Huyệt, núi Khiên, núi Kỳ, núi Kinh ở thượng nguồn sông Vị Thủy, khiến cho sông ngòi ở Quan Trung đổ vào sông Vị Thủy rồi theo dòng chảy về Đông, sông Vị Thủy thông suốt

vô trở, chảy thẳng vào Hoàng Hà; sông Kinh Thủy, sông Tất Thủy, sông Thư Thủy, sông Lạc Thủy từ phía Bắc chảy vào sông Vị Thủy, sông Phong Thủy từ phía Nam chảy vào sông Vị Thủy. Tại Đồng Quan ở phía Bắc núi Hoa Sơn (Hoa Âm), Vũ điều hướng dòng sông Hoàng Hà từ phía Nam đến chảy về hướng Đông, giải quyết việc nước không tràn lan khắp nơi ở phía Nam. Dải đất bình nguyên ở vùng từ Kỳ Sơn đến sông Thiên Thủy nước đã được thoát, sông Nhược Thủy (phía Tây Bắc núi Hợp Lê) chảy về hướng Tây, ở địa khu núi Tam Ngụy đã bình ổn cho con người định cư.

Tiếp theo Vũ lại trị thủy sông Phần Thủy, khiến cho nước lũ tích ở khu vực Thái Nguyên và Hoắc Thái Sơn chảy vào sông Phần, mối nguy hại hồng thủy ở phía Bắc và phía Tây đã được triệt để giải trừ.

Như vậy, Vũ đục thông núi Tích Thạch, dẫn nước vào Hồ Khẩu, chảy qua các núi Lô Thủ – núi Trung Điều – Eo Tam Môn – núi Đế Trụ (Chỉ Trụ) – núi Tích Thành – núi Vương Ốc – núi Thái Hành – núi Hằng Sơn – núi Kiệt Thạch, khiến các sông ngòi vùng Nam Hà của sông Hoàng Hà từ Đồng Quan thông suốt chảy về Đông, qua Mạnh Tân nhập vào sông Lạc Thủy rồi đến Đại Ngũ (Vũ Thiệp Cương hoặc Thành Cao, Hà Nam), lại hướng về Đông chảy qua chỗ sông Cộng Thủy, sông Kỳ Thủy, sông Trọc Chương (sông Giáng Thủy) rồi nhập vào sông Hoàng Hà (nằm giữa Phì Hương và Chu Khúc ở Hà Bắc ngày nay), lại phân thành chín nhánh sông chảy về phía Bắc, cùng nhau nhận nước từ sông Hoàng Hà, rồi dẫn nước ra biển một cách thuận lợi. Đến đây toàn bộ thủy thổ hệ thống sông Hoàng Hà đã được bình ổn.

Sông Hoàng Hà từ khi Đại Vũ trị thủy về sau, mặc dù ở vùng hạ du có mấy lần đổi dòng, nhưng tổng quan lại, Hoàng Hà có lợi chứ không có hại, thực sự trở thành con sông mẹ của dân tộc Trung Hoa.

Chương 5: Đại Vũ trị thủy sông Trường Giang (P3)

5. Trị thủy hệ thống sông miền Nam

Hệ thống sông ngòi ở miền Nam dày đặc, với hai con sông lớn là sông Trường Giang (Đại Giang) và sông Hoài, trong đó sông Trường Giang có số nhánh sông nhiều nhất.

Theo kế hoạch, việc trị thủy ở đoạn Từ Châu gồm Từ Châu, Dương Châu và một phần Dự Châu. Từ Châu phía Đông bắt đầu từ biển lớn, phía Nam đến bờ Bắc của sông Hoài, phía Bắc đến núi Thái Sơn. Hệ thống sông ngòi gồm có sông Hoàng Hà, sông Hoài và sông Nghi; có các núi gồm Mông Sơn, Vũ Sơn. Hướng Đông trị thủy sông Tứ, sông Nghi Mông, hướng Nam trị thủy sông Hoài, từ núi Đồng Bách bắt đầu khai thông sông Hoài, chảy về phía Đông hợp với sông Tứ, sông Nghi rồi chảy về phía Đông nhập vào biển lớn. Ở núi Nghi Mông, núi Vũ Sơn đã có thể trồng trọt được.

Lấy vợ Đồ Sơn

Vũ năm 30 tuổi vẫn chưa lấy vợ, Vũ nói: “Nếu ta lấy vợ, ắt ứng với điềm lạ vậy”.

Vũ trước khi lên đường trị thủy sông Hoài thì có một con cáo trắng chín đuôi đến thăm Vũ, nói: “Nhà tôi ở nước Đồ Sơn nằm cạnh núi Đồ Sơn ở phương Nam. Quốc vương của nước Đồ Sơn đó có hai cô con gái rất xinh đẹp, tài đức vẹn toàn muốn đem gả cho Sùng Bá”. Vũ lấy lý do khác biệt giống loài để từ chối.

Cáo chín đuôi nói: “Hiện tại tôi dùng hình tượng cáo trắng chín đuôi này đến gặp ngài, là vì hôm qua ngài có nói rằng ngài lấy vợ thì nhất định có điềm lạ, nên tôi mới cho ngài một điềm lạ, cũng là mang đến cho ngài một điềm lành. Ngài muốn tôi là thân người thì có gì khó đâu?” Vừa nói xong nó lắc mình, trong nháy mắt liền hoá thành một ông già tóc trắng, tiên phong đạo cốt, khí khái phi phàm.

Đại Vũ thấy ông già phi phàm, rất có lai lịch, nghĩ: “Màu trắng là y phục của mình; chín đuôi là số dương, ứng với bậc vương giả”. Vì vậy, Đại Vũ đồng ý cuộc hôn nhân này, Vũ đến nước Đờ Sơn thành thân với hai con gái của vua nước Đờ Sơn là Nữ Kiều và Nữ Du.

Đến ngày thứ tư, Đại Vũ từ biệt Nữ Kiều và Nữ Du, rồi lên đường đi trị thủy sông Dĩnh và sông Hoài. Sử sách chép rằng: “Vũ kết hôn với con gái vua nước Đờ Sơn, vì không muốn chuyện riêng ảnh hưởng việc công, nên ông nghỉ bốn ngày từ ngày Tân đến ngày Giáp, rồi lại tiếp tục trị thủy”. Về sau đã trở thành phong tục, các thế hệ sau ở các vùng Cửu Giang, Đương Đờ và Giang Hoài thường chọn các ngày Tân, Nhâm, Quý, Giáp để thành hôn.

Hàng phục Vu Chi Kỳ

Vào thời đó, ở núi Đồng Bách sông Hoài có một con thủy quái thần thông quảng đại tên là Vu Chi Kỳ, sách *Cổ nhạc độc kinh* ghi chép: “Nó giống như một con vượn có mắt vàng kim, răng trắng như tuyết, nhanh như chớp”. Khi Đại Vũ trị thủy sông Hoài, Vu Chi Kỳ tác oai tác quái can nhiễu việc trị thủy, Vũ đã hàng phục và nhốt nó

trong giếng Hoàì, đây là câu chuyện “Vũ Vương nhất thường luồng” nổi tiếng.

Chuyện kể rằng ngàn năm sau, vào thời nhà Đường, ở Sở Châu có một ngư dân đang câu cá trên sông Hoàì, bỗng nhiên câu phải một sợi xích sắt dài vô tận. Thứ sử Lý Dương nghe được tin này bèn triệu tập dân phu đến kéo xích sắt. Khi dây sắt kéo đến cùng, thì một con khỉ xanh bất ngờ nhảy ra khiến mọi người ai cũng kinh hãi, con khỉ xanh cầm lấy xích sắt rồi nhảy lại xuống nước.

Ba lần đi qua nhà

Vũ tiếp tục trị thuỷ sông Hoàì. Bước đầu tiên là nạo vét lòng sông Hoàì, bước thứ hai là đục núi Đờ Sơn và mạn Bắc núi Kinh Sơn. Ban đầu hai ngọn núi liên kết với nhau, sau khi đục mở ra, sông Hoàì chảy qua giữa hai ngọn núi. Bước thứ ba là đục núi Giáp Thạch cho sông Hoàì chảy qua, bước thứ tư là trị thuỷ các nhánh sông.

Một ngày nọ, Đại Vũ lại theo sông Hoàì mà đi lên để kiểm tra công trình ở các nơi, đi đến chỗ đục núi Đờ Sơn và Kinh Sơn. Lúc đó, nước Đờ Sơn đã từ Giang Nam chuyển về nguyên quán. Bất ngờ nghe tin Đại Vũ đến, cả nước hân hoan chào đón. Đại Vũ chào hỏi một lượt, nhưng ông không về thăm lại nhà, mà lập tức quay lại công trường, sau đó lại theo sông Hoàì mà tiếp tục đi.

Đại Vũ lại đi về phía Tây, sau đó trị thuỷ sông Dĩnh, sông Nhữ rồi đến sông Nghi.

Đến lúc này, lũ lụt ở Từ Châu và Dự Châu gần như đã hết. Sau khi trị thuỷ, nơi đây trở thành một vùng đất màu mỡ, sản vật phong phú.

Một hôm, khi Đại Vũ trị thuỷ Dương Châu trên đường đi qua Đờ Sơn, đi ngang qua cửa nhà, nghe thấy

bên trong có tiếng khóc oa oa của trẻ nhỏ, nhưng Đại Vũ vẫn không thể vào thăm nhà.

Lại có lần, có người từ Đồ Sơn đến nói với Đại Vũ rằng: “Phu nhân nghe tin Sùng Bá (chỉ Đại Vũ) trị thủy sẽ đi ngang qua nhà, có thể gặp mặt, nên đã rất vui mừng, bà đang ôm con trai đứng trên một tảng đá lớn ngoài cửa trông mong”. Nhưng Vũ vẫn không thể bớt được thời gian về thăm vợ con. Ở đầu phía Đông Đồ Sơn có một hòn Vọng Phu, đó chính là tảng đá mà Nữ Kiều đã đứng ngóng trông Đại Vũ trở về. Đây là câu chuyện cảm động lòng người, Đại Vũ ba lần qua nhà nhưng không vào nhà.

Mở thông đường Hoàn Viên

Ở Dục Châu, giữa núi Thái Thất và núi Thiếu Thất có một con đường hẹp gọi là Hoàn Viên. Nếu mở thông được con đường này thì không những có thể xả lũ, mà sau khi xả lũ xong còn có thể trở thành một đường đi thuận tiện từ kinh đô đến Tung Sơn. Vì thế, Vũ quyết định mở thông con đường hẹp này.

Khi đục con đường này, đá ở đây rất cứng, rất khó đục. Đại Vũ nói: “Để ta đục!” Ông cầm rìu Khai Sơn trong tay, lại lấy theo một chiếc trống rồi dặn dò mọi người: “Khi ta đục núi, mọi người không được lên núi quấy rầy. Khi nào làm xong, ta sẽ đánh trống, nghe thấy tiếng trống thì có thể lên núi”.

Đại Vũ nói xong, chuẩn bị đi lên núi thì nhận được tin hai vị phu nhân từ Đồ Sơn đến. Đại Vũ ngạc nhiên: “Tại sao sớm không đến, muộn không đến, mà vừa lúc ta sắp lên núi lại cùng nhau đến công trường?” Lúc đó Nữ Du đang mang thai sắp đến tháng thứ 10. Hai vị phu

nhân đến, nhưng Đại Vũ không có thời gian nấn ná, liên tục vẫy tay với hai vị phu nhân, nói: “Không còn thời gian nữa, không còn thời gian nữa, giờ ta phải lên núi, các nàng ở dưới núi đợi ta, xong việc ta sẽ trở lại”.

Hai vị phu nhân hỏi: “Khi nào thì hoàn thành?”

Đại Vũ chỉ vào chiếc trống trong tay và nói: “Khi nghe tiếng trống của ta vang lên, thì là xong việc rồi”. Sau đó, ông mang trống và rìu Khai Sơn nhanh chóng lên núi.

Hai vị phu nhân đành đợi ở dưới núi. Gần tới giữa trưa, thì nghe thấy có tiếng trống từ trên núi, hai phu nhân liền nói: “Công trình đã xong, chúng ta lên núi gặp chàng nhé”. Nói xong, Nữ Kiều dìu Nữ Du lên núi. Không ngờ, lên đến núi thì không thấy Vũ đâu, mà chỉ thấy ở đó một con rồng vàng đang cầm rìu Khai Sơn toàn tâm toàn ý tạc núi. Đằng sau có một cái trống, thỉnh thoảng đuôi của nó đập vào trống phát ra tiếng động thùng thùng. Nữ Kiều nhìn thấy đã kéo Nữ Du chạy xuống núi.

Vũ biết rằng hình dạng thật đã bị họ phát hiện, liền khôi phục lại hình người, rồi vội vã xuống núi để giải thích cho hai vị phu nhân. Nào ngờ Nữ Du đã biến thành một tảng đá lớn bên đường, Vũ nói với hóa thạch: “Nàng không muốn gặp ta nên biến thành hòn đá, nhưng con của ta thì phải trả nó lại cho ta”. Nói chưa dứt lời, đột nhiên nghe thấy một âm thanh, tảng hóa thạch đó đột nhiên nứt ra, rồi một bé trai từ trong chui ra. Vì cậu bé do hòn đá sinh ra nên Vũ đặt cho tên là Khải.

Có tư liệu viết rằng Vũ hóa thành gấu vàng (黃熊), như đã đề cập trước đó, trên thực tế Vũ ở đây hoá thành không phải là gấu vàng, là hoàng năng (黃能), là chũ năng (熊) dưới có ba chấm, âm đọc là Long, nói một

cách chính xác là Hoàng Long. Khi đục Long Môn, cũng có thuyết rằng Vũ biến thành Hoàng Long (rồng vàng).

Đường Hoàn Viên đã được khai thông, lộ trình từ sông Lạc đến Tung Sơn được rút ngắn rất nhiều, về sau trở thành đại lộ Bắc Nam.

Trị thủy Dương Châu và Kinh Châu

Dương Châu nằm về phía Nam của sông Hoài, trải rộng về phía Nam đến biển lớn. Đây là vùng đất trũng ẩm ướt. Hồ Hồng Trạch, hồ Cao Bưu, Thái Hồ (Chấn Trạch), hồ Bành Lễ và vịnh Hàng Châu thảy đều thuộc Dương Châu. Nơi đây có sông Tùng, sông Tiền Đường, sông Phổ Dương, v.v ... Vũ dẫn hệ thống sông này vào biển Hoàng Hải, khiến cho khu vực Chấn Trạch cũng được ổn định.

Tiếp theo, Vũ trị thủy Kinh Châu. Từ núi Kinh ở Hồ Bắc đến mạn Nam núi Hành Sơn ở Hồ Nam đều thuộc về Kinh Châu, hệ thống sông ngòi ở đây dày đặc. Vũ từ hồ Bành Lễ trị thủy về phía Tây đến hồ Động Đình và trị thủy các nhánh sông của nó, gồm chín sông: Nguyên(沅), Tiêm, Nguyên(沅), Thần, Tụ, Đậu, Lễ, Tư, Tương để chúng đổ vào hồ Động Đình. Ở phía Bắc sông Trường Giang, đầu tiên Vũ dẫn dòng qua núi Kinh Sơn để lưu thông sông Thư Thủy và sông Chương Thủy; đi qua giữa Chung Tường và Kinh Môn để dẫn vào Phương Sơn, khơi thông sông Tiềm Thủy và sông Hán Thủy, dẫn sông Hán Thủy chảy vào sông Trường Giang; lại dẫn dòng từ núi Đồng Bách đến núi Bồi Vỹ thuộc An Lục ở hạ du sông Vĩ, trị thủy đầm Vân Bạch; dẫn từ núi Kê Công đến núi Đại Biệt, khơi thông sông Hoàn Thủy, sông Nhiếp, sông Cử Thủy, sông Ba Thủy, sông Hy Thủy.

Rất nhiều nhánh sông phụ của sông Trường Giang phần lớn đã có kênh sông dẫn nước cố định. Đầm Vân Trạch và đầm Mộng Trạch cũng đã được trị thủy xong, đất đai ở đây đã có thể canh tác được.

Sau khi trị thủy Kinh Châu, Vũ lại lên phía Bắc đến Dự Châu để trị thủy ở trung du sông Hán Thủy. Ở phía Bắc núi Đổng Bách trị thủy núi Ngoại Phương và núi Hùng Nhĩ, giữa hai ngọn núi này là sông Y Thủy và sông Lạc Thủy. Từ núi Hùng Nhĩ, bắt đầu dẫn nước sông Lạc Thủy chảy về phía Đông Bắc rồi đổ vào sông Động Thủy, sau đó chảy về phía Đông đến Yến Sư hợp với sông Y Thủy, rồi tiếp tục chảy về phía Đông qua Cung Nghĩa và nhập vào Hoàng Hà.

Vũ xẻ Tam Hiệp

Tiếp theo, Vũ trị thủy Lương Châu. Lương Châu phía Đông tiếp giáp với Kinh Châu, phía Tây Bắc tiếp giáp với Ung Châu, bao trọn vùng đất ngày nay là toàn bộ tỉnh Tứ Xuyên, phần phía Tây Hồ Bắc và Thiểm Tây, phần phía Nam Cam Túc, có diện tích khoảng 1,48 triệu km². Lương Châu nằm ở thượng nguồn sông Trường Giang, sông ngòi dày đặc, tứ bề có núi non bao bọc, đường thủy không thông suốt nên nước bị tắc nghẽn lại ở đây. Ở Lương Châu chủ yếu là trị thủy sông Mẫn Giang, sông Hắc Thủy, nạo vét sông Đà và khai thông Tam Hiệp.

Đại Vũ đục thông hẻm núi Hoàng Ngự và hẻm núi Ba Sơn, dẫn nước từ sông Mẫn nhập vào sông Trường Giang. Lượng nước của sông Mẫn rất lớn, để giảm bớt thể nước của sông Mẫn, Đại Vũ đã đào một kênh sông ở phía Đông của sông Mẫn, gọi là sông Đà. Như thế nước

sông Mẫn sẽ được dẫn vào sông Trường Giang một cách thuận lợi.



*Vu Hiệp, một eo núi ở Tam Hiệp trên sông Trường Giang
(Wikipedia)*

Việc đục thông Tam Hiệp là công trình quan trọng trong việc trị thủy Lương Châu. Tam Hiệp của dãy núi Vu Sơn kéo dài 700 dặm, núi kề núi, đỉnh san sát, đá núi cứng một cách dị thường. Đại Vũ thỉnh cầu phu nhân Vân Hoa giúp đỡ, phu nhân Vân Hoa thi triển thần thông, dùng sấm sét đánh. Những tảng đá cứng dần trở nên rời lỏng, mọi người rất nhanh chóng đã khai thông

Tam Hiệp ở dãy núi Vu Sơn, nước lũ từ Ba Thục ào ào chảy ra, cuối cùng chảy vào biển lớn.

Trước khi Đại Vũ trị thủy, dòng chảy chính của sông Trường Giang không chảy qua Tam Hiệp như hiện nay, mà chảy qua sông Sầm Thủy ở Nam Giang cổ đại. Nhà địa lý học Hồ Vị thời nhà Thanh giới thiệu trong *Vũ Cổng Thủy Chỉ* rằng: Trước khi Đại Vũ trị thủy đục thông Tam Hiệp, sông Di Thủy đầu ra từ sông huyện Ngự Phục, Tứ Xuyên, từ Phùng Tiết chảy qua sông Nghi Đô Giang nhập vào sông Trường Giang. Đây là dòng chảy chính của sông Trường Giang thời cổ đại. *Thủy Kính Chú Sớ* ghi chép: “Sông Giang lại đi suốt phía Nam sông Đoạn Giang của vua Vũ. Ở phía Bắc hẻm có thôn Thất Cốc. Ở khoảng giữa hai dãy núi có nước trong sâu, tụ lại thành đầm mà không chảy đi. Các bậc kỳ cựu truyền lại rằng: xưa là con sông nhỏ, gặp khi vua Vũ đi trị thủy, không đủ để tiêu nước, vua Vũ bèn mở cửa hẻm ngày nay, thế nước dồn vào đây, con sông ấy bèn bị đứt, nay người ta gọi sông ấy là Đoạn Giang”. Chính là nói Vũ Đoạn Giang khi xưa là nhánh chính của sông Trường Giang. Khi Đại Vũ trị thủy, sông Nam Giang quá hẹp không đáp ứng nhu cầu thoát nước, nên Đại Vũ đã mở dòng chảy hiện tại. Vì vậy, dòng sông trước đây có tên là Nam Giang đã ngừng chảy và được gọi là Vũ Đoạn Giang, tức là Đoạn Giang Hiệp hay Đoạn Giang Sơn được nhắc đến trong *Đông Hồ Huyền Chí*.

Đại Vũ đục Vu Sơn dẫn nước sông Giang chảy về hướng Đông, sau lại khiến sông Trường Giang chảy về Đông qua Ngũ Hồ (là năm hồ lớn gồm hồ Động Đình, hồ Bà Dương, Thái Hồ, hồ Hồng Trạch và hồ Sào ở trung du và hạ du sông Trường Giang), nước ở Tam Hiệp từ đây

được khơi thông. Dòng chảy chính của Trường Giang chuyển sang dòng chảy như hiện nay.

Điều khiến các nhà địa chất quan tâm là sông Trường Giang ở đoạn qua Tây Lăng Hiệp đã cắt vào đúng trục lồi của nếp lồi Hoàng Lăng, nói cách khác, trước khi hình thành dòng chảy ở Tam Hiệp, ở đây có lẽ đã có những ngọn núi nhô cao chặn dòng nước chảy về phía Đông.

Truyền thuyết kể rằng, khi Đại Vũ trị thủy, đến đoạn xẻ Tam Hiệp có Thần Ngưu trợ giúp. Lúc đó Tam Hiệp không phải là dòng sông, mà chỉ có con sông nhỏ hiện nay gọi là Đoạn Giang ở phía Nam, không đủ để xả lũ nên Vũ đục xẻ Tam Hiệp. Nữ thần Vu Sơn đã mời Thổ Tinh giúp đỡ, Thổ Tinh biến thành một con bò lớn (Hoàng Ngưu) giúp Vũ mở Tam Hiệp. Để tưởng nhớ công của Hoàng Ngưu giúp Đại Vũ khai Tam Hiệp, người thời đó đã lập miếu Hoàng Ngưu ở dưới vách núi Hoàng Ngưu. Vào thời Tam Quốc, Thừa tướng nước Thục là Gia Cát Lượng đã cho trùng tu miếu Hoàng Ngưu và dựng bia đá. Trên bia có khắc dòng chữ “Hoàng Ngưu Miếu Ký”. Vào thời Bắc Tống, khi Âu Dương Tu nhậm chức huyện lệnh huyện Di Lăng, ông đổi tên “miếu Hoàng Ngưu” thành “miếu Hoàng Lăng”.

Tiếp sau đó, Đại Vũ trị lý nước đọng ở các hồ đầm lớn và các vùng trũng thấp, Thần núi Hành Sơn kiến nghị Đại Vũ cầu cúng Thiên đế ban cho tức thổ, vậy nên Đại Vũ bái cầu Thượng Đế ban cho tức thổ để xử lý nước tù đọng ở các vùng này. Đồng thời, đào thêm một số hồ men theo dòng Trường Giang để điều tiết nước sông Trường Giang, khi nước lên cao có thể xả và trữ nước để dùng cho tưới tiêu vào mùa nước cạn.

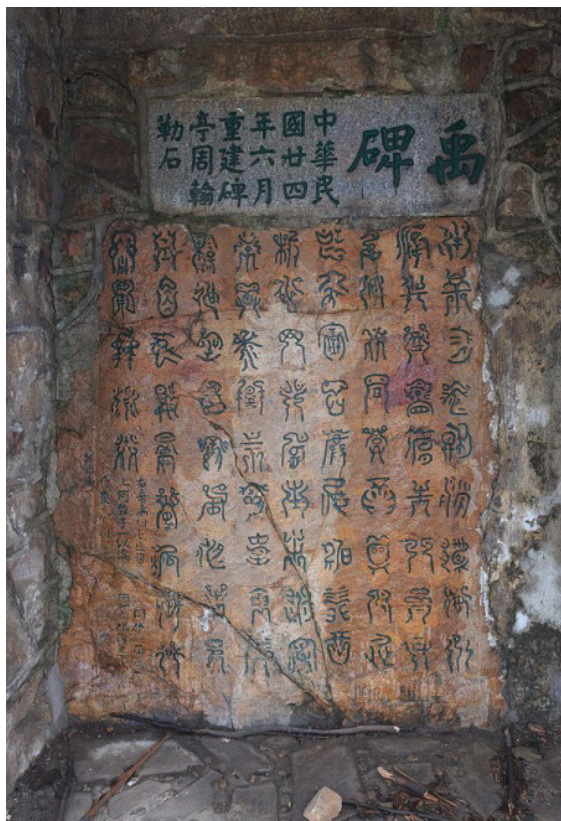
Những hồ nước dọc sông Trường Giang này khiến cho vùng trung du và hạ du sông Trường Giang hiếm khi bị chuyển dòng và xảy ra lũ lớn.

Lập bia trên đỉnh núi Cầu Lũ

Một ngày nọ, Vũ đi đến qua Hành Sơn, trèo lên đỉnh núi cao nhất, chuẩn bị một con vật để cúng tế, cung kính dâng lễ. Lúc này bảy tám công trình trong số mười công trình trị thủy đã được hoàn thành, ngày trị thủy thành công đã sắp tới. Ông quyết định khắc đá lập bia để kỷ niệm. Sau khi xem xét các nơi, cuối cùng ông chọn đặt

tám bia trên đỉnh núi Cầu Lũ. Trước đây, nó được gọi là “bia Cầu Lũ”, cũng được gọi là bia Vũ Vương.

Đỉnh núi Cầu Lũ là một trong 72 đỉnh của núi Hành Sơn, bia Cầu Lũ được lập trên một tảng đá tự nhiên, tương truyền rằng nơi dựng bia chính là vị trí mực nước lúc bấy giờ. Bia cao bảy thước, rộng năm thước, dày một thước, trên bia khắc bảy mươi bảy chữ, giống như con nòng nọc, lại giống



như chữ điều triện. Đây được xem là bia đá cổ nhất ở Trung Quốc.

Ở nơi này, Đại Vũ nhận được thẻ vàng ngọc điệp do Luy Tổ để lại, hình dạng giống với thẻ ngọc mà Hoàng Đế cất giữ ở núi Uyển Uy. Sau khi trị thủy thành công, chúng vẫn được lưu trữ ở đây. Sách *Tương Trung Ký* ghi chép: “Núi Cửu Lũ có ngọc điệp, Vũ chiếu theo những gì viết ở trên đó để trị thủy”. *Ngô Việt Xuân Thu* ghi chép: “Vũ leo lên Hành Sơn, sứ giả của Mộng Thương Thủy đưa tới một cuốn sách thẻ vàng chữ ngọc, Vũ đắc được điều cốt yếu của việc trị thủy, và khắc lên chỗ cao của núi đá”.

Học giả hiện đại, tiên sinh Mã Hạ Sơn, sau hơn 20 năm miệt mài nghiên cứu về các ký tự thời nhà Hạ, đã giải mã được các chữ của bia Cửu Lũ như sau:

“Thừa để trủng nhiên, dục phụ ung vệ. Tai hàng thí phát, tự hoàn vãng hành. Tam hà phi dũng. Bắc quá ký nhi điện, tự nhược vong điều. Túc nhạc lộc đình, sưởng dật dậu kỳ, thủy lư phát trường, vãng cầu vĩnh định. Hoa nhạc thái hành. Sùng sở sự bầu, lao dư Thần nhân, sưởng mạn cát tử. Nam độc diễn xương, y tắc thực bị, vạn bang giai ninh, cương vô dạng mãng”.

Giải thích “Cửu Lũ bia”:

“Thụ lệnh của Hoàng đế ban cho quyền trợ giúp Thuấn để trị lý sông Ung và sông Vệ. Lũ lụt ập đến, ta lập lời thề rồi lên đường, vất vả bên ba giữa sông Hằng và sông Tự. Ba con sông gây hồng thủy tràn lan, từ phía Bắc – Ký Châu tế tự tỏ lòng thành kính với tổ tiên và Thần linh, mãi miết trị thủy mà quên mất quê hương đất tổ. Ngoài lúc trị thủy cũng thường trú ở đình viện trên núi cao, dùng rượu cúng bái thiên địa, cầu nước

sông tiêu thoát đùng tràn ngập khắp nơi, nước đến bậc thềm thì không dâng lên nữa, mong lũ lụt được bình ổn. Từ núi Hoa Nhạ đến núi Hằng Sơn rồi đến núi Thái Sơn, Hành Sơn, lòng thành kính tôn sùng nghe những người tài trí chỉ bảo việc khai thông nước sông, từ đó lũ lụt giảm bớt, ngoài việc trị thủy thì lúc bình thường có dư thời gian cũng dành để hương khói thờ phụng Thần linh, dùng rượu thơm để thiết đãi dâng lên các vị Thần. Thần linh tỏ rõ: chuyển dời đại cát. Kênh mương ở phía Nam đã thông thuận, cây cối phong phú, ăn no mặc ấm, vạn bang an định, từ biên cương đến Trung Nguyên sẽ không còn lũ lụt”.

“Cầu Lũ bia” đã ghi lại rằng Đại Vũ được lệnh của Đế Thuấn xuất phát từ Ký Châu bốn ba bốn phương, theo núi đốn cây để dẫn nước vào sông Hoàng Hà, ba lần đi qua nhà mà không vào. Sau 13 năm nỗ lực, nước lũ cuối cùng đã được trị dứt. Nội dung của bia Cầu Lũ về đại thể là giống với những ghi chép trong chương “Vũ Cống” của *Kinh Thư*, và rất phù hợp với nội dung ghi chép về Đại Vũ trị thủy trong chương “Hạ Bản kỷ” của *Sử Ký*.

Năm Hán Vũ Đế thứ hai (127 TCN), Vũ Đế đã xây dựng điện Vũ Vương ở trên đỉnh Cầu Lũ, được hậu thế truyền đời tu bổ. Vào năm Đồng Trị thứ chín thời nhà Thanh (1878), điện Vũ Vương được trùng tu thành miếu, có diện tích hơn 1.000 mét vuông.

Chữ khắc trên bia Cầu Lũ đề cập đến việc cúng tế Thần linh và Trời Đất. Đại Vũ đến nơi nào trị thủy đều phải cúng tế Sơn Thần, khi cúng tế các vị Sơn Thần khác nhau thì cũng dùng những tế phẩm khác nhau, điều này được trình bày chi tiết trong *Sơn Hải Kinh*.

Dựng trụ sắt ở sông Hắc Thủy

Tiếp theo là đến trị thủy sông Hắc Thủy. Sông Hắc Thủy là nhánh sông lớn nhất ở thượng du sông Mân Giang, lượng nước rất lớn, dưới nước có nhiều giao long, thể nước hung dữ. Vốn là ở dưới đáy nước có một huyết đạo rất lớn dẫn thẳng ra Nam Hải, giao long và nhiều loài động vật lớn khác thường qua đó ra vào sông Hắc Thủy. Hơn nữa, mỗi khi thủy triều ở Nam Hải lên xuống cũng tương thông với sông Hắc Thủy, khiến tình trạng lũ lụt trên sông Hắc Thủy càng thêm trầm trọng. Đại Vũ ra lệnh cho người dân trục xuất giao long và những quái vật khác để chúng theo huyết đạo đó về Nam Hải, biết đặc tính của giao long sợ sắt, nên ông đã dùng hàng trăm vạn cân sắt đúc thành một cột sắt lớn đặt ở chỗ huyết đạo dưới đáy sông Hắc Thủy để chặn đường giao long và những con vật khác. Sau khi trụ sắt được đặt xuống, sông Hắc Thủy đã yên ắng.

Sau khi toàn vùng Lương Châu được trị thủy, núi Vấn (Mân) và núi Ba Trùng đều đã có thể trồng trọt được, các con đường trên Thái Sơn và Mông Sơn đã được sửa chữa.

Lúc này, việc trị thủy về cơ bản đã hoàn tất, các sông đều đã được dẫn ra biển.

Vũ lại tuần xét tình huống thủy thổ ở các nước hải ngoại, ở đó ông đã gặp nhiều trải nghiệm kỳ lạ, đã ra tay trừ một số quái thú hại người, ở phương Bắc trừ Nữ Bạt. Đến đây, việc trị lý thủy thổ ở cả trong và ngoài nước đã hoàn tất. Bá Ích đã đem địa lý núi sông, thảo mộc, chim muông và dã thú, những phong tục kỳ lạ cùng những giai thoại mà ông mắt thấy tai nghe khi đi theo

Đại Vũ trị thủy ghi chép lại, đồng thời vẽ thành tranh, trở thành tư liệu trọng yếu cho tác phẩm *Sơn Hải Kinh*.

Theo *Sở Bạch Thư* ghi chép: “Ngu Ly (Vũ và Tiết) trị sửa đại địa, “dĩ ti đồ nhưỡng” quy hoạch cửu châu, sửa trị ổn thỏa hiện tượng hỗn loạn “núi gò không khơi thông” của đại địa. Sau đó khiến núi sông tứ hải, điều hòa trăm khí, để khai thông dòng chảy, khai mở núi gò, lấp đất những nơi đọng nước”. Đó là nói Đại Vũ dùng khí âm dương của núi sông tứ hải để mở núi dẫn nước, giữa hồng thủy mang mang, đắp bịt san đất, sáng tạo ra đại địa có trật tự có thể sinh sống.

Lũ lụt bình ổn, vạn dân trong thiên hạ thấy đều có được đất đai để an cư lạc nghiệp.

Thi Kinh ca ngợi: “Hồng thủy mang mang, Vũ phô hạ thổ phương” (Hồng thủy mênh mông, Vũ trị sửa thủy thổ tứ phương).

Tả truyện nói: “Mỹ tai Vũ công! Minh Đức viễn hí. Vi Vũ, ngô kỳ ngư hồ!” (Công lao của Vũ tốt đẹp thay! Đức sáng tỏa khắp nơi xa xôi. Nếu không có Vũ thì ta đã là cá rồi).

Sử ký cũng nói: “Đại Vũ bình hoạt thủy thổ, công tề thiên địa”. (Đại Vũ bình ổn thủy thổ, công sánh ngang Trời Đất)

Vũ có công trị thủy, được phong cho đất Hà Nam, quốc hiệu Hạ, được ban họ Tụ thị.

Trị thủy thành công, Vũ cáo lên Đế Nghiêu và Đế Thuấn rằng: “Thiên hạ danh sơn, kinh ngũ thiên tam bách thất thập sơn, lục vạn tứ thiên ngũ thập lục lý, cư địa dã. Ngôn kỳ ngũ tạng, cái kỳ dư tiểu sơn thậm chúng, bất túc ký vân. Đại địa chi Đông Tây nhị vạn bát thiên lý, Nam Bắc nhị vạn lục thiên lý, xuất thủy chi sơn giả bát

thiên lý, thụ thủy giả bát thiên lý, xuất đồng chi sơn tứ bách lục thập thất, xuất thiết chi sơn tam thiên lục bách cửu thập. Thử thiên địa chi sở phân nhượng thụ cốc dã, qua mâu chi sở phát dã, đao sát chi sở khởi dã, năng giả hữu dư, chuyết giả bất túc”.

Dịch: Đại Vũ tấu: “Danh sơn khắp thiên hạ có tổng cộng 5.370, đất ở được có khoảng 64.056 dặm (khoảng 32.028 km). Những danh sơn này được phân bố ở năm vùng núi ở phía Đông, Tây, Nam, Bắc và trung tâm. Bởi vậy, điều tra ghi chép chính lý lại, đặt tên là “Ngũ tạng sơn kinh”. Ngoài ra, khắp thiên hạ còn có rất nhiều ngọn núi lớn nhỏ khác nhau, không ghi chép chi tiết. Có 5.370 danh sơn khắp thiên hạ. Tuy nhiên, chỉ có 447 ngọn núi được ghi lại trong “Ngũ tạng sơn kinh”. Nhiều ngọn núi đã được điều tra, nhưng chúng không được ghi lại trong 26 cuốn kinh về núi”.

Đại địa (đại lục địa nối liền ba châu lục: châu Á, châu Phi và châu Âu) chạy từ Đông sang Tây là khoảng 14.000 km đường chim bay (tính từ núi Vô Cao ở điểm cực Đông – ngày nay là dãy núi Ou cao 1.200 mét so với mực nước biển ở phía Đông Nam thành phố Morioka, Nhật Bản, đến điểm cực Tây – ngày nay là cao nguyên Adrar Plateau cao 600 mét so với mực nước biển ở Mauritania thuộc khu vực phía Tây châu Phi, khoảng cách chim bay là khoảng 14.000 km); từ Nam đến Bắc, khoảng cách chim bay là 26.000 dặm (từ điểm cực Nam – nay là dãy núi Drakensberg cao 3000 mét so với mực nước biển ở miền Nam Nam Phi, đến núi Vô Phùng ở điểm cực Bắc – nay là dãy núi Belanga, cao hơn 200 mét so với mực nước biển ở miền Bắc nước Nga, khoảng cách chim bay khoảng 13.000 km). Núi có sông suối

chảy ra, khoảng cách chim bay là 8.000 dặm (khoảng 4.000 km), địa phương có sông chảy qua, khoảng cách chim bay 8.000 dặm (khoảng 4.000 km); núi có mỏ đồng có tổng cộng 467 núi, núi có mỏ sắt có tổng cộng 3.690 núi.

Đây là cơ sở cho việc trồng trọt canh tác, kiến lập quốc gia, phân chia lãnh thổ; cũng là nguyên nhân sinh ra “can qua” (vì tranh chấp lợi ích dẫn đến chiến tranh) và là căn nguyên “đao sát” (phát động chiến tranh). Do sự phân bố tài nguyên thiên nhiên và của cải vật chất không đồng đều, khiến bách tính trong thiên hạ phân hoá giàu nghèo. Vì vậy, người có tài cán luôn giàu có dư giả, người vụng dại thì nghèo nàn thiếu thốn.

Qua đoạn văn tự này có thể thấy, trước trận đại hồng thủy, khắp thiên hạ có nhiều quốc gia và mật độ dân số rất cao. Vì đất canh tác có hạn, mỗi quốc gia đều vì lợi ích của mình mà phát động chiến tranh xâm lược để cướp đoạt lãnh thổ và tài nguyên của nước khác.

Vũ “sống ở ngoài mười ba năm”, “ba lần đi qua nhà mà không vào”, làm việc vất vả, tay cầm công cụ, xung phong đi đầu, dãi gió dầm mưa, người trông tiêu tụy, bắp đùi không còn bao nhiêu thịt, lông trên bắp chân đều sạch bóng. Bởi vì quanh năm suốt tháng ngâm mình trong nước, móng chân đều tróc ra hết. Đế Nghiêu rất cảm động, ban cho ông một cây đàn cầm khảm ngọc dao và một thanh bảo kiếm.

Đại Vũ trị thủy, “đục mở chín núi, thông thoát chín hồ, khơi tháo chín sông, định ra chín châu”, về diện tích rộng lớn và mức độ to lớn công trình là trước nay chưa từng có. Phía Tây từ sông Hắc Thủy đến cửa sông Trường Giang ở phía Đông; phía Bắc từ Hà Bắc và Sơn

Đông, phía Nam đến trung và hạ du sông Trường Giang, gần như bao hàm đại bộ phận lãnh thổ Trung Quốc. Từ sông Hắc Thủy đến cửa sông Trường Giang với khoảng cách đường chim bay là 2.600 km, mà ông chỉ đi bộ vên vện trong một tuần. Nếu không có sự trợ giúp của Thần linh thì đây là điều không thể vào thời điểm đó, chưa nói đến sự can nhiễu của nhiều loại yêu ma quái thú. Trong khi trị thủy được sự trợ giúp của chúng Thần, ông quả là Thánh Thiên Tử được bách linh trợ giúp. Trải qua mười ba năm nỗ lực, khiến “nước lớn đổ về Đông” nhập vào biển lớn, sự hùng vĩ của công trình đã chấn động cổ kim.

Thảm họa do trận đại hồng thủy mang đến cho nhân loại là khủng khiếp, nhưng cũng là để làm nền cho ba vị Thánh quân Nghiêu, Thuấn, Vũ khai sáng kỷ nguyên mới, đem liên minh lỏng lẻo của một vạn nước san sát nhau nhưng mạnh ai nấy làm, kiến lập thành một thiên hạ thống nhất vạn quốc, vạn bang, khai sáng tân vũ, tạo ra một bước chuyển để rồi cuối cùng xác lập một thiên hạ thống nhất với tên gọi Cửu Châu.

Khắp chốn mừng vui

Sau khi trị thủy thành công, Đại Vũ dự định đích thân đến Côn Luân để tế cáo lên Thiên đế, bái tạ Tây Vương Mẫu. Lúc này, Tây Vương Mẫu phái sứ giả tới đón tiếp Đại Vũ. Ở núi Côn Luân, Tây Vương Mẫu phụng lệnh Thiên đế mở tiệc tiếp đãi Đại Vũ cùng chúng Thần, Đại Vũ trị thủy đã nhiều lần được chúng Thần tham gia hiệp trợ, vì vậy lần này có thể nói là quần Tiên đại hội tụ, cộng đồng chúc mừng trị thủy thành công. Tây Vương Mẫu nói, trị thủy đại thành công, là ý chỉ của

Thiên đế, bản thân cũng là phụng theo ý chỉ của Thiên đế mà làm, là dựa vào uy lực vĩ đại của Thiên đế. Từ đó về sau, trời trong, đất hòa, vũ trụ trên dưới, cùng hưởng phúc thái bình.

Vì để ca ngợi công lao trị thủy của Đại Vũ, Nghiêu Đế đã truyền cho Thuấn tặng Vũ một miếng ngọc khuê màu đen tượng trưng cho màu của nước, để tuyên bố với thiên hạ việc trị thủy thành công. *Thượng thư – Vũ Cống* viết: “Vũ được ban ngọc khuê nguyên, tuyên cáo thành công”, *Sớ* viết: “Công lao trị thủy, đem lại lợi ích khắp bốn biển đều là công của Vũ. Nguyên là màu của trời, trời gọi là nguyên, do đó ngọc khuê sắc nguyên là để tỏ rõ công lao của Vũ. Thiên hạ từ đó thái bình, yên định”.

“Thần Châu” không chỉ là tên gọi của một vùng đất, mà tên gọi đó còn có những yếu tố nội tại của nó, có nội hàm sâu dày về hệ thống tư tưởng, văn hóa, đạo đức khác hẳn với những nơi khác. Nơi đây được mệnh danh là quê hương của các vị Thần, do các vị Thần tạo ra cho con người. Nơi đây có nền văn hóa Thần truyền; có quy phạm đạo đức, hành vi Thần đặt định cho con người. “Trung Quốc” là trung tâm của thế giới, cũng là thể hiện sự an bài của Thần.

Chương 6: Thuấn kế vị nhất thống thiên hạ

Thuấn được tiến cử nắm chính sự trong 20 năm, Đế Nghiêu để ông thay nắm quyền Thiên tử lo chuyện chính sự, nhiếp chính trong tám năm.

Sau khi Đế Nghiêu băng hà, Thuấn thủ tang trong ba năm. Thuấn nhường vị cho con trai Đế Nghiêu là Đan Chu, rồi bèn lánh về phía Nam vùng Nam Hà. Nhưng các chư hầu trong thiên hạ đều đến chào Thuấn, khi có việc họ tìm đến Thuấn chứ không gặp Đan Chu. Thuấn cảm thấy đó là ý Trời, vậy nên vào ngày mồng một tháng Giêng, Thuấn làm lễ tế ở Văn Miếu lên ngôi Thiên tử, đóng đô ở Bồ Phán, quốc hiệu Hữu Ngu, sùng chuộng màu đỏ.

Theo *Trúc thư kỷ niên*: “Khi Thuấn kế vị, cỏ mình giáp mọc lên ở bên thềm, phượng hoàng làm tổ ở giữa sân, gõ vào khánh đá mà ca khúc Cửu Thiệu, trăm loài thú theo nhau nhảy múa, Sao Cảnh xuất hiện ở chỗ Sao Phòng, mặt đất xuất hiện con ngựa Thừa Hoàng”, thiên hạ thái bình, xuất hiện mây lành Khanh Vân.

Khi Đế Thuấn mới bắt đầu kế vị, Sao Cảnh xuất hiện ở chỗ Sao Phòng. Chòm Sao Phòng là chòm thứ tư trong Thanh Long thất tú ở phương Đông. Sao Cảnh là ngôi sao báo điềm lành, hiển thị để vương thụ Thiên mệnh, quân vương có Đạo, không có tư tâm.

1. Tây Vương Mẫu đến châu

Theo *Đế Vương thế kỷ*, khi Thuấn Đế đăng cơ, Tây Vương Mẫu đã đến chúc mừng, “Tây Vương Mẫu



Người nhà Thanh vẽ chân dung Đế Thuấn.

ngưỡng mộ đức của Thuấn, đến tặng vòng ngọc trắng và ngọc quyết, và tặng bản đồ đất Ích”.

Theo *Trúc thư kỷ niên*: “Năm thứ chín, Tây Vương Mẫu đến châu”, “dâng vòng ngọc trắng, ngọc quyết”.

Trước khi rời đi, Tây Vương Mẫu nói với vua Thuấn rằng, chúng ta sau này còn gặp lại.

2. Định ra phương án nhất thống

Sau khi lên ngôi, vua Thuấn bổ nhiệm người tài, hoàn thiện chế độ quản lý. Bổ nhiệm Vũ làm chức Tư

không, phụ trách bá quan; Tiết làm Tư đồ, quản lý giáo hoá, Hậu Tắc chủ quản nông nghiệp, Cao Dao quản lý tư pháp.

Lũ lụt bình ổn, Cửu Châu liên thông, đến đây đã cần phải bàn đến việc nhất thống thiên hạ. Thuấn tiếp tục hoàn thiện ngũ hình, phổ biến giáo hoá đạo đức và ngũ điển, khôi phục ngũ tín (tước Công cầm ấn ngọc hoàn khuê, tước Hầu cầm ấn ngọc thư khuê, tước Bá cầm ấn ngọc cung khuê, tước Tử cầm ấn ngọc cốc bích, tước Nam cầm ấn ngọc bồ bích), chế định lễ tiết quân thần, còn chế định sáu đại cương thống nhất thiên hạ, thống nhất lịch pháp và tứ thời tương ứng, thống nhất âm luật và đo lường.

3. Dùng đức giáo hóa tộc Hữu Miêu

Thời gian thắm thoát, Thuấn đã ngoài 80 tuổi, ngoài việc chính sự bận rộn, ông còn chuyên cần tu Đạo, có chí tu thành Tiên. Nhưng vẫn còn hai việc chưa giải quyết.

Việc đầu tiên là truyền ngôi cho Vũ.

Việc thứ hai là nước Tam Miêu vẫn chưa an định. Trước đó, cuộc nổi loạn của Tam Miêu vào thời vua Nghiêu đã được dẹp yên, nhưng hiện nay Tam Miêu đã quay lại thực hiện chính sách ngu dân, tàn bạo với dân, chống lại triều đình. Để Thuấn không muốn đem một thiên hạ bất ổn như vậy trao lại cho Vũ, ông dự định bình trị thiên hạ rồi mới giao lại cho Vũ.

Trước sự nổi loạn của tộc Hữu Miêu, Vũ chuẩn bị thảo phạt họ, Đế Thuấn nói: “Người ở trên đức đã chẳng dày, mà lại dùng đến vũ lực thì không phải đạo”. Bèn sửa sang giáo hóa ba năm, cầm khiên và búa mà múa,

người Hữu Miêu liền đến quy phục. Hóa giải được mối nguy Tam Miêu ở đất Tam Ngụy.

4. Nhường ngôi cho Đại Vũ

Sau khi hàng phục Tam Miêu, việc quan trọng là nhường ngôi cho Đại Vũ.

Một hôm, Đế Thuấn thấy năm cụ già đi đi lại lại gần cửa thành, chỉ thấy họ mày râu trắng muốt, mũ áo đẹp khác thường. Đế Thuấn nhớ tới: “Lần trước cùng Đế Nghiêu ở núi Thú Sơn, có năm ông lão du ngoạn bên sông nói với chúng ta rằng Hà đồ sẽ đến, rồi bỗng nhiên biến thành Sao Băng bay lên cao, chẳng phải là họ sao? Giờ họ lại tới nhân gian dạo chơi. Ta không thể bỏ lỡ việc gặp mặt họ”. Rồi ông đi về phía họ cung kính nói: “Năm vị Tinh Quân, thật hiếm khi lại giáng lâm trần thế, được gặp mặt thật là vinh hạnh”.

Năm ông lão liền nhanh chóng phủ nhận.

Đế Thuấn thấy họ không thừa nhận, cũng không biết phải làm sao, đành mời họ đến nơi dưỡng lão của học đường để phụng dưỡng. Năm ông lão đồng ý. Đế Thuấn dùng lễ Thầy trò đối xử với họ, thường xuyên tới thỉnh giáo họ.

Vào năm Đế Thuấn thứ 14, một hôm, khi Đế Thuấn cùng bá quan diễn tấu nhạc “Thiều”, đột nhiên thời tiết thay đổi mạnh, sấm sét rung chuyển, mưa to như trút nước, cuồng phong nổi lên, cây lớn bật gốc. Trong cung điện, nhạc cụ rơi đổ vung vãi khắp nơi. Những nhạc công và vũ công không thể đứng vững đành phải bò sấp người trên mặt đất. Đế Thuấn vẫn điềm nhiên ung dung ngồi đó, một tay giữ giá đỡ chuông khánh sắp đổ, một tay cầm cái hoành, ngửa mặt lên trời nói: “Đúng, đúng,

thiên hạ này quả thực không phải là của một mình ta”. Nói rồi, ông từ từ đứng lên, chỉnh lại giá đỡ chuông khánh và đặt cái hoành xuống, chỉnh đốn mũ áo, hướng lên trời cao lễ bái, trong tâm cầu rằng: “Trời cao cảnh tỉnh, có lẽ là vì vấn đề thiên hạ này, ta quyết không dám tư hữu, nhất định noi theo Đế Nghiêu, chọn người hiền tài để truyền ngôi. Xem xét kỹ lưỡng trong quần thần, thì không có ai có công đức lớn hơn Vũ, nay xin kính cẩn tiến cử Vũ với Trời, cầu Trời xem xét. Nếu như Vũ không thể gánh vác, thì Trời hãy để mưa gió càng mạnh, sấm sét càng to, để cảnh báo con tiến cử không đúng. Còn nếu Vũ có thể gánh vác, thỉnh Trời nhanh ngưng mưa gió, giáng xuống lúa tốt, con đang rất cấp thiết chờ lệnh Trời” (*Thượng cổ Thần thoại điển nghĩa* của Chung Dục Long). Lời cầu chưa dứt, sấm sét thu lại, mưa ngưng gió tạnh. Đến khi Đế Thuấn đứng dậy, thì mây đã dần dần tản, Mặt Trời lộ ra, bầu trời xanh trở lại.

Không lâu sau, một làn khí mịt mù bồng bênh, như mây mà không phải mây, như khói mà không phải khói tràn ngập khắp cung điện rồi tản ra. Lại một lúc sau, làn khí kia dần dần tụ lại, bay lên thiên không, tụ thành mây ngũ sắc, ánh mặt trời chiếu vào hết sức tươi sáng, mỹ lệ không thể diễn tả. Nhìn thấy cảnh tượng này, hết thảy mọi người đều nói: “Đây là Khanh Vân (mây báo điềm lành)”.

Đế Thuấn lúc đó thấy Trời cảm ứng lòng người nhanh như thế thì hết sức vui mừng, liền xuất khẩu thành một bài ca: “Khanh Vân lạn hề, lễ man man hề. Nhật nguyệt hoa quang, đán phục đán hề” (tạm dịch: Khanh Vân sáng chừ, theo lễ hợp chừ. Nhật nguyệt quang hoa, ngày lại ngày chừ). Sau khi hát xong, quần

thần biết rằng loại điềm lành này là do công đức to lớn của Đế Thuấn, mọi người đều tiến lên dập đầu bái lạy, cùng nhau hát, lời hát rằng “Minh minh Thượng thiên, lạn nhiên tinh trần. Nhật nguyệt quang hoa, hoàng ư nhất nhân” (tạm dịch: Thượng thiên sáng ngời, rạng tựa sao trời. Nhật nguyệt quang hoa, tỏa bởi một người).

Đế Thuấn nghe bài hát biết được ý chí của quần thần là vẫn tín nhiệm mình, ngài ca một bài hát khác để bày tỏ ý định thoái vị của mình, để quần thần hiểu ý mình. Ca từ như sau: “Nhật nguyệt hữu thường, tinh thần hữu hành. Tứ thời tòng kinh, vạn tính doãn thành. Ư dư luận nhạc, phối thiên chi linh. Thiên ư thánh hiền, mạc bất hàm thính. Trương hồ cổ chi, hiên hồ vũ chi. Tinh hoa dĩ kiệt, khiên thường khứ chi” (Tạm dịch: Nhật nguyệt nối nhau, tinh tú sắp bày. Bốn mùa theo phép, muôn họ ngay thẳng. Ta nay luận nhạc, xứng tỏ thiên linh. Nhượng vị thánh hiền, nào ai lo tính. Trống đã nhịp nhàng, múa cũng thướt tha, tinh hoa đã cạn, vén áo đi xa).

Hát xong, Đế Thuấn nói: “Nay trăm đã tuổi 80, nếu cứ lưu luyến ngai vàng mà không tìm người kế ngôi, chính là đã xem thiên hạ là của riêng mình, vậy thì trăm biết ăn nói thế nào với các vị tiên đế? Huống chi thiên hạ không phải là của một người, vừa rồi tất cả đã thấy chư Thần mách bảo rồi”.

Đế Thuấn cũng làm theo lệ cũ của Đế Nghiêu năm xưa, đi đến sông Lạc Thủy để cầu Thần mách bảo. Sau khi trai giới tắm rửa, Đế Thuấn dẫn quần thần dâng đàn, mặc niệm cầu khẩn. Cầu khẩn xong, cung kính đứng trên đàn chờ lệnh.

Một lúc lâu sau, chợt thấy ở ngoài đàn có một vật chuyển động, nhìn kỹ thì thấy hoá ra là một con rồng vàng rực rỡ, trên lưng mang một bức vẽ, dài chừng 32 thước, rộng khoảng 9 thước. Con rồng này đến phía trên đàn, nghiêng lưng để bức vẽ rơi trước mặt Đế Thuấn, rồi lập tức nhảy xuống nước biến mất. Đế Thuấn và quần thần nhìn kỹ bức vẽ kia, nẹp bằng ngọc vàng, khung bằng ngọc trắng, buộc bằng dây vàng, phết bằng



Chân dung Đế Thuấn, lấy từ bộ tranh các vị thánh quân và các hiền thần trong điện Nam Huân ở cố cung thời nhà Thanh.

tử chi, ở trên là một ấn chương đóng ngay ngắn với năm chữ lớn “Thiên Hoàng Đế phù tử” (con dấu ngọc tử của Thiên Đế). Đế Thuấn mở bức vẽ ra xem đại ý của văn tự viết trong đó là nên truyền thiên hạ lại cho Vũ.

Lúc này chợt thấy năm ông lão lại xuất hiện trước xe. Năm ông lão đồng thanh cười và nói: “Giờ biết vua thoái vị đã định được người kế ngôi, từ nay xin được cáo biệt, sau này còn gặp lại”. Dứt lời, mỗi người đều

lắc mình, rồi đột nhiên biến mất. Một hồi lâu sau biến thành năm vì sao lớn, xếp thành hàng chính tề trên bầu trời, kết thành một chuỗi ngọc châu, thường gọi là “Ngũ tinh liên châu”, là hiện tượng thiên văn rất hiếm gặp.

Năm sau, có Thanh Long xuất hiện ở ngoại thành.

Mùa đông năm Đế Thuấn thứ 42, khi tiết trời sương xuống, cỏ cây vẫn xanh thắm như cũ, không hề khô héo, mọi người rất ngạc nhiên. Vũ nói: “Đây là do Mộc khí quá cường”. Đế Thuấn nghe xong cười nói: “Đó là ứng với khanh đó. Khanh đức tại Mộc. Trước đây khi Thanh Long xuất hiện, màu xanh thuộc về Mộc, những năm sau cây cối rất tươi tốt, cũng là dấu hiệu của Mộc. Xem ra, khanh có thể kế ngôi vị thay cho trẫm”.

Một thời gian sau, lại có Thần Chúc Dung giáng xuống núi Sùng Sơn. Chúc Dung là vị Thần lửa, mọi người cho rằng chính nhờ khí Mộc thịnh mà khiến cho Hoả thịnh.

Đế Thuấn biết rằng sự xuất hiện của loạt các sự kiện như vậy là điềm báo rằng Vũ sẽ hưng thịnh. Vua Thuấn nói với Vũ rằng: “Khanh trị thủy hoàn thành, có công lớn khắp thiên hạ. Có thể cần lao với tổ quốc mà buông bỏ hạnh phúc cá nhân, không tự mãn tự đại, đức hạnh mỹ hảo. Thượng Thiên đã giao phó sứ mệnh cho khanh”.

Nhưng Vũ vẫn muốn từ chối.

Đế Thuấn nói, ý Trời đã như vậy, đừng từ chối nữa.

Đế Thuấn đã chọn ngày đầu tiên của tháng Giêng, làm lễ nhường ngôi cho Vũ tại miếu Thần Tông Đế Nghiêu, tất cả nghi lễ đều giống như lúc Đế Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn trước đây.

Đế Thuấn ân cần dặn dò Vũ rằng: “Cần đối đãi thận trọng với ngôi vị của vua, làm việc theo nguyện ý của nhân dân”.

Sau khi nhiếp chính, Vũ bàn bạc để khôi phục quy chế Cửu Châu. Khi Đại Vũ trị thủy, đã lên kế hoạch triều cống của Cửu Châu một cách hợp lý. Nay thụ mệnh nhiếp chính, đầu tiên khôi phục quy chế Cửu Châu, tiếp tục ban hành luật triều cống được quy định trước đó cho các chư hầu. Loại biện pháp này của Đại Vũ gần như là trung ương tập quyền. So với việc Đế Thuấn ban hành Ngũ tín thì Vũ còn tiến hơn một bước, trước kia vẫn là thống nhất trên danh nghĩa, giờ đây không chỉ phải thực thi triều cống trên danh nghĩa, mà trên thực tế mỗi năm phải mang một số lượng nhất định vật phẩm tới cống nạp cho triều đình. Số lượng và chủng loại vật phẩm đều do triều đình chỉ định, không thể thoái thác. Chư hầu nếu không phục tùng triều đình thì không nhất định có thể nhìn ra trước mắt mà thấy được, ví dụ chư hầu đó trên thực tế tuy rằng đã làm phản nhưng lại không biểu hiện ra ở bề mặt, thì cũng chỉ đành để vậy mà thôi. Nhưng nay mỗi năm đều phải cống nạp một số lượng vật phẩm, nếu vật phẩm không đến triều đình, thì cũng chính là phản bội.

5. Mười sáu chữ tâm pháp “Thánh nhân tâm truyền”

Đế Thuấn truyền ngôi cho Đại Vũ, còn truyền lại cho Đại Vũ mười sáu chữ tâm pháp, được gọi là “Thánh nhân tâm truyền”, nội dung như sau “nhân tâm duy nguy, Đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung”.

Đây là nguyên tắc trị lý quốc gia và tu dưỡng đạo đức cá nhân mà Nghiêu – Thuấn – Vũ truyền lại.

“Nhân tâm duy nguy” là chỉ rằng nhân tâm có tính không ổn định, tham sân si ái, tình cảm nam nữ hết thảy đều là nhân tâm. Dưới sự chi phối của thanh sắc, danh lợi, đồ kỵ, là lúc nhân tâm trở nên nguy hiểm nhất, vậy nên, nhất định phải cẩn trọng giữ vững tâm tính.

“Đạo tâm duy vi” là nói rằng tâm đạo là vô cùng vi diệu. Đạo tâm chính là cái tâm của tự nhiên và trời đất, cũng chính là bản tính tiên thiên. Nhân tâm chiến thắng Đạo tâm, thì sẽ sa đọa mà thành kẻ tiểu nhân; nếu Đạo tâm chiến thắng nhân tâm, thì sẽ thăng hoa trở thành người quân tử, thậm chí xuất phàm nhập Thánh.

“Duy tinh duy nhất” là nói rằng tập trung tinh thần để lĩnh ngộ tâm đạo, chuyên nhất vào cái tâm ấy, giữ vững bản tính tiên thiên (tức là đạo tâm).

“Doãn chấp quyết trung”, “doãn chấp” chính là nói rằng bình tâm tĩnh khí, tĩnh quan chấp thủ, không xa rời bản tính tự nhiên, giữ vững đạo tâm, công bằng vô tư.

Mười sáu chữ này dường như chỉ là tâm pháp an bang trị quốc, trên thực tế cũng là tâm pháp tu luyện để tu thân dưỡng tính.

6. Đế Thuấn thăng thiên

Trong những năm cuối đời, Đế Thuấn đã có căn cơ trong việc tu Đạo. Một lần, Thuấn đến tuần sát địa khu Vũ Di, gặp hai người con trai của Bàn Tổ, họ đã nói chuyện về rất nhiều việc trong tu Đạo.

Một lần, Đế Thuấn gặp được Chân nhân Nguyên Tú ở núi Hoa Lâm, Chân nhân Nguyên Tú giảng giải tường

tận cho ông cách luyện được công đạo dẫn dưỡng sinh và thuật thoát thai hoá cốt.

Năm thứ 50, Đế Thuấn đến Minh Điều. Vua Thuấn yêu thích cảnh núi non thanh tĩnh nơi đây, liền cho người dựng mấy gian nhà, rồi từ đó ở lại đây, không trở về Bồ Phán nữa. Đó cũng là Đế Thuấn học theo Đế Nghiêu xây cung nghỉ dưỡng, tránh xa đô thành, để cho Bá Vũ độc lập làm theo ý chí của mình.

Khi Đế Thuấn đi cùng thị vệ ở Yến Long, đi tới chân núi Thương Ngô, trên đường gặp một người, người đó tự xưng là Hà Hầu, còn gọi là Niết Khuyết.

Đế Thuấn và tùy tùng đều lấy làm kinh hãi, Đế Thuấn thất kinh hỏi: “Ngài là Niết Khuyết ở Thương Ngô. Tôi theo học sư phụ Hứa Do (chú thích: Niết Khuyết là thầy của Hứa Do), thật là thất kính, thất kính! Làm sao ngài biết chúng tôi hôm nay sẽ đi ngang qua nơi này?”

Hà Hầu nói: “Sư phụ của tôi là Xích Tùng Tử hôm trước có nói, thời điểm Thánh thiên tử thăng thiên sẽ nhanh đến thôi, vậy nên tôi tới dưới núi này nghênh đón Thánh giá”.

Thế rồi Đế Thuấn đi tời nhà tranh của Hà Hầu. Hà Hầu ghé vào bên tai Đế Thuấn khe khẽ nói điều gì đó. Cuối cùng chỉ nghe Đế Thuấn nói: “Có thể! Được!” Hà Hầu nói: “Ngày mai đại cát, đến ban đêm là có thể đi”. Đế Thuấn liên tục gật đầu.

Ngày hôm sau, Đế Thuấn cầm mấy thẻ tre, nhắc bút lên, viết lên đó mấy câu, rồi đặt trên bàn.

Đế Thuấn gọi tùy tùng chuẩn bị nước tắm, tắm rửa xong, thay bộ đồ mới. Chờ đến khi gần khuya, Đế Thuấn gọi tùy tùng đến dặn bảo: “Đêm nay trẫm sẽ thăng thiên, đây là điều mà trong tu luyện được gọi là đắc chính quả.

Đội sau khi trẫm thăng thiên, các người có thể lập tức về để đô thông báo. Trẫm còn để lại vài lời di thư, có thể mang đi làm bằng chứng, tất cả những điều muốn nói ta đã viết rõ trên đó”. Ngoài ra ông không nói gì nữa. Tuy tòng chỉ có thể đáp lại vâng vâng.

Một lúc sau thì đến hoàng hôn, trên bầu trời hiện lên những ráng mây đỏ rực rỡ, tiếng nhạc vang lên, hương thơm kỳ lạ toả ra. Chỉ thấy những đám mây đầy màu sắc lượn lờ ở phía Tây Bắc, dường như có vô số Tiên nhân, mỗi người cầm một loại nhạc khí đến, phía sau còn có



*Tranh vẽ 24 tấm gương về hiếu của Vương Tố thời nhà Thanh:
Lòng hiếu kính của Ngu Thuấn cảm động trời xanh*

xe ngọc dao, càn ngọc, tinh kỳ cầu vồng, lọng lông vũ, Tiên nhân bao quanh tứ phía, từ từ hạ xuống. Đế Thuấn và Hà Hầu cũng bước ra khỏi nhà tranh, chấp tay chào nhau. Các vị Thần Tiên đến trên mặt đất, trong đó có một vị chấp tay về phía Đế Thuấn nói: “Tôi phụng mệnh Thiên đế, vì công đức của ông ở nhân gian đã viên mãn, đã đến thoát khỏi trần thế, nên đến để nghênh đón ông trở về thiên giới Côn Luân”. Đế Thuấn lập tức lên xe. Xe ngọc dao, càn ngọc dần dần thăng thiên, Đế Thuấn vẫy tay với tùy tùng mà đi.

Thuấn kế vị Nghiêu đăng ngôi Thiên tử năm 61 tuổi, tại vị 50 năm, hưởng thọ 110 tuổi.

Mộ y quan của Thuấn được chôn ở núi Cửu Nghi ở bờ Nam sông Trường Giang, chính là Linh Lăng.

Đế Thuấn ở vào thời kỳ quá độ quan trọng giữa Nghiêu và Vũ, ông chủ trương lấy đức giáo hóa dân, lấy nhân nghĩa thi hành chính sự, lấy hiếu làm gốc của gia đình, lấy lễ quản trị con người, lấy thiện hội tụ lòng dân. Phẩm đức cao thượng, hiếu để trung tín mà ông thể hiện ra là điều được hậu thế tôn sùng. Luân lý đạo đức mà ông khởi xướng trở thành quy phạm đạo đức và chuẩn tắc hành vi của con người. Văn hoá truyền thống với đạo đức làm hạch tâm mà ông đặt định, trải qua hơn 4000 năm bể dâu vẫn lấp lánh ánh hào quang, như vàng nhật nguyệt, đồng tồn với trời đất.

Chương 7: Khai sáng kỷ nguyên mới cho Hoa Hạ

1. Hồng phạm cứu trừ

Sau khi Đế Thuấn hồi thiên, Vũ đế tang Đế Thuấn ba năm, sau đó nhường lại ngôi vị cho con trai của Thuấn là Thương Quân, rồi lui về ở ẩn ở Dương Thành. Nhưng chư hầu trong thiên hạ đều không đến triều bái Thương Quân, mà đến triều bái Vũ. Vũ kế vị lên ngôi Thiên tử, lấy quốc hiệu là Hạ.

Sau khi kế vị, đầu tiên Vũ tế cáo với Thiên địa Thần linh. Đại Vũ dập đầu cầu Trời, Trời ban cho Vũ “Hồng phạm cứu trừ”.

Một hôm, Đại Vũ đến núi Hùng Nhĩ, là nơi đầu nguồn của sông Lạc Thủy, Thần Quy xuất hiện đi thẳng đến phía trước Vũ, trên lưng Thần Quy có đồ hình và văn tự, Vũ dùng bút vẽ theo mẫu hình trên đồ hình. Một bên là số, từ một đến chín, sắp xếp có trật tự, tính tổng theo chiều ngang và chiều dọc đều cho kết quả là 15. Một bên là văn tự, ghi tên các trừ từ một đến chín: Ngũ hành, Kính dụng ngũ sự (Kính dùng năm việc), Nông dụng bát chính (Dùng cho đầy đủ tám điều chính yếu), Hiệp dụng ngũ kỹ (Dùng đủ năm điều ghi chép để định mùa màng), Kiến dụng hoàng cực (Dựng lên những mục thước về đạo làm vua), Nghĩa dụng tam đức (Cai trị dùng ba đức tốt), Minh dụng kê nghi (Sáng suốt dùng những cách để xét kỹ các việc nghi ngờ), Niệm dụng thứ trưng (Xét dùng những việc trưng nghiệm về thời tiết), Hướng dụng ngũ phác uy dụng lục cực (Hứa trước và



Thần quy mang sách

dùng năm điều phúc lành, ra oai trước và dùng sáu điều tai vạ rất cực).

Khi rảnh rỗi, Vũ thường đem Lạc thư này ra nghiên cứu, đem nó xếp lại theo trật tự, phân thành chín loại, và giải thích thêm cho hoàn thiện, chính là “*Hồng phạm cứu trừ*”.

“*Hồng phạm cứu trừ*”, là chín trách nhiệm của Thiên tử, cũng là chín lương trị hạ. Cụ thể: trừ thứ nhất là Ngũ hành, trừ thứ hai là Kính dụng ngũ sự, trừ thứ ba là Nông dụng bát chính, trừ thứ tư là Hiệp dụng ngũ kỹ, trừ thứ năm là Kiến dụng Hoàng cực, trừ thứ sáu là Nghĩa dụng tam đức, trừ thứ bảy là Minh dụng kê nghi, trừ thứ tám là Niệm dụng thứ trung, trừ thứ chín là Hương dụng ngũ phúc uy dụng lục cực.

Ý nghĩa: (Tham khảo sách *Thượng thư*)

Trù thứ nhất là Ngũ hành: Đấng quân vương phải am tường vật lý, phải khéo léo vận dụng tài nguyên đất nước để lo cho dân no ấm.

Trù thứ hai là Kính dụng ngũ sự: Đấng quân vương phải biết phương pháp tu thân, đầu tiên là dáng điệu phải nghiêm trang kính cẩn, thứ hai là nói năng phải hợp lý, thứ ba là trông nhìn phải cho sáng suốt, nghe ngóng phải cho tinh tế, cuối cùng là nghĩ ngợi phải cho thấu triệt. Đạt được ngũ sự thì đấng quân vương sẽ hội tụ được trang nghiêm, oai vệ, lý sự, đàng hoàng, khôn ngoan, sáng suốt, tinh tường, mưu lược, thánh thiện và đạo đức.

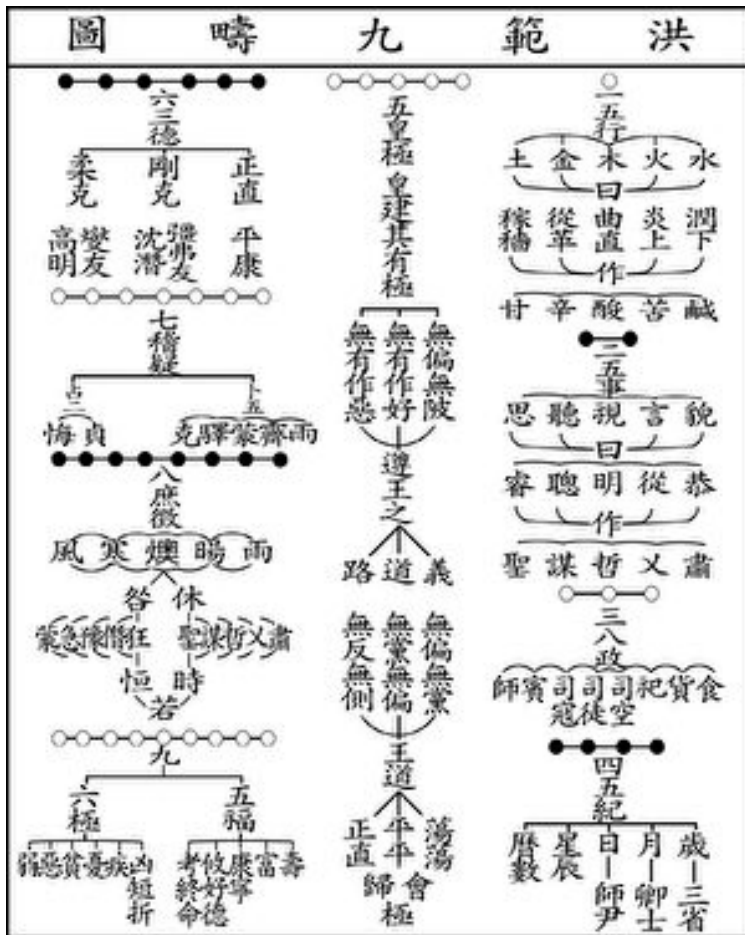
Trù thứ ba là Nông dụng bát chính: Đấng quân vương phải biết phương pháp trị dân, cương lĩnh trị dân gồm tám điểm, thứ nhất là phải lo cho dân no ấm, thứ hai là phải sung túc và tiện nghi, thứ ba là có lễ nghi và biết tế tự, thứ tư là có nhà cửa và đất đai, thứ năm là có một nền giáo hóa tốt đẹp, thứ sáu là cho dân không bị bọn gian ác và bất lương quấy nhiễu, thứ bảy là phải biết đường tiếp nhân xử thế, thứ tám là dân phải được bảo vệ tính mạng, tài sản và thoát được nạn ngoại xâm.

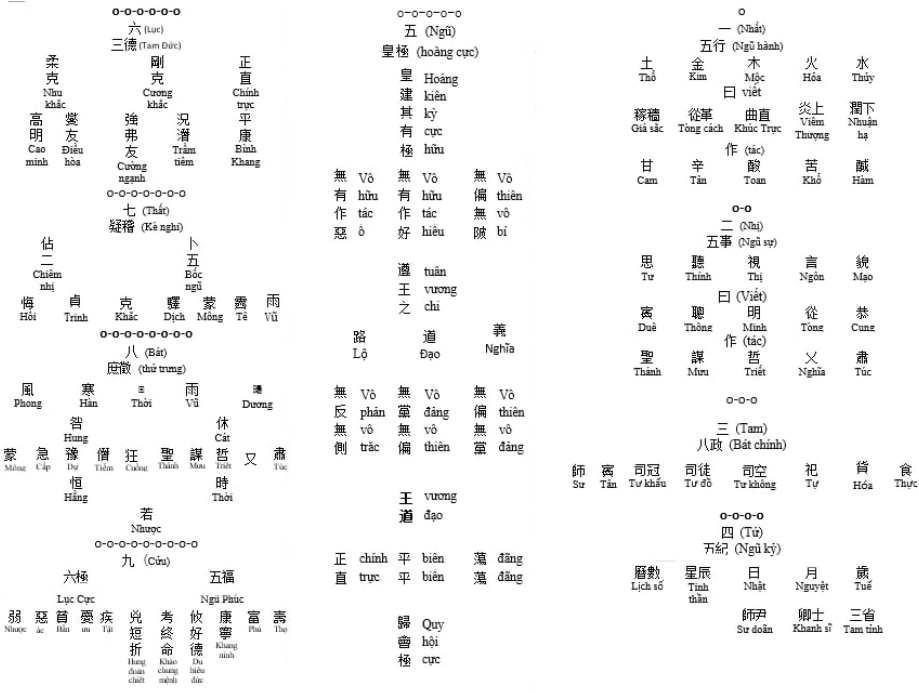
Trù thứ tư là Hiệp dụng ngũ kỹ: Đấng quân vương phải am tường ý nghĩa của lịch pháp, sự chuyển động của nhật nguyệt cùng với các hành tinh, có kiến thức như vậy thì mới biết cách dạy dân điều hòa công tác cho hợp thời, hợp tiết để được ấm no và thịnh vượng, tạo cho trời đất và người cùng hòa tấu một bản nhã ca thanh bình và thái thịnh.

Trù thứ năm là Kiến dụng hoàng cực: Đấng quân vương sẽ ở ngôi hoàng cực thay Trời trị dân, muốn

được vậy thì đấng quân vương phải có đức hạnh tuyệt vời, siêu phàm và thoát tục, lúc ấy mới xứng đáng là trung gian giữa Trời và muôn dân.

Trừ thứ sáu là Nghĩa dụng tam đức: Thuật trị dân phải dựa vào ba đức là chính trực, cương và nhu, nói thế tức là muốn trị dân chính trực chưa đủ, còn phải dựa vào cương và nhu tùy thời.





Hình vẽ "Hồng phạm cửu trù"

Trù thứ bảy là Minh dụng kê nghi: Đấng quân vương phải biết suy nghĩ, bàn bạc và hỏi han khi gặp trường hợp nan giải, đứng trước một công việc trọng đại thì phải hội ý của chư hầu, khanh sĩ, thứ dân và Trời. Hỏi Trời bằng cách bói cỏ thi hoặc mai rùa, sau đó phối kiểm lại thì sẽ biết thế nào là tốt và thế nào là xấu, cuối cùng sẽ tìm ra được đường lối đẹp để xử sự.

Trù thứ tám là Niệm dụng thứ trưng: Đấng quân vương phải nhìn vào các điềm tượng của Trời mà soát xét lại đường lối cai trị của mình, xem tuần tiết độ lượng gió mưa và nóng lạnh của Trời mà suy ra mình đã cai trị tốt hay không tốt. Lý do là đấng quân vương đứng danh hiệu sẽ cảm ứng được với đất trời và hiểu được

tiếng nói thầm lặng của đất trời cùng các biến thiên của thời tiết. Ví dụ nếu thấy quanh năm mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt dồi dào thì cách cai trị dân nước đã khôn khéo, dân thịnh nước yên, nếu quanh năm thời tiết gào quải, lúa má hư hao thì chắc là việc trị dân đã tối tăm kém cỏi, dân suy nước khổ.

Trù thứ chín là Hưởng dụng ngũ phúc uy dụng lục cực: Đấng quân vương phải nhìn vào tình cảnh nhân dân để nhận định giá trị nền cai trị của mình, nếu cai trị hay thì dân chúng sẽ hưởng được ngũ phúc là thọ, giàu, yên vui, ham chuộng nhân đức và chết già yên ổn; nếu cai trị dở dân sẽ lao lung tật bệnh, tảo vong, yếu tử, khổ sở, bất lương, thế là dân lại lâm vào vòng lục cực như chết non, bệnh tật, lo buồn, nghèo khổ, tội ác và yếu ớt.

2. Đúc Cửu đỉnh thống nhất Hoa Hạ

Sau khi Vũ lên ngôi, chư hầu trong thiên hạ tụ họp về Đồ Sơn. Để kỷ niệm lần thịnh hội này, Đại Vũ quyết định đem đồng đen do các nơi cống nạp đúc thành chín vạc lớn (Cửu đỉnh). Lấy đồng của châu cống nạp để đúc thành một đỉnh của châu đó, lại cho khắc lên đỉnh hình thế núi sông của châu đó; đồng thời cũng cho khắc lên đỉnh những đồ vật và cầm thú kỳ lạ gặp được lúc trị thủy trước đây ở châu đó, dùng đỉnh đó làm biểu tượng cho một châu, Cửu đỉnh biểu tượng cho Cửu Châu. Trong đó, đỉnh của Dự Châu làm đỉnh lớn ở giữa. Cửu đỉnh được đặt ở đô thành triều Hạ, biểu tượng Đại Vũ chính là chủ nhân của Cửu Châu, thiên hạ từ đây thống nhất. Sau đó Cửu đỉnh trở thành biểu tượng của “Thiên mệnh”, là bảo vật trấn quốc, tượng trưng cho quyền lực

do Thần ban cho Hoàng đế. Nhà Hạ diệt vong, Cửu đỉnh chuyển cho nhà Thương, nhà Thương diệt vong, Cửu đỉnh chuyển sang nhà Chu, ba triều đại Hạ Thương Chu trao truyền cho nhau.

Tại đại hội trên núi Đờ Sơn, Vũ đã giết kẻ kiêu ngạo, không chịu thần phục là Phòng Phong, khiến chư hầu bội phục.



Bản đồ núi sông Cửu Châu trong “Vũ Cổng”

Đại Vũ đi tuần về phía Nam, đến sông Tế Giang, lúc đang đến giữa dòng thì có hai con rồng vàng công thuyền lên, mọi người trên thuyền thấy đều kinh sợ.

Vũ cười nói: “Ta nhận mệnh Trời ban, chỉ biết tận lực phụng dưỡng nhân dân. Được sống là cái điều tự nhiên, phải chết là vận mệnh định sẵn. Sao phải lo lắng về rồng vậy!” Thế rồi rồng vấy đuôi sau đó biến mất.

3. Mô thức quản lý thống nhất thiên hạ

Thời kỳ trước Hạ Vũ, bao gồm cả thời kỳ Nghiêu – Thuấn, là thuộc về thời kỳ liên minh các bộ lạc, là một khối thống nhất lỏng lẻo, các tù trưởng của thị tộc và bộ lạc sẽ tự vận hành và quyết định những việc của các thị tộc. Khi triều Hạ kiến lập đã đưa ra rất nhiều biện pháp để thống nhất mệnh lệnh và ổn định trật tự xã hội, tránh xâm phạm lẫn nhau.

(i) Phân thành các châu để trị. Ban đầu tất cả các thị tộc và bộ lạc đều thực hiện theo cách thức thị tộc tự quản lý, giữa các thị tộc bộ lạc không có quan hệ lãnh đạo và bị lãnh đạo, chỉ có quan hệ thông hôn và liên minh với nhau. Phương thức gọi là “Chủ chung của thiên hạ” áp dụng từ thời Hoàng Đế cho đến vua Nghiêu cũng không có tính quan hệ lệ thuộc và nghĩa vụ mạnh mẽ. Sau khi triều Hạ thành lập đã chuyển đổi từ hình thức thị tộc thành hình thức địa khu. Người đứng đầu các châu được gọi hoặc là Quốc quân phong quốc, hoặc là Quốc quân phương quốc, tất cả đều do Hạ Vũ đích thân phê chuẩn và chịu sự lãnh đạo và quản lý của triều đình.

(ii) Định ra năm quy định về cống nạp. Trước đây, các vật phẩm do các thị tộc, bộ lạc cống nạp cho “Chủ chung của liên minh” đều mang tính chất dâng biếu, báo đáp và kết nối, không có tính nghĩa vụ và pháp định. Sau khi triều Hạ kiến lập, triều đình sẽ căn cứ vào tình hình thực tế sản vật của các châu, mà xác định số lượng và

chúng loại vật phẩm cần cống nạp của mỗi châu, ngay cả thời gian và tuyến đường đi cống nạp cũng đều có quy định. Đây là trách nhiệm và nghĩa vụ mà các phong quốc phải hoàn tất, là một loại quy định mang tính pháp luật, không thể thương lượng.

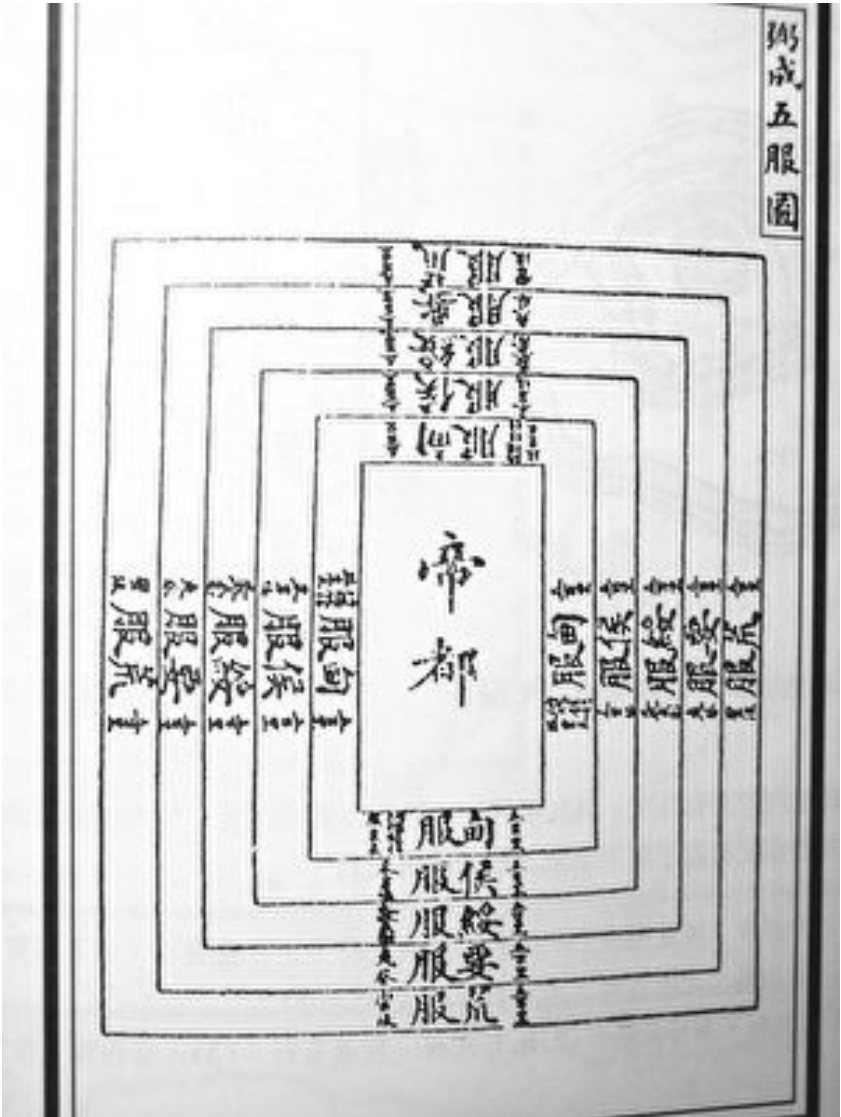
Thượng Thư – *Vũ Cống* ghi lại rằng, Vũ đưa ra luật “Ngũ phục cống phú”. Phú tức là thu thuế, triều đình ban hành quy định mang tính cưỡng chế để thu thuế từ người dân. Cống tức là, các chư hầu tự giác cống nạp lên triều đình.

Vũ cống quy định rằng ngoài kinh thành nhà vua bốn mặt đều 500 dặm gọi là Điện Phục, tức là vùng đất Thiên tử thu thuế ruộng. Cụ thể từ kinh thành ra đến 100 dặm, thuế ruộng nộp toàn thân cây lúa. Từ 100 đến 200 dặm nộp cả bông lúa. Từ 200 đến 300 dặm, nộp cả thân bông lúa bỏ bì rồi phải đi phục dịch việc công nữa. Từ 300 dặm đến 400 dặm nộp thóc. Từ 400 đến 500 dặm nộp gạo.

Khu vực 500 dặm ngoài Điện Phục là Hầu Phục, Hầu Phục là phục dịch cho quốc gia và Thiên tử. Khu vực 100 dặm ngoài Điện Phục là đất của Khanh Đại phu, phạm vi ngoài 200 dặm là đất phong cho những nước nhỏ, tiếp đến phạm vi ngoài 300 dặm là đất phong của chư hầu. Khu vực 100 dặm gần Điện Phục nhất sẽ nhận sai dịch của Thiên tử, khu vực 200 dặm đảm nhận sai dịch của quốc gia, khu vực 300 dặm đảm nhận việc trình sát.

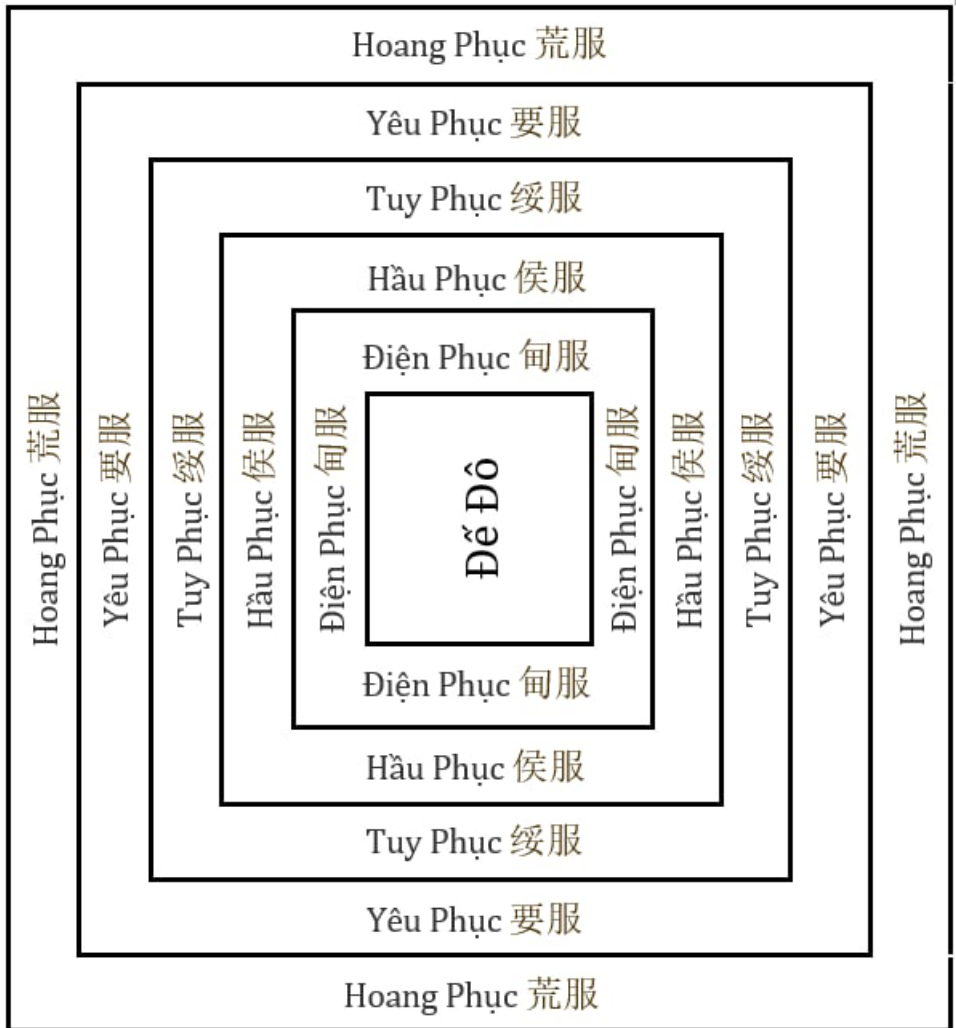
Khu vực 500 dặm bên ngoài Hầu Phục là Tuy Phục, tức là địa khu được sự vỗ về và giáo hoá của Thiên tử. Khu vực 300 dặm gần Hầu Phục, Thiên tử sẽ truyền bá pháp độ lễ nhạc, giáo dục, v.v.; tiếp đến phạm vi bên ngoài 200 dặm phải rèn luyện võ bị để bảo vệ Thiên tử.

Khu vực 500 dặm bên ngoài Tuy Phục là Yêu Phục, tức là địa khu chịu sự ước thúc và phục tùng Thiên tử. Khu vực 300 dặm bên Tuy Phục phải tuân thủ giáo hoá,



chung sống hoà bình; khu vực 200 dặm tiếp theo phải tuân thủ các điều ước của Vương pháp.

Khu vực 500 dặm bên ngoài Yêu Phục là Hoang Phục, tức là địa khu hoang vắng xa xôi bảo vệ cho Thiên



Bản đồ ngũ phục

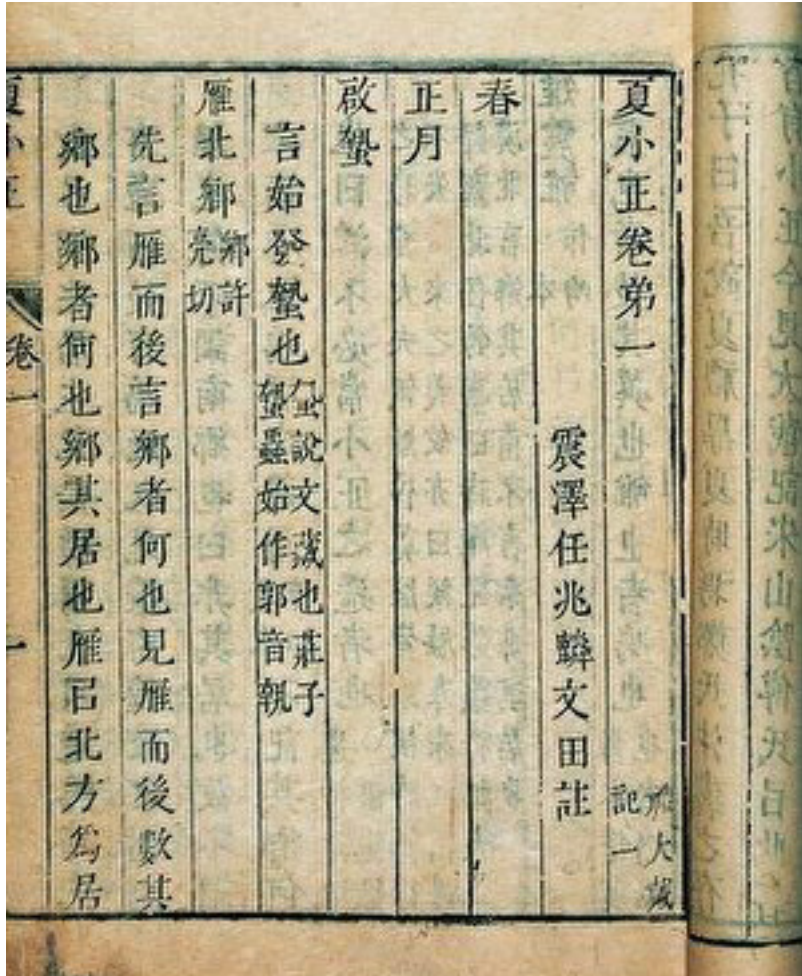
tử. Khu vực 300 dặm gần Yên Phục, duy trì quan hệ lệ thuộc; khu vực 200 dặm tiếp theo, việc tiến cống hay không có sự linh hoạt không cố định.

(iii) Thống nhất lịch pháp. Lịch pháp bắt nguồn từ việc quan trắc thiên văn, thiên tượng, từ thời Phục Hy cho đến Nghiêu – Thuấn – Vũ, đều đặt việc quan trắc thiên tượng, nắm vững quy luật vận hành của trời đất nhật nguyệt tinh tú, điều hoà âm dương bốn mùa là ưu tiên hàng đầu. Cách ghi ngày, tháng, năm theo can chi của truyền thống Trung Hoa đã bắt nguồn từ rất sớm, và cho đến thời kỳ Nghiêu – Thuấn lịch pháp đã được đổi mới và thống nhất. Sự hưng khởi của mỗi một triều thời cổ đại đều có sự liên quan đến việc “cải chính sóc” (tức là việc đặt ra ngày đầu tiên của một năm) và thống nhất lịch pháp. Sau khi triều Hạ thành lập đã ban bố “Hạ lịch” cho các nước, đây chính là “Hạ Tiểu Chính”. Căn cứ theo phương vị mà chuôi Sao Bắc Đẩu chỉ khi xoay chuyển mà xác định tháng, lấy vị trí chuôi Sao Bắc Đẩu chỉ về hướng Đông nghiêng về phương Bắc để đánh dấu tháng “Kiến Dần” tức tháng Giêng, mỗi 12 tháng tính là một năm. Lịch của triều Hạ dựa theo trình tự 12 tháng, mô tả nông sự và chính sự nên làm của mỗi tháng ứng với tinh tượng, khí tượng, vật tượng, để thuận tiện cho sản xuất nông nghiệp. Cứ ba năm, lại có thêm một tháng nhuận, năm đó còn gọi là năm nhuận, năm nhuận có 13 tháng, để điều chỉnh phù hợp lại lịch theo mối quan hệ giữa chu kỳ Mặt Trời và chu kỳ thiên văn. Lịch của triều Hạ về cơ bản vẫn được dùng cho đến hiện nay.

(iv) Xây thành đào hào. Vào thời cổ đại, thành chính là quốc gia. Thành quách thời Hạ đã có hệ thống nhất

định, cổng thành, đường ngõ, phòng xá, đều có bố cục nhất định.

(v) Chế định Vũ hình. Theo ghi chép, hệ thống pháp luật của triều Hạ chủ yếu bao gồm hình pháp và quân



“Hạ Tiểu Chính” phiên bản thời nhà Thanh

pháp. Người đời sau nghiên cứu thuật lại rằng, vào triều Hạ đã có 3000 điều hình pháp.

4. Công thành viên mãn, Đại Vũ hồi thiên

Đại Vũ trị lý Cửu Châu, bình ổn thủy thổ, sáng lập mảnh đất Thần Châu, đúc Cửu đỉnh thống nhất Hoa Hạ. Xác lập chế độ cống nạp, kiến lập và hoàn thiện thể chế quản lý, vương đạo đầy đủ. Đại Vũ đối với việc tu đạo cũng rất có tâm đắc, ông đã viết ba bộ sách: *Chân linh bảo yếu tập*, *Thiên quan bảo thư* và *Linh bảo trường sinh pháp*.

Còn một số việc ông vẫn chưa hoàn thành, đó là rất nhiều bảo vật tìm được trong quá trình trị thủy cần được xử lý, có cái cần trả về chỗ cũ, có cái cần phong kín cất giấu, không thể để những bảo vật đó phân tán trên thế gian. Cuối cùng Đại Vũ quyết định, ngoài cuốn bảo thư do Tây Thành Vương Quân năm đó tặng sẽ được ông mang trả về chỗ cũ ở sơn động Vương Ốc ra, thì các bảo vật khác, bao gồm cả ba bộ sách mà ông viết, tất cả đều đem đi cất giấu trong núi ở các nơi, để chờ đợi người có duyên.

Về người kế vị Đế Vũ làm Thiên tử, ông chọn Cao Dao làm người kế vị, để tiến cử với Thượng thiên, và trao truyền việc quốc chính, nhưng Cao Dao đã là nguyên lão của ba triều đại, tuổi tác so với Vũ còn lớn hơn, chưa kịp kế vị thì đã qua đời. Vũ lại chọn Ích, Ích có công phò tá Vũ trị thủy, nhưng không có kinh nghiệm cai quản bá quan.

Sau bảy năm, Vũ Đế đến phương Đông thị sát, đến Cối Kê. Tại đó, Thượng thiên phái một vị Thiên Thần cưỡi rồng nghênh đón Đại Vũ hồi thiên.

Sau ba năm để tang, Ích cũng như Vũ và Nghiêu, muốn nhường vị cho con của Vũ là Khải, tới ẩn cư ở phía Nam núi Cơ. Khải – con trai của Vũ, là người hiền đức, lòng người trong thiên hạ đều quy hướng về. Tuy rằng Vũ truyền ngôi cho Ích, nhưng Ích chỉ phò tá Vũ trong thời gian ngắn, cho nên, chưa hề rời khỏi Ích mà đi triều bái Khải, nói rằng: “Đây là con trai của Vũ Đế, bậc quân vương của chúng tôi”. Thế nên Khải đã kế thừa ngôi vị Thiên tử, đó chính là Hạ đế Khải.



Chân dung Hạ Khải

Những điều mà ba vị Thánh quân Nghiêu – Thuấn – Vũ cùng nhau diễn dịch là cảnh tượng mỹ hảo có thể đạt được khi con người có đạo đức cao thượng: con người kính Thiên trọng đức, thần tích thường triển hiện ở thế gian; để vương nhường ngôi mà kế vị, người được bổ nhiệm dựa trên đức, phải trải qua nhiều khảo nghiệm, còn phải tiến cử với Trời, khi đạt được hồi đáp diêm lành của Thượng thiên thì mới long trọng cử hành

nghi lễ truyền ngôi kế vị. Con người tu thân dưỡng tính, thường tìm đến các bậc cao nhân đắc đạo để xin thỉnh giáo, thậm chí có thể được các Thần Tiên trực tiếp chỉ đạo; con người dưới sự trợ giúp và chỉ dẫn trực tiếp của Thần mà vượt qua quan nạn, và đạt được những kỳ tích mà thậm chí đến ngày nay cũng khó tưởng tượng được...

Vì thế mà mọi người đều biết đích xác rằng đây là thời đại Thần – nhân đồng tại, Thần Châu thật sự là nơi Thần qua lại, văn hoá Trung Hoa là văn hoá Thần truyền cấp cho con người.

Kết luận

Nghiêu phụng Thiên mệnh, lấy nhân từ bác ái gieo tấm lòng son khắp thiên hạ, dùng đức bao bọc chúng sinh trăm họ. Dưới sự cảm hóa và giáo hoá của ông, bách tính cửu tộc truyền đời gắn bó với nhau, bá quan đồng lòng tạo nên thành tích trác việt, vạn bang hoà thuận, thiên hạ thái bình. Vạn quốc vạn dân ngưng tụ thành một thể, thiên hạ quy về để cùng nhau hợp thành đại liên minh các bộ lạc Trung Nguyên, đặt nền móng để thống nhất thiên hạ. Nghiêu định ra bốn mùa, lập ra lịch pháp, khiến cho thiên địa bốn mùa có trật tự, âm dương điều hoà. Hậu Nghệ bắn chín Mặt Trời, quét sạch yêu ma, tịnh hoá hoàn cảnh sinh tồn của nhân loại. Trời ban Hà đồ Lạc thư cho Nghiêu, khai thị sự hưng vong của các triều đại Ngu, Hạ, Ân, Chu, Tần, Hán. Thánh đức cảm động trời xanh, Trời giáng 10 điềm lành để giúp Nghiêu Đế. Sao Cảnh hiển báo điềm lành, tỏ rõ Nghiêu chính là Thần đến thế gian, khai sáng tân vũ, khai sáng nền văn hóa Thần truyền 5000 năm.

Đế Thuấn ở vào thời kỳ giữa Nghiêu và Vũ, phẩm đức cao thượng và tấm lòng nhân ái hiếu đễ mà ông triển hiện ra đã khiến chim hồng tước bay đến hiển điềm lành, đã truyền lại tấm gương cho hậu thế. Luân lý đạo đức mà ông khởi xướng và phổ biến đã trở thành quy phạm đạo đức và chuẩn tắc hành vi của con người. Văn hoá truyền thống lấy đạo đức làm hạch tâm mà ông đặt định vẫn luôn sáng ngời như vàng nhật nguyệt, truyền phúc âm cho muôn đời sau. Chế độ khảo hạch thưởng phạt quan viên, chư hầu mà ông lập ra đã củng cố quan hệ phụ thuộc và liên hệ giữa triều đình và chư hầu, từ đó kiến lập một bộ thể hệ hoàn chỉnh về đạo đức, pháp luật, giáo dục, khảo hạch thưởng phạt, xác lập bố cục và cấu trúc của một thiên hạ thống nhất. Ngũ điển mà ông lập nên vạn dân vui vẻ noi theo, công lao sáng lập giáo dục truyền đến vạn đời sau; ông thiết lập nên hình pháp phân thành chương mục để dễ dàng chiếu theo. Cuối cùng ông tu thành chính quả, đắc Đạo thăng thiên.

Vũ trị thủy thổ, an định Cửu Châu, từ đây thiên địa đồng nhịp, vũ trụ có trật tự, kiến lập trật tự vận hành mới của thiên địa, cuối cùng hoàn tất quá trình sáng lập Thần Châu. Vạn dân trong thiên hạ đều được sống trên mảnh đất yên bình, uy đức giáo hoá tỏa đến tận biên thùy xa xôi, công đức cao như nhật nguyệt. Xác lập chế độ cống nạp, kiến lập một thể chế quản lý hoàn chỉnh, Đế Đạo đủ đầy. Công lao trị lý Cửu Châu như trời đất, đức Cửu đỉnh trấn giữ bát phương, hưng khởi Đế Đạo khiến tứ hải thần phục, mở ra tân vũ, thống nhất vạn bang. Thần Vũ cuối cùng viên mãn hồi thiên.

Ba vị Thánh quân Nghiêu – Thuấn – Vũ kế thừa sự nghiệp của bậc tiền nhân và làm gương cho thế hệ sau,

phụng Thiên mệnh giáng xuống thế gian, khai sáng tân vũ. Tu Đạo hợp với vũ trụ tự nhiên, quy chính thiên địa bốn mùa vận hành có trật tự. Bình trị thủy thổ, điều hoà âm dương, trừ sạch yêu ma, quét sạch hoàn vũ, khai sáng và định ra hoàn cảnh sinh tồn của nhân loại, tinh hóa không gian sinh tồn của vạn vật, thống nhất Hoa Hạ. Lấy Đạo để đối đãi thiên hạ, ân đức rộng khắp, lấy đức lớn làm đế vương của thiên hạ; sáng tạo hệ thống văn hoá thiên địa nhân hoà hợp với tự nhiên, lấy đạo đức làm trung tâm, thiên nhân hợp nhất, Nghiêu – Thuấn – Vũ cùng nhau hoàn thiện quá trình sáng lập đại vũ đài mảnh đất Thần Châu, tỏa sáng hoàn vũ.

(Hết)

Tổ tiên cứu nhân vật anh hùng thiên cổ của văn hóa Thần truyền huy hoàng 5000 năm

Nguồn: chanhkien.org / Dịch từ: epochtimes.com

Mời các bạn đọc giả đón đọc phần tiếp theo trong loạt bài nhân vật anh hùng thiên cổ Trung Quốc về Tần Thủy Hoàng!

Nhân vật thiên cổ anh hùng



Đế Nghiêu



Đế Thuấn



Đế Vũ



Tần Thủy Hoàng



Hán Vũ Đế



Hàn Tín



Tào Tháo



Lưu Bị



Tôn Quyền



Gia Cát Lượng



Chu Du



Đường Thái Tông

李白



Lý Bạch

楊延昭



Dương Diên Chiếu

岳飛



Nhạc Phi

成吉思汗



Thành Cát Tư Hãn

忽必烈



Hốt Tất Liệt

明成祖



Minh Thành Tổ

張三丰



Trương Tam Phong

李自成



Lý Tự Thành

康熙



Khang Hy

洪秀全



Hồng Tú Toàn

孫中山



Tôn Trung Sơn

蔣介石



Tướng Giới Thạch

